

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
HUE QUANG



GIỮ THƠM QUÊ MẸ

TẬP-SAN VĂN-NGHỆ
LÁ BỐI XUẤT-BẢN

12

THIỆU SƠN • CHINH BA • ĐÔNG TÙNG • LƯU NGHI
PHONG SƠN • CHINH VĂN • YÊN HI BA • SƠN NAM • HỒ
HỮU TƯỜNG • KIÊM MINH • THÁI LUÂN • MINH
TRÍ • VÕ BẰNG • TRẦN NHẬT NGUYỆT • TƯ HỒNG
CHÍN • PHI CHIẾN • VƯƠNG PÈN LIÊM • TRỤ VŨ



GIỮ THƠM QUÊ MẸ

Tạp chí văn nghệ * Lá Bối xuất bản

Coi sóc : TRỤ VŨ

2 — 4	Thái Luân	Hội nghị về V.N. — Đối thoại đêm 1953
5 — 6	Minh Trí	Khúc hát của những người khởi hành
7 — 8	Phong Sơn	Niềm tin chưa mất
9 — 12	Trụ Vũ	Tình khúc Việt Nam
13 — 16	Phi Chiến	Tất cả trái tim chúng ta đều hướng về họ
17 — 27	Chinh Ba	Đóa sen vàng
28 — 31	Thiếu Sơn	Giá trị và uy quyền của người cầm bút
32 — 34	Kiên Minh	Áo ảnh trên cánh đồng
35 — 43	Lưu Nghi	Chuyện bên đường
44 — 49	Sơn Nam	Đình ông Nguyễn, Chùa ông Đồng
50 — 54	Phong Sơn	Việc giải phẫu con người
55 — 59	Chinh Văn	Râu trên cằm
60 — 64	Hồ Hữu Tường	Quý ám
65 — 68	Yên Hy Ba	Vỡ tò
69 — 80	Đông Tùng	Tim hiền đệ tam tuyệt
81 — 82	Trần Nhật Nguyệt	Trong đêm tối
83 — 86	Tư Hồng	Trên đường vào Ba Thục
87 — 88	Chín	Công quả
89 — 94	Vương Pên Liêm	Giáo dục cộng đồng
95 — 100	Võ Bằng	Buổi học đầu xuân

Số 12 tháng 6 năm 1966



hội nghị về Việt Nam

mày có nghe gì không ?
các con ơi các con
có bao giờ hay biết
những kẻ đã đấm bàn
gọi tên nước Việt Nam
không một giây tội nghiệp

mẹ làm gì nên tội
con làm gì nên tội
mà lời qua tiếng lại
mà ta bị mắng chửi
mà con bị cộc cằn.

người ta đứng nhìn ngang
người ta đứng nhìn dọc
cái gì là Việt Nam
chúng tôi không cần biết
những gương mặt hăm hăm
những danh từ hậm hực
những bàn tay gân guốc
những mắt mở trợn trừng...

Việt Nam ơi Việt Nam
cuộc đời mày khốn kiếp
cuộc đời mày bán buôn
sao mày không nói được
sao mày không phản uất ?
con đâu con có biết
những kẻ đang đập bàn
gọi tên nước Việt Nam
không một lần thương xót.

thế nào là dân chủ ?
thế nào là quê hương ?
thế nào là nô lệ ?
thế nào là hùng cường ?
sao người không bài tỏ
sao người không giận giữ
Việt Nam ơi Việt Nam !
sao người ta chỉ chỏ
sao người ta có quyền
người ta dùng khói thuốc
người ta ngồi lặng yên
người ta nói thông suốt
người ta hả miệng nhìn...

người ta thì nhân danh
nhân danh quyền trừng phạt
còn ta thì nhân danh
nhân danh quyền cúi mặt !
các con ơi các con
không bao giờ hay biết
những kẻ đã đấm bàn
gọi tên nước Việt Nam
không một lần thương tiếc

chúng ta hạnh phúc gì
mà bần lòng thiên hạ
chúng ta đã cướp gì
mà người ta xỉ vả
chúng ta đã nói gì
mà người ta phẫn nộ
chúng ta đã xin gì
mà người ta chỉ chỏ.

Việt Nam ơi Việt Nam
sao người buồn bã thế ?

THÁI-LUÂN



đối thoại đêm 1953

— Thưa anh Việt Cộng là gì ?

— Mày còn nhỏ không cần biết
Hãy lo học đi.

— Anh đã giết bao nhiêu VC thưa anh ?

— Làm sao tao biết
Biết gì chuyện giết người

— VC có dữ lắm không ?
VC có giống người VIỆT NAM không ?

— Thằng nhỏ hãy cầm mồm
Tắt đèn đi ngủ
Đề tao nghĩ sáng mai còn lên đường.

— VC ốm lắm phải không anh ?
Tại sao lại có VC
Tại sao lại đánh nhau hả anh ?

— Thằng nhỏ, hãy im nghe không
Đừng hỏi mà tao khóc
Đừng nhắc mà tao điên...
Sáng mai tao còn lên đường...

THÁI-LUÂN

khúc hát của những người khởi hành

1

khởi từ vùng kiêu hãnh xưa dòng sông chảy băng
qua rừng núi

khởi từ niềm vui dòng sông chảy êm vào bình
nguyên

phải như bàn tay nắm chặt bàn tay

phải như những ngôi nhà dựng lên

những hàng tre những con đường phải gặp nhau

xin gặp nhau như hơi thở

hãy là đôi vai người cha

hãy là đôi cánh tay người anh

hãy là mái tóc đen nhiều người chị

hãy là người mẹ lặng yên

xin lặng yên như hơi thở

2

khởi từ mùa hạ khô những mầm non đâm chồi

khởi từ màu da vàng chúng mình cùng nhau hiện
diện

xin hiền lành như tiếng chuông

xin bình yên như bóng mát

hãy là loài ong bay hoài bốn mùa

hãy là đàn kiến đi suốt ngày đêm

hãy là lượn sóng vỗ ầm trên đá

chút hãnh diện chân tay
sự cần cù nước mắt
sự khiêm tốn loài chim

3

khởi từ câu ca dao lớp phù sa bồi lên cánh đồng
khởi từ những dấu chân lịch sử hãy xuống thành
tổ tiên

khởi từ nhịp đập quả tim chúng mình mỉm cười
thành bà con

hãy là đầu tiên những giọt mồ hôi

hãy là đầu tiên những cái nhìn

bài ca ngợi tình yêu

bài ca ngợi niềm tin

hãy là đợt sóng cuộc hành trình

xin làm ấm thời gian

như hơi thở.

4

khởi từ phương đông mặt trời mọc lên

khởi từ phương đông cây bồ đề mọc lên

hy vọng vô vàn cho chiếc lá xanh

như ánh sáng

khởi hành từ mặt trăng tháng tư !

MINH TRÍ

niềm tin chưa mất

Niềm tin chưa bao giờ mất
bởi vì tôi vẫn còn
anh chưa chết
bởi vì nguồn sống cuộc đời
không bao giờ ngưng kết
bởi vì lịch sử loài người
được nói rằng bất diệt
bởi vì những nhiệt tình đấu tranh
không bao giờ chấm hết
bởi vì danh từ «tự do»
không ai là không biết
bởi vì những tâm hồn đi lên
không phải là ngô cùng lối kiệt...
bởi vì không khí và vàng dương
thực rất là cần thiết
và trước những hình ảnh cuộc đời
anh không cảm mà tôi chả điếc
bởi vì những quá khứ đau buồn
vứt đi đừng luyến tiếc
bởi vì những tư tưởng ca ngợi quyền người
chúng ta đều thấu triệt...
Niềm tin chưa bao giờ mất
bởi vì tôi vẫn còn
anh chưa chết
bởi vì máu vẫn chảy trong tim
bừng ý tình tha thiết :
mặc dầu người ta nói thương nhau
mà vẫn còn chém giết

mặc dầu người ta cười vui tươi
trên những xác người đã chết
mặc dầu người ta ca ngợi công bằng
mà không công bằng chi hết
mặc dầu thành phố thật huy hoàng
mà xóm anh buồn thảm thiết
thì niềm tin cũng không bao giờ mất

bởi vì nói đến tương lai
ta phải dựng xây mãi miết
nếu nói rằng không thành công
là vì không cả quyết
nếu nói rằng thế cô
là vì không đoàn kết
và nếu nói đến lợi danh
mong rằng anh chẳng thiết
và buộc anh ca ngợi bất công
không bao giờ anh viết

niềm tin không bao giờ mất
bởi vì đã có những tình thương
tạo nên bằng chân thật
bởi vì kiếp sống con người
không thể dày vò bằng quyền lực
bởi vì lý tưởng là ngọn đèn
không bao giờ lịm tắt
bởi vì giữa đồng bào chúng ta
tình thương phải muôn bền chắc

Niềm tin không bao giờ mất
bởi vì nói đến sử xanh
ta có hơn 4000 năm oanh liệt
và nói đến chuyện chống xâm lăng
không ai kiêu hùng hơn giống nòi Lạc Việt

PHONG SƠN

Tình Khúc Việt Nam

1

Hoa cần chi ai hay
khi tỏa hương huyền diệu;
nhưng khi tôi làm thơ
thì tôi cần Em hiểu
Tại sao Em làm đẹp ?
— chính để cho mắt chàng
Tại sao tôi làm thơ ?
— chính vì nàng diễm tuyệt
Tại sao chim nó hát ?
— vì cho bạn nó nghe
Tôi hát khúc ca vì
biết rằng Em lắng đợi

2

Xưa có bà mẹ già
ba con đi quân đội
Gió chiến tranh đã thổi
cây cải xanh lên trời
để rau răm ở lại
chịu ngậm ngùi bao năm
Mẹ sống trong cô độc
giữa một khu rừng già
Dưới mái tranh hiền hòa
phủ một giàn thiên lý
(bóng sẽ êm như mơ
nếu có đoàn trẻ thơ)
Bên lán giếng mẹ có
một em gái chưa chồng
Mái tranh buồn trông mong
nên tóc vàng rạ rữa :
— cha đi không về nữa

Hai nhà đứng xoay lưng
Mẹ đốn củi trong rừng
em làm công dưới xóm
cùng đi từ sáng sớm
cùng về lúc sáng bùng

Họ không hề thấy nhau —
hai người cô độc ấy !

•
Hai nhà đứng xoay lưng
Có hai khung cửa sồ
tháng năm không hề mở —
mạng nhện giăng bịt bùng

Ở bên khung cửa này
có một lồng chim sáo ;
ở bên khung cửa nọ
có một chậu kê xanh

Không có người để thương
nên mẹ trồng trong chậu
một cây kê xanh xanh
để mà yêu mà dẫu ;
nên em nuôi con sáo
để mà mến mà thương

Cây kê cứ xanh lên
cho phòng mẹ bớt tối ;
chim sáo cứ hót mãi
cho lòng em nói năng

•
Nhưng bỗng tới mùa đông
sáo nghe lạnh trong lồng

không còn ca hát nữa ;
và bên kia cửa sổ
cây kè cũng héo đi

— « Thôi chết ! chim đau rồi ! »
Em thốt lời đau đớn
Vội vàng nhai gạo mớm
vì e sáo thiếu ăn

Mẹ già không nói năng
chỉ âm thầm nhỏ lệ
(vì thẹn thường không thể
kể to tiếng người hay
nỗi buồn bà sâu dày
chỉ vì cây nhỏ bé)

Vội vàng đi ra bè
vục một gáo nước trong
tưới cho cây mùa đông
vì e cây thiếu nước

Nhưng cây đâu có khát,
chim đâu có đói lòng :
kè và sáo mùa đông
chỉ buồn vì bóng tối

Nên mỗi ngày chim mỗi
khép cánh và ngưng lời ;
nên mỗi ngày cây mỗi
úa héo nét xanh tươi

Mỗi ngày lòng mẹ mỗi
úa theo lá mùa đông ;
mỗi ngày tiếng ca trong
của lòng em nín lại

Đông làm thêm giá băng

hai tâm hồn đã lạnh

Thế rồi bỗng một hôm
chim sấp trút linh hồn
nằm ngã mình nghèo cồ
Em đứng bên cửa sổ
ngây ngất vì xót xa
liền tung cánh cửa ra

Cánh cửa năm tháng đóng
mạng nhện giăng bịt bùng,
nên khi cửa vừa tung
mạng nhện vừa rơi xuống

Mạng nhện liền rơi xuống
và mặt trời rạng đông
liền tuôn ánh sáng hồng
vào căn phòng tăm tối
và cười cười nói nói
và nhảy múa vuốt ve
trên tóc em vàng hoe
trên má em hồng nhuận
trên mắt em xanh đậm

Và, đang nằm lặng thình
con chim bỗng trở mình

Thế rồi chim sống lại
cất tiếng hát trời trong
cất tiếng hát vừng hồng
cất tiếng mừng sự sống
cất tiếng ca hy vọng —
giai điệu quá tưng bừng
thấm mem say tận cùng
trái tim người thiếu nữ

khiến hồn em hơn hờ
liền đua nở muôn hoa

Chính giữa khi bên này
cánh cửa vừa tung mở
thì bên kia cánh cửa
cũng mở tung vội vàng :

Trong khi nàng mở cửa,
mẹ cũng mở cửa ra
vì ngày ngất xót xa
trông chừng như tất thở
thương cho kẻ héo úa

Nhưng khi cửa vừa tung
thì ánh sáng tung bừng
của mặt trời ào tới ;
và cây kẻ tấm gọi
ánh sáng, vội hồi sinh

•
Sáo ngừng cổ nhìn sang
và thấy kẻ bên đó ;
kẻ vươn cành lá ngó
và thấy sáo bên kia

Sáo nhìn thấy màu xanh
nơi kẻ, liền tưởng nhớ
tới mùa xanh của trời
của đồng hoa nội cỏ
của quê hương thời cũ
nơi đó sáo đã ca
cho lá và cho hoa
tấm gọi nguồn giai điệu

Trong phút giây huyền diệu
giọng sáo cất cao thêm

Giọng sáo cất cao thêm
mang theo một tiếng hát
bao nhiêu ảnh nhiều hình
của quê hương kẻ xanh —
nơi, giữa trời cao rộng
mặt trời soi lồng lộng
kẻ đã cố xanh tươi
để tấm gọi chim trời
bằng màu xanh của nó

Màu xanh của cây kẻ
tiếng hát của con sáo
đã gọi trong lòng nhau
bao vui buồn huyền ảo

Họ buồn vì nhớ tiếc
thời hoa bướm đã qua ;
họ vui vì tìm ra
điều chi như Lẽ Sống

Và chim sáo cảm động
tỏ đôi lời thiết tha :
— « Anh sẽ sống để ca
cho em vui mà sống »
Và cây kẻ cảm động
— « Em sẽ sống vì anh
em sẽ dâng màu xanh
cho anh nhìn mà sống »

Rồi sáo hát cao thêm
cho hồn kẻ reo hát ;
rồi kẻ xanh bát ngát
cho hồn sáo tươi lên

•
Nghe tiếng sáo bên kia
mẹ già ra cửa sổ ;
thấy kẻ xanh bên đó
em gái đứng nhìn qua

Rồi mắt họ gặp nhau —
hai con người đau khổ ;
rồi môi họ cùng cười —
không hiểu vì sao nữa

Rồi trong tiếng sáo vui
trong lá xanh phát phối
bà mẹ và cô gái
cùng lắng nghe trong mình
này sinh một mối tình
chi mà huyền diệu quá !
mối tình chi rất lạ :
nó làm ấm trong tim
nó làm lưng thẳng lên
nó làm hoa gạo nở
nó làm anh vũ múa
nó làm trời thêm xanh
nó làm suối long lanh
nó làm tơ óng ánh
nó làm sao lóng lánh
nó làm thịt thành tim
nó làm xương thành người
thân người thành to lớn
đời người thành vô lượng
nó làm dậy triều xanh
nó làm rạng hòa bình
nó làm em thổ thê
tiếng thiêng liêng là :
— MẸ !
nó làm mẹ reo dòn
tiếng màu nhiệm là :
— CON !

... Từ đó hai cửa sò
không đóng lại bao giờ
hai con người bơ vơ
đã kết tình con mẹ
hai căn nhà quạnh quẽ
đã trở ngõ tìm nhau
hai mái tóc ưu sầu
đã cài hoa ánh sáng
trong tiếng ca tỏ rạng
mà sáo hiển cho kẻ
trong màu xanh diệu kỳ
mà kẻ dâng cho sáo

3

Hoa cần chi ai hay
khi tỏa hương huyền diệu ;
nhưng khi tôi làm thơ
thì tôi cần Em hiểu
Tại sao Em làm đẹp ?
— chính để cho mắt chàng
Tại sao tôi làm thơ ?
— chính vì nàng diễm tuyệt
Tại sao chim nó hát ?
— vì cho bạn nó nghe
Tôi hát khúc ca vì
biết rằng Em lắng đợi

TRỤ VŨ

phi chiến

TẤT CẢ TRÁI TIM CHÚNG TÔI đều hướng về họ

TÔI viết bài này sau khi đã xảy ra vụ nổ súng của quân đội Mỹ giữa Thủ đô Saigon sau tòa nhà Văn hóa nguyên là Quốc Hội Việt Nam Cộng Hòa.

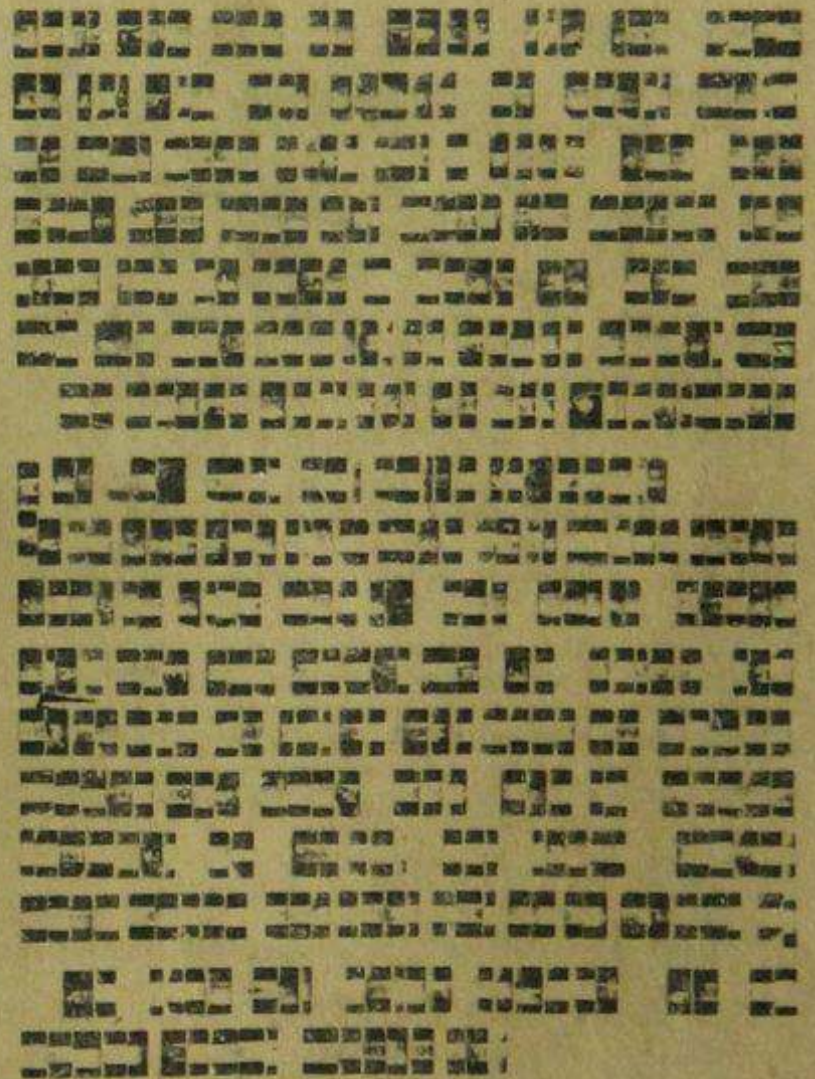
Nguyên nhân là do một quả mìn nổ trước tiệm Suzi Wong ở đường Hai Bà Trưng.

Mìn nổ là sự thường xảy ra ở Saigon và chắc chắn là do bàn tay khủng bố của V.C.

Nhưng có điều khác thường là không thể giải thích được tại sao 2 quân cảnh Mỹ ở nơi xảy ra tiếng nổ 400 thước đã nổ súng.

Phát ngôn viên Quân sự Mỹ tuyên bố :
« Không có quân cảnh nào nói đã trông thấy Việt Cộng ».

Mà không thấy VC thì nổ súng làm gì và nổ súng để bắn ai.



Ông Kaplan, phát ngôn viên của phái bộ Hoa Kỳ ngay sau khi đó đã bày tỏ cảm tình sâu xa của tất cả những người Mỹ ở Việt Nam đối với những nạn nhân

vô tội. Ông nói: « Ngày hôm nay tất cả trái tim chúng tôi đều hướng về họ ».

Tòa Đại sứ cũng hứa sẽ bồi thường thỏa đáng cho tất cả nạn nhân.

NƯỚC Mỹ giàu có thiếu gì tiền để bồi thường cho nạn nhân nhưng người Mỹ không thể nào trả lại sự sống cho họ được. Người Mỹ cũng không thể nào hàn gắn được những đau thương tang tóc của thân nhân những người lâm nạn. Chúng tôi thành thật thông cảm sự hối tiếc của những người Mỹ có trách nhiệm nhưng chúng tôi không tin rằng tất cả trái tim người Mỹ ở Việt Nam đều ảnh hưởng những nạn nhân vô tội do cuộc thảm sát ngày 10-5-66 vừa qua.

Không phải người Mỹ thù ghét gì dân tộc Việt-Nam nhưng do bản năng tự vệ họ không thể nào phân biệt được một người thương dân Việt Nam với một tên V.C. vì tất cả đều là người Việt Nam.

Theo tin AP ngày 3-3 thì một viên chức Quốc Phòng Hoa Kỳ đã cho biết quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam đã sử dụng 210 triệu Mỹ kim về đạn dược trong một tháng. Hiện nay được cung cấp bom đạn với số lượng gấp hai lần rưỡi so sánh với chiến tranh ở Triều Tiên.

Chiến tranh Triều Tiên là một cuộc chiến tranh khốc liệt đại qui mô có chiến tuyến và cả hai bên đều sử dụng toàn lực của mình, để phân biệt đâu là bạn, đâu là thù nên những bom đạn của hai bên phần nhiều đều nhắm vào đối phương để dành phần thắng lợi.

Ở đây là một cuộc chiến tranh không giới tuyến, Việt Cộng ở lẫn lộn với thường dân

thì nạn nhân phần lớn phải là thường dân

Hơn nữa Việt Cộng sống như chuột ở trong hang, trong hầm, trong rừng trong núi,

Chinh một giáo sư Hoa Kỳ là ông Bernard Fall đã thống kê số nạn nhân chiến tranh đã lên tới con số khủng khiếp là 600.000 người.

TÔI tin chắc rằng người lính Mỹ phần đông không phải là những người khát máu. Họ tha thiết với sự sống của họ thì họ cũng biết tôn trọng

sự sống của người khác. Nhưng họ phải lãnh một nhiệm vụ là phải tiêu diệt đối phương để bảo vệ sự sống của mình. Mà đối phương thì khôn lanh, quỷ quái, khi ẩn, khi hiện như những bóng ma. Họ bắn ma không được thì họ bắn người vì người với ma giống nhau như hai giọt nước, họ làm sao mà phân biệt được?

Một thống kê của bộ quốc phòng Mỹ cho hay binh lính Mỹ mắc bệnh thần kinh với tỷ số từ 1 phần 1000

Hiện tượng đó xảy ra vì họ đụng độ với sự chết hàng ngày, hàng giờ. Họ bị thương họ cũng quạu. Bạn họ chết họ cũng quạu. Họ giết nhiều quá họ cũng ngán. Và biết bao nhiêu nguyên nhân khiến cho thần kinh họ căng thẳng và biến họ thành như những con người máy, mất trí óc và mất cả tâm hồn. Những con người đó đáng thương mà không đáng trách. Đáng trách là chỉ trách những kẻ nào đã gây ra chiến tranh và điều khiển cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Nhưng qui trách nhiệm cho ai thì lại không thuộc về khuôn khổ bài này.

SAU ngày 10-5 những nhà hữu trách ở Việt Nam lại nêu lên vấn đề cần phải rời gấp rúc ra khỏi thành phố những cơ sở quân sự của Mỹ ở Việt Nam. Giải pháp đó không giải quyết vấn đề. Ở tại Thủ đô mỗi lần xảy ra những chuyện như thế đều gây xúc động trong dư luận quốc nội và quốc ngoại. Báo chí trong nước và quốc tế đều làm ùm lên như

giác. Nhưng một khi họ rời ra khỏi thủ đô thì cũng không khỏi xảy ra những chuyện đáng tiếc giữa họ và đồng bào Việt Nam và phần thiệt hại cố nhiên vẫn về phần những người không có súng trong tay. Họ có bị phá cửa, phá nhà, bị tổn thương nhân mạng thì cũng chẳng ai biết đó là đâu. Thông

tin của họ cũng chẳng ai biết đó là đâu. Thông tin của họ cũng chẳng ai biết đó là đâu.

Dư luận không làm ùm lên nhưng thân nhân của họ và đồng bào của họ sẽ giữ mãi mối hận trong lòng biết bao giờ hàn gắn lại được.

Bởi vậy muốn giải quyết vấn đề không phải là việc đem tai họa từ chỗ này qua chỗ khác. Mà chính phủ là chấm dứt tai họa và tức là chấm dứt chiến tranh để nối lại tình giao hảo giữa hai dân tộc.

Mục sư Murte, ông cụ già 81 tuổi trưởng phái đoàn Hòa Bình qua thăm Việt Nam tháng trước sau khi về nước đã tuyên bố phải tạo nên một cuộc *Liên Minh Hòa Bình* để thay thế cho một *Liên Minh chiến tranh*.

Cuộc liên minh hòa bình đó đã được đa số người Mỹ chấp nhận. Đã có 4 công dân Mỹ tự thiêu để phát động phong trào phản chiến đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

Nhân dân Việt Nam cũng đã có người tự thiêu để cầu nguyện cho Hòa Bình. Và trong những cuộc biểu tình của phật giáo, đã nêu lên những khẩu hiệu yêu cầu

chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam và đòi rút quân đội Viên chinh Mỹ về nước.

Như vậy không phải là chúng tôi sẵn sàng mở cửa cho Việt Cộng vào Miền Nam Việt Nam này, không phải là chúng tôi bỏ cuộc tranh đấu chống sự xâm nhập của chủ nghĩa cộng sản. Nhưng chúng tôi có đường lối chống cộng của chúng tôi, khác hẳn với đường lối của người Mỹ.

Thượng tọa Thích Tri Quang đã tuyên bố với tuần báo L'express :

« Tôi tranh đấu để giải thoát cho nước tôi khỏi họa chiến tranh và khỏi sự xâm nhập của người ngoại quốc. Tôi sẽ tiếp tục tranh đấu....»

Nhà báo hỏi :

« Thượng Tọa không sợ sẽ chuẩn bị cho sự xâm nhập của Việt Cộng hay sao ?

Thượng Tọa bình tĩnh trả lời :

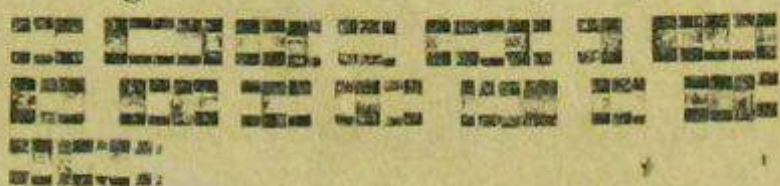
— Đức Phật sanh trước chúa Gia Tô 563 năm và Việt Cộng chỉ mới xuất

hiện từ 20 năm nay.

Thượng Tọa muốn nói rằng đạo Phật đại từ đại bi vẫn có đại hùng đại lực để ngăn chặn tất cả những chủ nghĩa ngoại lai không có gốc rễ trong dân tộc.

Và đạo Phật sẽ có đủ đức độ đem tình thương phủ lên sắt thép.

Và sau khi hòa bình được tái lập thì nước Mỹ sẽ có bộ mặt khác hẳn đối với nhân dân Việt Nam. Trái tim họ sẽ hướng về toàn khối dân tộc Việt Nam



Thay vì cầm súng họ sẽ cầm hoa và sẽ có một phái đoàn hòa bình được cử qua để dự lễ Phật Đản năm tới.

Một Liên Minh Hòa Bình được thay thế cho một Liên Minh chiến tranh và sẽ làm vui lòng đức Phật những người con Phật và biết cả những người có lương tâm trên thế giới.

Trái tim chúng ta đều hướng về họ.

giữ thơm quê mẹ

NGUYỆT SAN PHÁT HUY VĂN NGHỆ DÂN TỘC


càng ngày càng khởi sắc

số 13 phát hành 1-7-1966

chinh ba

ĐÓA SEN VÀNG

1.

VÀO một ngày nào đó, trong một xứ sở nào đó — xứ sở của mấy nghìn năm nghèo đói và chiến tranh — có một người đàn bà bị  lửa phủ ên người. Toàn thân bốc lửa, người đàn bà chạy như một con trâu điên, chạy đi tìm một cái ao, một cái giếng, một vũng nước.

Không ao, không giếng, không nước, không cỏ tươi và cây lá xanh mát. Trên trời nắng hạ đổ xuống, bom đạn đổ xuống. Dưới này là một vùng đất mà cây cối, nhà cửa và sinh vật đã biến thành tro than từ lâu lắm rồi.

Người đàn bà vẫn chạy, bỏ lại phía sau những mảnh vải ngùn khói. Giữa khối lửa đỏ rực, người đàn bà không còn một sợi tóc; chỉ còn lại giải thắt lưng quấn ngang bụng. Cái bụng to, thật to, như muốn sà xuống đùi, như muốn

lôi người đàn bà ngã bổ về đằng trước.

Sau lưng người đàn bà có một sinh vật đuôi theo. Ấy là một đứa bé gái mười tuổi, gầy như một con muỗi đói.

Người đàn bà đứng lại trước một nấm mồ — không, một cái hầm trú ẩn đắp cao như một nấm mồ — toan xông vào đấy. Lập tức một đầu gậy tre trong hầm chĩa ra, ấn vào cái bụng to, đẩy mạnh. Người đàn bà thối lui vài bước rồi té bật ngửa, một mảnh da trên bụng bong ra, để lộ một lớp thịt đỏ hồng tươm mỡ.

Đứa bé gái chạy đến, không thấy lửa, không thấy dấu đạn cây toé đất, không nghe tiếng động cơ rít ghè rợn trên đầu; nó nhào xuống ôm người đàn bà, thét lên thảm thiết rồi chết ngắt.

Một gã thanh niên từ trong hầm khắp khiêng nhảy ra. Với tất cả sức nhanh

nhẹn của một cái chân còn nguyên lành, một cái chân tàn tật, và một cánh tay độc nhất, gã lôi đứa bé vào hầm.

Lửa trên người đàn bà hạ thấp dần, riu ngọn, xòe khói, rồi tắt. Hai chân người đàn bà giở cao. Hai cánh tay nâng mười ngón co quắp đưa lên trời. Bây giờ trời xanh thắm và đẹp. Những cột khói đen của bom lửa đã lã ngọn trời hút về hướng tây. Tiếng động cơ chỉ còn âm vang trong mơ hồ.

Gã thanh niên chui ra khỏi hầm, ngồi nhìn thân hình đen nám bị cắt xén bằng những lần nứt nẻ ngoằn ngoèo. Mặt gã dùm dờ, gã rên lên như chính gã bị cháy.

GÃ thoáng thấy — dưới chính giữa hai chiếc đùi đen — một vũng máu đỏ và một cái gì, một vật gì từ trong mình người đàn bà ló ra đỏ hồng như cái đầu của một hái nhĩ. Gã rít một tiếng giữa hai hàm răng, quay mặt toan bỏ đi. Nhưng một tiếng nấc nhỏ của thân thể cháy nám đó đã giữ gã lại. Gã nhìn trần trối vào những cái khùng khiếp trên khuôn mặt cháy: đôi mắt không còn vành mi, tròng mắt trời cao lên trắng dã và chết cứng như đã thành một thứ vỏ trứng lược; hai hàm răng nhô ra khỏi đôi môi cháy sém, nứt nẻ, bốc khói nóng. Giữa khoảng hở của hai hàm răng, đầu chiếc lưỡi đỏ như máu đang cử động, đang tìm kiếm chút tươi mát của sự sống. Điểm linh hồn của người đàn bà chỉ còn một chỗ ấy để đậu lại.

Gã lật đật chạy vào hầm mang ra một bi đông nước, nhỏ từng giọt vào

miệng người đàn bà. Chiếc lưỡi cử động thật nhanh. Những tiếng nấc từ trong cổ họng thoát ra. Tay chân và thân hình người đàn bà run bần bật. Run yếu dần nhưng nhanh dần rồi đột nhiên dừng lại. Tất cả đều bất động. Bây giờ người đàn bà mới chịu chết. Chết thật sự, nhưng tay chân vẫn đưa lên trời.

2.

LÚC tỉnh dậy đứa bé thấy mình nằm gối đầu trên đùi một người thanh niên. Thoạt trông thấy gương mặt hiền dịu của gã nó mỉm cười, nhấp nháy đôi mắt đen biếc. Hai riềm lông mi chớp chớp như cái đập cánh để bay của đôi mắt đẹp. Bỗng cảm giác nóng rúc của thân thể làm căng những bắp thịt trên mặt nó; và mùi khét của tóc cháy đánh thức hẳn trí giác nó. Nó nhớ lại tất cả. Ngồi bật dậy, sống trọn với tâm trạng hãi hùng của ngày hôm trước, nó gào lên: «Mẹ ơi! Mẹ đâu», rồi vùng bỏ chạy, thoát khỏi vòng tay chơi vơi của gã thanh niên. Nó chạy băng qua những đám ruộng không có đường cày không có dấu chân trâu, không có gốc ra khô, nhưng có — rất thưa thớt — những thân cây cháy, những hố đạn nhỏ, và những ống xương trắng.

Gã thanh niên lật đật đuổi theo đứa bé với một chiếc chân cao, một chiếc chân thấp một cánh tay vung lên để giữ thăng bằng. Đứa bé vẫn gào khóc «Mẹ ơi! Mẹ đâu!» Gã thanh niên thở hào hển đáp lại: «Mẹ đây! mẹ đây! Lại đây em! Mẹ đây». Gã không nói dối. Một thứ tình cảm lạ đã nảy ra

trong lòng gã, khiến gã cảm thấy gã là mẹ của đứa bé thật. «Mẹ đây! Mẹ đây» tiếng gọi vọng về đằng trước; thành thật, thiết tha, và quả quyết làm đứa bé phải dừng bước. Nó quay lại, đi giạt lùi, trở mắt nhìn gã.

Khoảng cách giữa gã thanh niên và đứa bé ngắn dần.

Đến khi đứa bé thấy rõ những giọt mồ hôi và hai giòng nước mắt trên mặt người thanh niên thì nó dừng lại, chờ đợi. Nó bắt gặp trên gương mặt ấy cái vẻ gì rất thân thuộc của mẹ nó. Nhưng nó vẫn hỏi, hỏi rất nhỏ như hỏi chính nó: «Mẹ đâu? Mẹ còn đâu?» Gã thanh niên dang hai tay, không, chỉ một cánh tay thôi, một cánh tay độc nhất còn lại sau trận chiến đấu cuối cùng của gã cách đây 6 tháng, gã ôm đứa bé vào lòng «Mẹ đây, mẹ đây!» Đứa bé lạ lùng nhìn sâu vào mắt người thanh niên, không hiểu sao gã lại thốt lên như vậy, hay nó có hiểu, hiểu bằng những ngón tay bí ẩn trong lòng nó mà tự nó không biết. Gã thanh niên muốn nói: «Mẹ em đây, hiện sống, hiện có mặt trong lòng tôi đây!» Nhưng gã không nói vì biết rằng đứa bé không thể nào đạt được hết ý nghĩa của câu nói ấy.

3.

BÂY giờ hãy đặt cho họ hai cái tên: Tơ và Lụa chẳng hạn, «Tơ» cho gã thanh niên và «Lụa» cho đứa bé.

Tơ đã dẫn Lụa vượt qua một con sông rồi đi trên con đường rải nhựa chạy về một thành phố. Đi như thế

suốt nửa ngày, họ mới rẽ vào một lối mòn đưa đến bóng mát dưới một tàng cây. Họ ngồi nghỉ chân và dùng bữa cơm trưa. Bữa ăn gồm hai củ khoai lang luộc mà họ đã xin được của một nông dân.

Ăn xong Tơ rút trong áo ra một củ nghệ bõ vào miệng nhai thật nhỏ rồi nhả ra tay xoa các vết bỏng trên má trên vai bé Lụa. Lụa lim dim mắt hỏi Tơ:

— Chú Tơ này, Mẹ có được người ta xoa nghệ cho như thế này không hở chú?

Tơ đáp với giọng thật bình thản, và không hề có chút ý lừa dối nào:

— Không Mẹ không cần xoa nghệ, những vết bỏng của mẹ đã lành hết, Mẹ thành tiên rồi.

Lụa lại hỏi:

— Thế còn em bé của Lụa thì sao? Mẹ nói Mẹ sẽ sanh cho Lụa một em bé trai thật dễ thương. Chú có biết em bé không?

Một hình ảnh màu đỏ loé lên trước mắt Tơ. Gã chớp mắt mấy cái rồi mới đáp:

— Em bé ấy à? Em bé cũng thành tiên như Mẹ, em bé cũng bay như Mẹ

Bé lụa lo lắng hỏi:

— Mẹ và em bé bay như thế có bị người ta bắn, người ta đốt không hở chú?

Tơ cười, nụ cười sáng rỡ:

— Mẹ và bé bay cao hơn máy bay,

bay cao tít mù ! Bắn thế nào được...
Mà dầu có bắn trúng thì cũng không
chết nào.

Bé Lua vẫn chưa yên lòng :

— Thế đốt có chết không ?

— Cũng không chết ! không làm sao
chết được !

Bé Lua mừng hơn hở nhưng vẫn
còn thắc mắc :

— Sao không chết hở chú ?

Tơ lúng túng tháo chiếc bình nước
đang đeo trên vai trao cho bé Lua :

— Lua uống đi, rồi chú nói cho mà
nghe.

Gã soát thật nhanh qua hết những
điều suy tư của gã về sự sống, sự chết,
sự sướng khổ ở đời. Gã cố thử giải
thích cho bé Lua hiểu thế nào là sự
không chết của một người đã chết.
Nhưng gã biết cách giải thích của gã
chỉ làm cho đứa bé hoang mang thôi
chứ không giúp ích nó được gì.

CÁI nhìn của gã tình cờ trôi ra
ngoài nắng rồi vướng lại trên một
bình diện rộng hình tròn. Ấy là cái hố
bom cũ đã được nước sông tràn vào,
lấp kín vết thương sâu hoắm của nó.
Giữa hố bom một đóa sen hồng vươn
mình khỏi mặt nước màu rêu xanh,
khiêm tốn phò cái vẻ tinh khiết và thanh
thản, nhưng rất hùng hồn chứng tỏ sự
hiện hữu của mình ở chính giữa dấu
tích của chiến tranh.

Tơ đưa tay chỉ đóa sen hỏi bé Lua :

— Lua có thấy đóa hoa sen kia

không ?

— Thấy ạ. Lua đáp.

— Trong ao có gì cao hơn nó không

— Không ạ.

— Có gì thấp hơn cỏ không ?

— Có chứ ạ ! Lá sen đáy kia !

— Gì nữa ?

— Nước và bùn ở dưới đáy ấy.

— Thế hoa sen mọc từ đâu ra ?

— Mọc từ trong bùn, trong nước
ra, phải không chú ?

Tơ nâng khuôn mặt đứa bé lên, nhìn
đôi mắt trong sáng, thông minh của
nó, vui vẻ hỏi tiếp :

— Bùn có bắn không ?

— Có, bùn bắn lắm chứ ! Mẹ cấm Lua
chơi làm bánh in bằng bùn.

— Nước trong ao có bắn không ?

— Cũng bắn ạ. Nước ấy mà uống vào
thì mang bệnh chết đi.

— Thế hoa sen có bắn không ?

Bé Lua trố mắt :

— Hoa sen thế kia mà bắn à ! Không,
hoa sen không bắn đâu chú. Lua thích
hoa sen lắm cơ !

CÂU chuyện đã đến một khúc quanh
khó khăn. Tơ không tin vào sự
sáng sủa trong lời nói của mình, chỉ
trông nhờ ở sức thông minh của đứa
bé, nó phải thông minh nó mới hiểu
được..

Tơ nói, vừa theo dõi từng nét biến
đổi trên mặt đứa bé :

— Này nhé, Lụa nghe chú nói nhé ! Hoa sen mọc trong bùn bần này, ngấm mình trong nước bần này, thế mà nó vẫn sạch. Bùn thì tanh mà hoa sen không tanh. Vì vậy mà hoa sen là quý vật trên đời. Lụa đã thấy hoa sen vàng chưa ? Chắc chưa thấy đâu nhỉ ? Sen hồng sen trắng thì nhiều mà sen vàng thì rất là hiếm.

Ngừng một chút Tơ nói tiếp, Bé Lụa nghiêng đầu chăm chú lắng nghe .

— Người nào giữ được trong mình một đóa hoa sen vàng thì đạn bắn không chết ; lửa đốt không cháy, ở trong cảnh khổ mà không khổ, không có cơm ăn mà chẳng đói ; ở trong chỗ dơ bần mà vẫn được trong sạch. Mẹ và em Bé đã tìm được hoa sen vàng rồi nên không bao giờ khổ nữa. Lụa hiểu chưa ?

Bé Lụa khẽ gật đầu, và hỏi :

— Chú đã thấy hoa sen vàng chưa ?

Tơ ngập ngừng đáp :

— Thấy rồi ! ... Chú thấy rồi ! Mẹ chú có một đóa sen vàng... Ừ phải rồi, mẹ chú có một đóa sen vàng, nên suốt đời bà sung sướng, Bà không khóc, không than thở bao giờ ! Rốt cuộc bà không chết, bà bay lên trời như mẹ cháu vậy.

Lụa nhìn vào những chỗ tạt nguyên trên thân thể Tơ, rồi với giọng thật nhỏ, bé hỏi :

— Thế bà không cho chú cái hoa sen ấy sao ? Bà không thương chú sao ?

— Có chứ ! Bà thương chú lắm, Bà thương chú như Mẹ thương cháu, như

chú thương cháu vậy. Bà có cho chú đóa hoa ấy, nhưng chú vô ý đánh rơi mất rồi.

Gã bỗng trầm giọng lại như nói với chính mình :

— Nhưng rồi chú sẽ tìm lại được. Chắc chắn chú sẽ tìm lại được. Rồi chú sẽ cho Lụa, để Lụa được sung sướng.

Bé Lụa nhìn đăm đăm đóa hoa trên mặt ao, hỏi Tơ :

— Nó giống cái hoa kia không hở chú ?

— Không. Nó nhỏ hơn nhiều chỉ bằng đồng xu thôi, nhưng nó vàng óng đẹp tuyệt. Vì nó toàn bằng vàng. Nó không tàn không héo. Chú hứa chắc rằng chú sẽ cho cháu đóa hoa vàng ấy.

Bé lụa mừng rỡ, tưởng chừng đã nắm được đóa hoa kỳ diệu ấy trong bàn tay nhỏ nhắn của mình. Bé không biết nên cất đóa hoa vào chỗ nào trong người cho khỏi mất nên đột ngột hỏi Tơ :

— Phải cất đóa sen vào chỗ nào hở chú ?

Tơ toan đáp : « Hãy cất vào trong lòng mình ! »

Nhưng câu trả lời ấy bi nhiệm quá đối với trẻ con nên gã nói khác đi :

— Tách nó vào một sợi dây thật đẹp và thật chắc rồi đeo vào cổ mình.

Bé Lụa reo lên :

— Ô thích nhỉ ! Đeo như đeo dây chuyền vậy hở chú ?

Tơ cười vui vẻ đưa tay xoa đầu đứa bé và cúi xuống hôn lên tóc nó.

Hình ảnh đóa sen vàng óng ánh trong tri tưởng tượng của bé Lua như một cánh cửa mở đưa đứa bé vào một niềm sung sướng tròn đầy. Ở đấy, nó thấy tương lai nó tràn ngập những cơm trắng, bánh ngon, quần áo tốt, con sông xanh, cánh đồng vàng và ngững màu sắc của bướm của hoa. Nhưng thiếu hình bóng Mẹ và em bé. Nỗi vui mừng ảo tưởng vừa giậy lên trong chốc lát tan biến đi, trả nó về với nỗi buồn lo, những thắc mắc cố hữu :

— Chú Tơ ơi ! Sao chú biết mẹ và em bé có hoa sen vàng ?

Tơ cứ ngỡ đứa bé đã vừa lòng hết những lời giải thích của gã về sự vắng mặt của mẹ nó, gã không soạn trước một lời đáp cho một câu hỏi bất ngờ như thế ; nên gã phải mất nhiều giây suy nghĩ mới trả lời được :

— Mẹ biết bay, Mẹ ở trên cao, Mẹ nhìn thấy khắp nơi thì Mẹ phải tìm được hoa sen vàng chứ !

HÌNH ảnh người Mẹ cháy đen giữa khối lửa đỏ sừng sực trong ký ức đứa bé, nó cau mày, khẽ khẹp đôi mắt lại, miệng méo xệch, òa khóc :

— Chú nói dối. Mẹ cháu bị đốt cháy ngã xuống đất làm sao bay lên được ?

Tơ quay mặt nhìn ra mặt ao, màu hồng của đóa sen nhòa đi như một giọt nước đỏ rơi trên tấm vải ướt. Gã đưa nhanh cánh tay gạt nước mắt, giả vờ gắt :

— Cô bé này hay nhỉ ? Không hiểu chút gì cả ! Thế ra chiều hôm qua cô

chưa nghe tôi kể chuyện người tiều phu đốt củi, rồi nương theo khói mà bay lên trên trời à !

Đứa bé lặng im, nhưng cái ngược nhìn của nó để lộ một tia sáng ấm trong đôi mắt.

Tơ đòi sang giọng êm ái :

— Lúc Mẹ bị cháy, Lua có thấy khói nhiều lắm không nào ? Có phải khói nhiều lắm không, nhiều gấp mười lần khói của gã tiều phu kia chứ ! Khó nhiều thế mà Mẹ không bay lên được sao ?

Bé Lua tươi vui gạt đầu, nhưng vẫn còn giữ chút hồ nghi :

— Thật mẹ bay được, thật mẹ không chết hở chú ?

— Không chết.

— Thế tìm mẹ ở đâu bây giờ ?

Giọng că quyết, Tơ đáp :

— Chú sẽ dẫn Lua đi tìm. Rồi một ngày kia sẽ gặp Mẹ.

Suốt cuộc đối thoại với bé Lua, không lúc nào Tơ cảm thấy mình nói dối. Gã nghĩ : hôm nay bé Lua tương gà nói thực, có thể một ngày kia bé Lua tưởng gã nói dối ; nhưng khi đã khôn lớn hơn, bé Lua sẽ biết rõ rằng gã đã nói thực hoàn toàn tất cả những điều gã đã nói với bé hôm nay. Gã mỉm cười kéo đứa bé đứng dậy và tiếp tục cuộc hành trình.

4.

NHÀ lá xếp thêm gác ; nhà gạch chồng thêm lầu ; nhà lầu biển

hành building cao ngất để chứa người Chiến tranh càng khốc liệt thành phố càng chật người. Những người sợ chết, những người không muốn chết, những người cần sống để chặt một thêm khoái lạc đều tụ họp về thành phố. Họ chen lấn nhau, chèn ép nhau lừa đảo nhau để có một chỗ ở, để giành từng lít khí trời đầy bụi bặm, để sống ồn ào, cuồng loạn, hỗn độn.

Tơ và Lua cũng chui vào cái môi trường đó, nhưng vì yếu sức quá nên bị đẩy bật ra ngoài. Lượm những vật phế thải của thành phố, họ dựng lên một túp lều nhỏ. Ở vùng ấy có những hàng rao kềm gai; những đồng rạc kết thành gò nòng dầy ruồi nhặng, những mảnh trời xanh khá lớn, những người thiếu ăn thiếu mặc, và những cô gái mãi dâm.

Tơ và Lua sống nhờ vào sự bài tiết của thành phố; những lon sữa bơ rỗng, những miếng chai vỡ, những mảnh giấy vụn, những miếng giẻ rách, những chiếc lông vịt, được họ thâu nhặt, dãi ra cơm gạo, rồi với nước lã và khí trời, họ sống. Sống như vậy chẳng thú vị gì. Nhưng vì muốn sống, họ đã sống từ ngay này qua ngày khác, từ năm này qua năm khác. Bè Lua lớn lên thật chậm, và gã Tơ già đi rất vội.

Đôi mắt của Lua ngày càng trở nên mơ màng vì những chuyện đời xưa kể về buổi chiều của Tơ. Chuyện nào cũng có tiên, có đôi cánh bay, có hoa sen vàng, có những người không chết có cái vẻ hoang đường đầy lý thú, và

ẩn những ý nghĩa khó hiểu. Đêm đến những thứ đó len vào giấc mơ của Lua quen thân dần với nó, choáng chỗ của máu, lửa, khói, mẹ, quê hương, chiến tranh.

TUY lớn chậm, nhưng Lua vẫn lớn Mười sáu tuổi, không biết nhớ vào đâu mà Lua đẹp. Ca cai veì bong thanh sọc bằng đồng tiền ở một bên mà cũng vì Lua mà len duyên. Vẻ đẹp của nàng — từ nay gọi là nàng chứ không là Be nữa — làm cho Ma Lam thương nói với đăm con gái nuôi: «Con nhỏ đó ngo có đưng hơn tui bay roi đó!». «Cò đưng hơn» nghĩa là đẹp hơn, ăn khách hơn, hai ra tiền nhiều hơn.

Một hôm mà Tam gọi Tư Cột đèn nha chưa của mà để định đoạt cho tương lai cho cô gái hàng xóm:

— Mà biết cái con «ghế» ở với thằng Què Sơ rạc không?

— Biết chớ! Tôi để ý «ghế» lâu rồi! Cò đưng lắm!

— Từng nó đi.

— Thằng Què chịu không?

— Đếch cần thằng Què, từng em ghế đi! Bán cho mẹ Ba Hương, cho con mẹ đem ghế ra X. (X là một thành phố có nhiều người ngoại quốc đến dự cuộc chiến tranh trên xứ sở xảy ra câu chuyện này).

— Đòi mấy thìn?

— Ghế này ngon. Đòi đưng bốn thìn không thiếu xu nhỏ. Tao mầy chia hai Chịu hông?

— Ừ.

Ngày hôm sau, Lụa mang những thứ vun vạt mà nàng và Tư nhặt được, đến bán cho chú Ba ve chai. Lúc về nàng bị lôi lên một chiếc xe hơi. Vừa muốn la cầu cứu, Lụa đã bị Tư Cột tống vào mồm một quả òi lớn.

5.

BẢ Y giờ, người ta không gọi gã Tư là «Thằng Què Sở Rác» nữa mà gọi là «Què khùng». Có sự thay đổi biệt danh đó không phải vì Tư thôi bươi rác mà vì Tư tỏ ra ngớ ngẩn và thường nói chuyện một mình.

Mỗi buổi sáng gã vẫn mang trên vai chiếc bao bố, tay cầm móc sắt khắp khiêng leo lên các đồng rác còn sũng ướt sương đêm. Trước khi vào việc gã đứng thẳng người nhường cổ nhìn vào xóm cất tiếng gọi : « Lụa ơi ! Đi mau ra chứ ! Người ta nhặt hết còn gì ! » Rồi cái nhìn của gã thâu ngắn dần. Gã nói : « Lụa giỏi đấy ! Nhưng phải nhanh thêm một chút, siêng năng thêm một chút, và phải tinh mắt lắm thì mới đủ ăn Lụa ạ ! » Gã ngồi xuống lê lét từ chỗ này sang chỗ khác, cái móc sắt xới rác như máy, mắt gã quắt sáng, tai gã lắng nghe những tiếng khua động, tay gã đo lường sức va chạm của cây sắt. Giác quan gã tinh tế, bèn nhạy, không mấy khi lầm lẫn một vật vô dụng với một củ bầu. Chiếc bao trên vai gã nặng dần ; lúc gã quá mệt, hoặc bao quá đầy, gã khấp khểnh đi về túp lều uống một bát nước, hay nằm nghỉ lưng một lúc và vừa nói chuyện với cô Lụa vô hình.

Chiều đến, gã phải hai hoặc ba lần mang những thứ nhặt được đến nhà chú Ba ve chai. Mỗi khi đi ngang nhà Má Tám, gã thường bị các cô gái trêu chọc : « — Con Lụa về chưa chú Hai ? », « — Con Lụa có gởi tiền về cho chú Hai không ? », « Con Lụa nó mê mấy thằng chồng da trắng, nó bỏ chú Hai rồi hả » « — Có tiền không, vào đây em cho thơm một cái, nhớ nó làm chi cho mệt, chú Hai ? ».

Tư dừng lại, thương xót nhìn những cô gái mãi dâm cùng lứa tuổi với Lụa, rồi thất thểu bước đi, miệng lầm bầm : « Trời ơi ! Lụa khổ lắm ! Lụa khổ lắm ! Chỉ vì chú chưa tìm được cho Lụa một hoa sen vàng ! Chú tệ quá ! ».

Về nhà, gã đi ngay đến chiếc thùng gỗ đựng những chiếc áo rách của Lụa. Gã ngồi xuống, giở nắp thùng, nhìn ngáy dại vào đấy rồi sẽ sàng đậy nắp lại, đi ra thềm ngồi một mình kể chuyện đời xưa với không trung.

MỘ T hôm, gã cũng giở nắp thùng của Lụa ra, cũng nhìn vào đấy, cái nhìn đàng ngáy dại, bỗng rực sáng bất ngờ vì một ý nghĩ đẹp vừa đột ngột hiện ra, chuyển biến theo một tốc độ mà gã không kiểm soát được. Gã vội vàng đậy nắp thùng, nghiêng mình vào gầm giường, lấy ra mấy cái đinh và một chiếc chày gỗ, đóng chặt nắp thùng lại, rồi lấy dao khoét một khe hở giữa chiếc nắp.

Đêm đó gã không ngồi trước thềm kể chuyện đời xưa. Gã đi nằm thật sớm Miệng lầm nhảm đếm những cái bấm trên các đốt ngón tay.

Kể từ hôm sau, gã ăn ít đi, làm việc nhiều hơn, bớt nói chuyện một mình không quan tâm đến những lời trêu chọc của bảy con gái Má Tám. Gã đi nhanh hơn trước, từ nhà chú Ba ve chai về túp lều của gã, gã cũng đến chiếc thùng của Lua, ngồi xuống, không phải để giở nắp nhìn những chiếc áo rách, mà để nhét vào khe hở hai đồng bạc. Đêm nào nhét vào đấy ba đồng gã nghe như có tiếng cười reo của Lua. Những lần chú Ba ve chai đưa tiền cho gã quá ít, gã nói một mình: «thà ăn đói, chứ không chịu bỏ vào thùng có mỗi một đồng bạc.»

Những ngày tháng êm ái, đều đặn trôi qua đời gã như những đồng tiền rơi qua khe hở của chiếc nắp thùng. Lòng thơ thới dễ chịu thường nâng cái nhìn của gã lên đến tận màu xanh dịu mát của trời cao. Mắt gã trong sáng, chắt chứa niềm tin và hy vọng. Nhưng mỗi ngày đôi mắt ấy càng thụt sâu vào hai cái hố trũng của khuôn mặt héo tóp, sạm nắng, cần cỗi. Thân gã gầy sòm trơ xương. Những bắp thịt trên người gã tiêu mòn, chảy nhão, vì gã thiếu ăn và làm việc quá sức. Mỗi cái đứng lên ngồi xuống đều làm cho gã xây xẩm, choáng váng, hồi hộp, khó thở. Những ngày chuyển trời hay chớm lạnh, gã rên rĩ ôm lấy ngực và nhăn nhó khi phải máy động các khớp xương.

Gã biết gã mang bệnh nặng. Gã già lúc ba mươi tuổi. Gã sắp chết. Nhưng gã vẫn nhứt quyết làm đủ cách để có thừa ba đồng bạc bỏ vào chiếc thùng của Lua. Gã vẫn mang chiếc bao bố lè trên đồng rác mỗi ngày; vẫn nhịn bớt phần ăn hằng bữa. Càng nỗ lực gã

càng đến gần cái chết.

ĐẾN đêm kia, gã tỉnh dậy sau cơn sốt thường lệ về buổi chiều. Gã cảm thấy mình không còn sống được bao lâu nữa, gã nhứt định phải thực hiện cho bằng được điều gã mong muốn. Gã lần tay nhằm tính số tiền đã dành được trong chiếc thùng của Lua: «Hơn năm trăm ngày, nhân đôi lên, có trên một ngàn đồng! Nhiều đấy nhỉ? Nhưng đã đủ chưa?» Gã trần trọc mong trời mau sáng.

Khi tiếng kèn báo thức của một đồn lính trong vùng thối lên, gã chỗi mình ngồi dậy, lui cui đun nước. Rồi sau khi rót hơi ấm vào người, gã đi đến một cái chợ ở vùng ngoại ô, tìm đèn hiệu kim hoàn để hỏi giá vàng. Người ta cho biết số tiền gã sẽ dành được có thể mua ba chỉ vàng. Gã hỏi: «Ba chỉ vàng là chừng nào? Ba chỉ có thể làm một đoá hoa sen vàng không?» Người ta chỉ cho gã xem một tấm me dày hình quả tim. Gã mừng quá, kêu lên khe khẽ: «Đúng rồi, bằng đồng xu! Đúng như mình đã nói với Lua, đoá hoa sen vàng to bằng đồng xu». Tim đập rộn lên, gã hoa mắt, choáng váng thân thể trĩu nặng, gã ngã xuống va ngất xỉu.

Chỉ vài phút sau, gã tỉnh dậy đón lấy một ly nước, hít một hơi dầu khuynh diệp; gã khoẻ khoắn đứng lên đưa mắt xoắn lấy chiếc me dày hình quả tim rồi mỉm cười ra về.

Sáng hôm sau, khi hiệu kim hoàn mở cửa, gã đã có mặt dưới mái hiên

là gã đã có nói một mình — trong lúc
lều vắng của gã, như thế này :

— Lụa ! Chú có hứa sẽ tìm cho Lụa
một đóa sen vàng. Chú đã tìm được
đây rồi. Chú đã tìm thấy từng phần bé
nhỏ của nó trong những đồng rác tanh
hôi, chú gộp nhặt về, chú đúc ghép lại
bằng lửa của tim chú, và nỗi khổ lâu
dài của thân xác chú. Nay nó đã thành
hình. Hạnh phúc của Lụa đây ! Chỉ
tiếc rằng Lụa ở xa quá, không về đây
kịp để cầm nó trong tay. Nhưng chú
tin rằng một ngày nào đó sẽ có người
mang cho cháu đóa sen vàng y như
thế này. Họ cũng tìm được nó bằng
cách tìm của chú. Họ không cần phải
què một chân, đứt mất một cánh tay
như chú. Họ cũng không cần phải làm
cái nghề bươi rác như chú. Họ có thể
là một anh thợ máy, một chị bán hàng
rong, một người cai ngục, một ông
thầy thuốc, một vị giáo sư, một chàng
thi sĩ hay một nhà văn. Rất dễ nhận
ra họ Lụa ạ ! Vì họ biết kể chuyện đời

xưa, và họ cũng có một tấm lòng như
chú. Lụa hãy tìm họ và tin ở họ.

Nhưng Lụa ạ ! Nếu có một người nào
mang cho cháu một đóa sen vàng
mà cháu có thể cất vào lòng cháu
được, thì người ấy mới chính là người
đáng tin cậy nhất, đáng tin hơn cả chú
nữa. Và đóa hoa kia mới chính là đóa
hoa đem lại cho cháu thứ hạnh phúc
chân thực, thứ hạnh phúc vĩnh cửu !

KHI chết đi, khuôn mặt Tô khuất
trong bóng tối, duy có cánh
tay nâng đóa sen vàng thì được ánh
trắng chiếu rọi.

Riêng đóa hoa không đẹp, riêng
cánh tay không đẹp. Nhưng cả hai
hợp lại thì thành một hình ảnh
tuyệt vời.

Hình ảnh đó, Tô để lại cho đời.

(Phật Đản 2510)

ĐÓN ĐỌC :

DIỄN ĐÀN GIÁO DỤC SỐ 10

PHÁT HÀNH VÀO TRUNG TUẦN THÁNG 6-1966

DO MỘT NHÓM GIÁO CHỨC ĐỘC LẬP CHỦ TRƯỞNG

thiếu sơn

GIÁ TRỊ VÀ UY QUYỀN

của những người cầm bút

MỘT vụ án văn chương đã làm chấn động dư luận thế giới là vụ án của 2 nhà văn Liên xô Andrei Sin-yavsky và Yuli Daniel. Hai nhà văn này đã có tội là không theo đúng đường lối của Đảng Cộng sản Nga và đã xuất bản tác phẩm mình ở ngoại quốc để phỉ báng chế độ.

Trong số những người phản đối vụ án này, có các văn sĩ và những nhà tri thức cả những đảng viên Cộng sản nổi danh và những người thân Cộng ở khắp nơi trên thế-giới.

Gần đây 15 nghị sĩ quốc hội Ấn đã gửi một bức điện tín cho chủ tịch Xô viết tối cao Nga yêu cầu trả tự do cho hai nhà văn sĩ.

Trong bức điện tín có câu : « Bản án nghiêm khắc này đã vi phạm các quyền căn bản của văn gia phát biểu

ý kiến ».

Lên án và phạt tù hai nhà văn là chuyện nội bộ của nước Nga. Dầu là văn sĩ họ vẫn là công dân Nga, họ phạm pháp thì họ bị lên án và ngồi tù, can có chi tới người trong thiên hạ mà cũng xen vào để can thiệp ?

Hơn nữa, không ai lạ gì chế độ ở Nga là một chế độ Đảng trị, bắt buộc mọi người dân phải theo một đường lối chung của Đảng, của Chính phủ. Đặc biệt đối với bọn nhà văn là những người có ảnh hưởng và uy tín lớn trong xã hội thì lại càng cần bắt họ phải tôn trọng kỷ luật quốc gia hơn bất cứ một hạng người nào.

Nhưng cũng bởi là những nhà văn nên dư luận thế giới mới đặc biệt chú ý tới họ và mới có sự phản đối nói trên.

CÀNG sống trong một xã hội mà tư tưởng con người bị kiểm soát và bị hướng dẫn một cách khắc khe độc đoán thì con nhà cầm bút lại càng cần phải giữ vững sự độc lập tinh thần, mặc dầu thái độ của mình có thể đem đến cho mình những khó khăn nguy hiểm.

Ở Nga sau khi Staline từ trần giới văn nhân và nghệ sĩ đã bắt đầu thoát sáo chống lại công thức chủ nghĩa, chống lại sự gò bó trong khuôn khổ để tạo nên cảnh trăm hoa đua nở trong văn giới Liên xô. Họ lấy lại sự độc lập tinh thần, họ tự do sáng tác nhưng chưa hẳn là họ đã chống đối với chủ nghĩa và chế độ Cộng sản.

Trước đây tuần báo Express đã nhắc lại một câu nói của một nhà văn trẻ tuổi mà báo này cho là ý kiến chung cho trên 100 triệu thanh niên dưới 25 tuổi. Nhà văn đã nói: «*Chủ nghĩa Cộng sản, chúng tôi sẽ xây dựng nó nhưng không phải là để chúng tôi phải ngủ trên những đỉnh nhọn*».

Họ không muốn ngủ trên những đỉnh nhọn nên họ phải làm cho chế độ họ tự do hơn, nhân đạo hơn để có thể hòa đồng trong đại gia đình nhân loại.

Tất cả các chế độ chánh trị đều có những khuyết điểm và đều cần phải sửa chữa và thay đổi. Và chỉ những người cầm bút mới thấy trước những cái gì thiên hạ chưa thấy vì họ sống nhiều về tư tưởng. Và tư tưởng con người thường sống vượt không gian và thời gian.

Ở Liên xô ngày nay không ai còn

có thể đề cao chế độ Nga Hoàng nhưng biết bao nhiêu tác phẩm văn chương từ thời đại Nga Hoàng còn lưu lại tới ngày nay vẫn được người Nga thưởng thức và nhiều cuốn còn được chánh quyền Nga đề cao. Như thế là bởi vì dưới chế độ Nga Hoàng vẫn có những nhà văn không cam tâm làm nô lệ chánh quyền và có những tư tưởng thoát sáo mà người Nga ngày nay còn cho là tiến bộ.

Vậy thì sao chánh quyền Nga bây giờ lại quá khắt khe với những người cầm bút không theo đúng đường lối của đảng Cộng sản Nga? Chánh quyền Nga vẫn quả quyết rằng mình đã nắm vững chân lý, nhưng lịch sử nhân loại đã chứng minh rằng không có cái gì là cố định, kể cả cái người ta gọi là chân lý.

Có biết bao nhiêu cái hôm qua người ta tin là chân lý mà hôm nay đã thành ra nguy thuyết. Vậy thì cái gì hôm nay người ta lên án biết đâu sẽ là chân lý của ngày mai? Văn hóa là kho tàng chung của nhân loại. Văn nhân là hạng người có uy tín quốc tế nên dư luận thế giới cần phải lên tiếng bình vực cho hai nhà văn Liên xô và cho rằng vụ án này đã vi phạm các nguyên tắc căn bản của văn gia phát biểu ý kiến tự do của họ.

HỒI thực dân Pháp qua xâm chiếm xứ mình, ngoài công việc binh định bằng vũ khí họ còn cố lôi kéo hạng sĩ phu vì biết rằng các cụ có uy tín trong nước, lôi kéo được các cụ sẽ

lời kéo được đa số nhân dân. Nhưng ngoài một số nhỏ cam tâm làm tay sai cho giặc để kiếm miếng dính chung phần nhiều sĩ dân trong nước vẫn giữ tròn tiết tháo nêu cao tinh thần bất khuất của dân tộc.

Lịch sử có ghi chép rằng khi cụ Đồ Chiểu bỏ Saigon xuống Batri dạy học cụ cử Trị có ghé thăm nhiều lần. Một hôm hai cụ ngồi ăn cơm mâm với nhau có nhắc tới Tôn thọ Tường cũng trong hàng sĩ phu nhưng đã ra đầu giặc và được phong làm Phủ và được người ta gọi là Phủ Ba Tường. Cụ cử Trị nói : «*Thằng Tường làm quan lớn vì vậy mà thiên hạ nói nó khôn, còn tôi đây, họ nói tôi khùng mà, anh nghĩ coi khùng thì khùng chớ.*»

*Di, Tề nào khùng giúp Châu,
Một mình một núi ai hầu hơn ai ?*

Có điều đáng chú ý là những người không khùng như TônThọTường được Tây dùng, cất nhắc lên địa vị cao sang cho quyền hành và tiền bạc đủ thứ nhưng vẫn bị chúng khinh bỉ và coi như những bọn tay sai hèn hạ. Trái lại họ vẫn kính trọng những người đối lập với họ. Chính viên Tỉnh Trưởng Pháp đã nhiều lần thân hành xuống tận Ba Tri thăm cụ Đồ Chiểu năn nỉ cụ lãnh một số tiền nguyệt cấp của chánh phủ Pháp để sống trong tuổi già. Cụ không chịu thì họ lại năn nỉ cụ lên Saigon để lấy lại nhà đất của cụ. Cụ đã trả lời rằng : «*Đất của Vua mà còn mất, đất của tôi có sá kể gì.*» Thái độ của cụ làm cho thực dân Pháp phải kinh ngạc và càng thêm kính trọng cụ. Họ hỏi Cụ về những tác phẩm của cụ rồi chính họ dịch ra Pháp văn tập thơ *Lục Vãn*

Tiên đề giới thiệu với đồng bào của họ một thi gia Việt Nam có tinh thần bất khuất.

Chính ông Aubaret người dịch thơ *Lục Vãn Tiên* trong bài tựa đã viết : «*Trong quyển sách này chúng tôi nhận thấy rõ ràng tất cả những đặc tánh của một dân tộc mà trong ấy chúng tôi được sống nhiều năm. Chúng tôi nhận thấy rõ ràng sự đó cho đến đôi bao giờ chúng tôi cũng coi quyển thơ này là một xuất phẩm hiếm hoi của trí óc con người, được có điểm thắng lợi là biểu diễn đúng đắn những mối tình cảm của một dân tộc.*»

TÌNH cảm của dân tộc Việt Nam là tình yêu nước, yêu quê hương, trọng nhân nghĩa đạo lý, ghét ngoại quốc xâm lăng và ghét nhứt là bọn Việt gian bán nước.

Chính Cụ Đồ Chiểu đã viết :

*Thà dui mà giữ đạo nhà,
Chẳng thà có mất ông cha không thờ.
Thà dui mà khỏi danh nhơ,
Chẳng thà có mất ăn dơ tanh rình
.*

Trong bài «*Vấn tế vong hồn dân mộ nghĩa*» cụ có những câu :

*Thác mà trả nước non rồi nợ,
Danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen
Thác đã ưng đình miếu đề thờ,
Tiếng ngay thảo muôn đời ai cũng mộ.
Còn đánh giặc, mất cũng đánh giặc,
Linh hồn theo giúp cơ binh
Muôn kiếp nguyện được trả thù kia.
Sống thờ Vua thác cũng thờ Vua,*



Lời dụ dạy đã đành rành,
Một chữ ám đủ đèn công đó...

Cụ chống Tây như vậy mà Tây còn biết kính trọng cụ, âu cũng là một điểm son đáng ghi cho người Pháp. Có lẽ nhờ thế mà sau khi thực dân Pháp đã bị nhân dân ta đánh đuổi ra khỏi nước, văn hóa Pháp còn duy trì được phần nào ở Việt Nam.

J.J.Rousseau, Voltaire, Montesquieu... còn được người mình đọc cũng như Nguyễn Du, Đỗ Chiểu còn được giới văn hóa của Pháp nghiên cứu để hiểu hết tinh thần và tài trí của dân tộc Việt Nam. Một chánh quyền nào muốn nô lệ hóa những người cầm bút là một chánh quyền độc đoán và thiển cận.

ĐỌC sách xưa có một chuyện đáng kể lại như sau :

Vua Tuyên Vương nước Tề đến chơi nhà Nhan Súc bảo : « Súc lại đây ta bảo. » Nhan Súc cũng bảo : « Vua lại đây Súc bảo. »

Các quan thấy vậy nói : « Vua là bậc chí tôn, Súc là kẻ thần hạ. Vua bảo : « Súc lại đây. » Súc cũng bảo : « Vua lại đây » Như vậy có nghe được không ?

Nhan Súc nói « Vua gọi Súc » mà Súc lại thi Súc hàm mộ thần thế. Súc

gọi vua mà vua lại thi vua là người quý trọng hiền tài. Nếu để Súc mang tiếng ham mộ quyền thế thì sao bằng nhà vua được tiếng là quý trọng hiền tài.»

Vua nghe nói giận lắm, gắt lên rằng « Vua quý hay kẻ sĩ quý ? » Nhan Súc đáp : « Sĩ quý, vua không quý. » Vua hỏi « Có sách nào nói thế không ? » Nhan Súc thưa : « Có, ngày trước nước Tần đánh nước Tề, có hạ lệnh : « Ai dám lại gần mộ ông Liễu Hạ Quý mà kiếm củi thì bị xử tử. » Lại có lệnh : « Kẻ nào chặt đầu vua Tề thì được phong hầu và thưởng ngàn lạng vàng. Xem thế đủ biết cái đầu ông vua sống không bằng cái mã của kẻ sĩ đã chết ».

Vua Tuyên Vương nói : « Than ôi ! Người quân tử ai dám khinh ! Quả nhân xin chịu lỗi.

NGÀY nay, nhiều chánh quyền trên thế giới còn phải học đức chiêu hiền đãi sĩ của vua Tề Tuyên Vương mà không nên mỗi chút hăm dọa tù vãn nhân và thi sĩ. Bỏ tù còn được đi, chứ mua chuộc là một điều tầm bậy.

Cáo lỗi bạn đọc

« NẾO VỀ CỦA Ý » tạm gác một kỳ, vì tác giả bận việc ở xa.

« Giữ Thơm Quê Mẹ » xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc thân mến.

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

kiêm minh

ẢO ẢNH TRÊN CẢNH ĐỒNG

ĐÊM nay, có tiếng bom đạn từ xa vọng về thành phố rất nhiều và rất lâu. Tôi nghĩ đến những bà mẹ quê, người đã gánh chịu nhiều đau khổ nhất trong cuộc chiến tranh lâu dài này và là những con người đã chịu hy sinh lớn nhất mà sự hy sinh lớn và đứt ruột hơn hết là sự hy sinh những đứa con các bà sinh ra giữa cảnh nghèo khổ, nuôi dưỡng trong sự bần hàn và trong niềm hãnh diện Việt Nam.

Hình ảnh những bà mẹ quê cúi lưng trên vườn rau, bên dậu mướp vườn cà, cạnh chiếc cối xay, bên chuồng heo, bên bếp lửa đã là những hình ảnh quen thuộc nhất của sinh hoạt nông thôn Việt Nam đau khổ và anh hùng này.

Các bà mẹ quê đã cúi xuống như thế là để cho đàn con nó đủ sức và có đủ điều kiện đứng thẳng mình trước mọi hoàn cảnh, trong hòa bình cũng như chiến tranh.

Sự nhẫn nại, lòng hy sinh của các bà mẹ nông thôn Việt Nam thật quá mức tưởng

tượng. Các bà mẹ rất yêu quý đã suốt đời sống cho con và vì con. Các con cứ được no ấm đi là các bà thấy mình được no ấm, các con sống trong anh hùng dũng cảm là các bà mỉm cười sung sướng mặc dầu các bà đang phải đành chịu làm những kẻ hèn mọn yếu đuối trong cảnh khói lửa ngập trời.

Hiện những bà mẹ nông thôn Việt Nam như thế mới hiểu được vì sao các bà có thể sống trong những vùng quê mà sự chết chóc là điều quá quen thuộc, sự chết chóc đến từ trên trời và kẻ cả dưới đất.

Viết về những bà mẹ Việt Nam nông thôn trong lúc này, viết mấy ngàn trang cho hết được chuyện ! Không thể nói hết được tâm sự của các bà mẹ quê trong lúc này. Bởi bao nhiêu là chuyện đầy nước mắt, đầy nụ cười. Bao nhiêu là tâm sự vui, buồn, khổ nhục, kiêu hãnh. Bao nhiêu nhớ, bao nhiêu thương. Và bao nhiêu hoài vọng mong chờ.

Rất nhiều mong chờ, hoài vọng, nhiều

lắm không thể kể ra cho hết được. Nhưng có một mong chờ, hoài vọng có thể nói ra được 2 chữ. Là Hòa Bình.

Chiến tranh đã quá dài và các con đã chết nhiều rồi, đồng ruộng đã ngập máu xương, nền nhà từ lâu nắng soi và trăng soi, bây giờ các bà mẹ quê chỉ mong chờ những điều rất tội nghiệp: là các con đừng chết nữa, đồng ruộng được cấy cày, nền nhà không còn dây kềm gai giăng ngang giăng dọc

Những bà mẹ quê từ ngày cho các con chào đời đến nay, chưa có lúc nào bà sống trong hạnh phúc. Toàn là những điều tan nát gãy vỡ, trừ ra có một điều được giữ lành lặn nguyên vẹn đó là niềm hãnh diện pha lẫn nỗi đau thương làm người mẹ Việt Nam thân hình thường ở trong thế cúi xuống như rau ngò, rau răm nhưng tâm hồn thì vươn lên thẳng vút như đọt cau, đọt dừa.

Các con phải được ấm no, sung sướng, các con phải được hạnh phúc. Tất cả những người mẹ nông thôn cũng như thành thị đều muốn thế.

Ấm no sung sướng, hạnh phúc, đâu phải là những điều mà chúng ta khó tìm kiếm. Ruộng đồng chúng ta đó, nhiều, nhiều quá và màu mỡ và phì nhiêu. Tại sao mẹ khổ, tại sao các con khổ? Chúng ta đã khổ, đã nghèo lâu rồi trên quê hương giàu có của chúng ta. Những người mẹ Việt Nam đã biết thế.

Thật không có gì thâm cảm cho bằng cái hình ảnh người mẹ quê nghèo xơ xác đứng trong chiều chiến tranh, bên hàng rào tre bị cháy xém mà trước mặt là những cánh đồng mênh mông, mênh mông cho đến tận chân trời.

Những cánh đồng mênh mông, mênh mông nhưng mà vô ích, bởi vì trên đó có gì đâu, có gì đâu!

Người mẹ quê đưa đôi mắt buồn nhưng vẫn thấy ở trong đó có tia nhìn tin tưởng nhìn ra bốn phía và bà làm hiện lên trên không gian tím hoàng hôn những hình ảnh sáng rực.

Bà thấy bông lúa và những đứa con của bà đang mỉm cười đưa đôi tay ra vuốt ve những bông lúa.

Bà gọi lên tên những đứa con. Và ba nghe có những lời ngọt ngào:

— «Mẹ, mẹ đừng lo. Được mùa lớn rồi mẹ. Mẹ nhìn rồi chứ cánh đồng ngập tràn hàng triệu chẹn lúa. Lúa này sẽ giúp mình xây dựng lại nhà cửa. Lúa này sẽ cho mình được ăn uống đẹp đẽ ao quan. Lúa này sẽ giúp các em cưới vợ lấy chồng... Lúa này...»

Người mẹ mỉm cười. Bông ảo ảnh trên cánh đồng tan biến. Và nụ cười của người mẹ khép lại. Vừa có một tiếng nổ rất lớn. Cann đồng, sau tiếng nổ, đầy khói, và khói có hình như một búp su khổng lồ, một búp su không dùng để nuôi sống loài người mà là một búp su dành cho một loài quái vật nào trong thời tiền sử.

Người mẹ quê nghèo nản nghẹn ngào ứa lệ, vẫn đứng yên lặng bên hàng rào tre bị cháy xém, nhìn búp su khổng lồ trên cánh đồng tím và bà rất lấy làm ngạc nhiên về sự không sợ chết của bà. Người mẹ cứ đứng đấy và hình bóng bà trong lúc này trông như một pho tượng nữ thần, một thứ thần không phải từ trời hạ xuống mà là từ đất dấy lên.

Người mẹ cứ đứng đấy và búp su khổng

lờ cũng cứ đứng đấy.

Bây giờ, không gian yên lặng một cách lạ thường.

Người mẹ quê đó đang sống hay là đang chết? Đó là một câu hỏi không cần đặt ra. Sống và chết đã không khác nghĩa nhau rồi.

Bởi vì người mẹ đã biết rằng ảo ảnh mà bà vừa thấy trên cánh đồng rồi sẽ thành sự thực. Bởi vì các con bà thương yêu bà, vốn biết điều hoài vọng của mẹ là làm cho lúa ngập tràn quê hương, là dựng vách, lợp mái để cho nền nhà cũ khỏi phải phơi nắng phơi trắng, để gia đình trở lại đoàn tụ, anh

em chị em sát cánh yêu thương nhau, làm việc và vui cười.

Lúc đó ngôi nhà sẽ trở lại có cả phần sau hè và phần trước ngõ; phần sau hè để cho con nít chơi làm nhà và để cho những người trẻ tuổi nói chuyện tình yêu, phần trước ngõ để cho lúa và hạnh phúc bước vào.

Đây mới chính là lúc những mẹ quê lên tiếng reo cười. Cả những người đã chết cũng sẽ sống dậy trong giây lát để nhìn con cháu và hưởng hạnh phúc mà khi còn sống đã mãi mắt trông chờ.

YÊU NƯỚC, YÊU VĂN NGHỆ, YÊU CON NGƯỜI

đọc TIN VĂN

BÁN NGUYỆT SAN RA NGÀY 5 VÀ 25 MỖI THÁNG

DO CHỦ TRƯỞNG TẬP THỂ CỦA NHÓM VĂN NGHỆ SĨ VÀ NHỮNG NHÀ TRÍ THỨC ĐỨNG ĐẦU Ở MIỀN NAM VIỆT NAM

lưu nghi

CHUYỆN BÊN ĐƯỜNG

KHÔNG ai nhớ rõ bà Tư Cua lập nên cái quán cà phê đó từ ngày tháng nào. Trước đó không lâu, bà Tư Cua làm nghề gánh nước thuê, giặt áo quần mướn. Nhà nào cần thì cứ đến gọi. Hễ gọi là bà đến ngay. Làm việc mau chóng, kỹ lưỡng rồi về. Đưa bao nhiêu tiền cũng được. Không bao giờ bà ra giá, mặc cả, kỳ kèo. Bà cười hì hì, nói với bà con lối xóm: « Cần có tiền để sống. Nhưng sống cũng cần nhân nghĩa. Trong đời tôi, nhân nghĩa cần hơn tiền. Tôi ở phải với bà con, nay mai tôi chết queo, cũng có bà con chôn cất đùm cái xác của tôi.» Thi ra, bà Tư Cua thành tâm tin nơi nhân quả, ở lành gặp may đề phước đức lại cho con cháu. Nhưng con cháu thì bà chẳng còn ai nữa. Chồng chết từ lâu, ở giá nuôi con. Đứa con trai độc nhất của bà lớn khôn, sống vất vơ vất vưởng trong cảnh bần hàn. Hẳn chẳng được đi học. Hẳn dốt nên ở nhà gánh nước thuê cho mẹ. Khi hẳn vừa đúng tuổi hai mươi, hẳn buồn chán phải sống mãi trong cơ cực, túng thiếu, làm việc quần quật suốt ngày

đêm mà ăn vẫn không no, mặc không đủ ấm. Cái nhà của hẳn và mẹ hẳn chỉ là một túp lều nhỏ, dựa nhờ vào vách tường của một tòa nhà đồ sộ, đủ kê hai cái ghế bố. Dưới hai cái ghế bố là thùng thiếc, đôn gánh, một vài ông táo đất sứt mẻ, một cái rương cũ lều tèo chỉ mấy tấm áo quần đen đũi, nhàu nát. Có một lúc hẳn định đi đập xích lô, may ra kiếm được nhiều tiền. Vì hẳn chán ngán những đêm dài nằm ngủ bên vôi nước công cộng giành giựt từng giọt nước với mọi người. Hẳn cũng dự tính kiếm khá tiền tìm một nơi khác cư ngụ. Vì hẳn chán ngán mùi hôi tanh của đồng rác không lồ không xa căn nhà của hẳn bao nhiêu. Nhưng thuê mãi chẳng có xe mà đập. Xích lô nào cũng đã có người mướn trước rồi. Hẳn bực dọc, khờ sở. Nhưng cái số kiếp hẳn là như thế. Số kiếp bà Tư Cua, mẹ hẳn, cũng là như thế. Thành thạo hẳn nhìn ngắm bức tường vay mướn làm vách nhà của hẳn, hẳn nói với bà Tư Cua: « Nhà to lớn quá như vậy làm sao ở cho hết. Còn mẹ với tôi chui rúc ở một xó thế này». Bà

Tư Cua bao giờ cũng hòa nhã đáp lại: «Người ta giàu, người ta ở nhà cao, cửa rộng. Mẹ con mình nghèo thì ở mái lều này». Hẳn lại hỏi: «Người ta làm gì mà giàu như vậy?». Bà Tư Cua lại đáp: «Chuyện đó thì tao chịu. Tao có giàu hời nào đâu mà biết».

Đến một lúc hẳn không chịu đựng được cảnh sống đó nữa, hẳn đi lính. Đi lính nhảy dù. Hẳn đăng lính không cho bà Tư Cua biết trước. Ngày hẳn phải lên đường, bà Tư Cua khóc lóc, kêu gào, tưởng chừng hẳn đi lính nhảy dù là chẳng bao giờ trở về được nữa. Bà nói với hẳn: «Tao chỉ có mình mày, mày bỏ tao mày đi. Tao đau ốm thất thường, ai giúp đỡ tao? Tại sao mày lại đi? Có mắm ăn mắm, có muối ăn muối. Mẹ con hủ hỉ cho tao yên tuổi già. Tao chết rồi, mày tự do đi đâu cũng được». Nhưng đứa con trai bà không nghĩ như thế. Hẳn cũng khóc thê thảm, giải thích cho bà Tư Cua và bà con biết rằng: «Mẹ tôi đã cực khổ lâu rồi, nay già mà vẫn cứ cực. Tôi ở nhà giúp được nhiều công việc, nhưng tiền nong chẳng được bao nhiêu. Tôi chịu được cảnh nghèo. Nhưng tôi muốn mẹ tôi được sung sướng hơn một chút. Đầu đã hai thứ tóc mà công lưng gánh nước thuê, ăn mắm ăn muối cho đến ngày chết. Tôi làm con, để mẹ tôi như vậy, làm sao tôi chịu được. Tôi phải đi. Đồng lương của tôi đủ sống cả hai mẹ con. Mẹ tôi khỏi phải làm lụng gì nữa».

Bà Tư Cua và bà con lối xóm nghe hẳn nói mà mũi lòng. Thì ra, hẳn là đứa con có hiếu, biết bồn phận làm con, biết thương mẹ già. Hẳn đi lính nhảy dù vì lòng hiếu đễ. Bà con lối xóm cho là hẳn nói phải, khuyên nhủ bà Tư Cua: «Bà ở đây một mình, bà bệnh hoạn thì có bọn tôi. Bà đừng lo». Bà Tư Cua đành để đứa con trai độc

nhất rời khỏi tổ ấm gia đình.

Một tháng. Hai tháng. Quả bà Tư Cua an nhàn hơn nhiều. Bà không bỏ hẳn những công việc gánh nước, giặt giũ từ bao nhiêu năm hay. Nhưng bà chỉ làm việc sơ sài, mỗi đầu tháng nhận một số tiền của thằng con gửi về. Dư ăn dư để. Cả xóm đều khen đứa con trai bà Tư Cua là chí hiếu. Khen cả bà Tư Cua là người có phúc. Mỗi khi người con bà Tư Cua về phép, bà con lối xóm đến thăm, nói chuyện huyền thiên vui như ngày Tết.

Nhưng, ngày vui của bà Tư Cua chẳng được bao lâu. Đến tháng thứ ba, bà không nhận được tiền như hai tháng trước. Rồi tiếp đến mà nhận được tin đứa con trai của bà đã tử trận. Hẳn chết trong một trận đánh ở miền rừng núi xa xôi, được chôn ngay tại chỗ.

Bà Tư Cua khóc rống lên, kêu trời kêu đất. Người trong xóm chạy đến thì bà ngã vật trên nền nhà, mê man bất tỉnh. Bà đau liệt giường cả nửa tháng trời, tưởng không qua khỏi. Nhưng bà con lối xóm tận tình chăm sóc thuốc men, dần dần bà bình phục. Có người nói rằng: «Ông trời quả không có mắt: Đứa con chí hiếu như vậy mà không cho sống được lâu nuôi dưỡng mẹ già. Con người khổ ôi là khổ.» Nhưng có người lại nói: «Thời giặc giã, chiến tranh, ông Trời có trăm con mắt cũng chịu thua. Quả bom viên đạn đâu có phân biệt được người chí hiếu với kẻ vô tâm. Đi lính đánh giặc là phải có kẻ chết.» Những lời bàn tán đó, người lối xóm chỉ nói với nhau. Trước mặt bà Tư Cua, ai cũng tỏ lời khuyên nhủ, an ủi bà. Một thời gian sau, đau khổ lắng dịu, phai mờ. Bà Tư Cua trở lại nếp sống bình thường. Nhưng tuổi già của bà đã thấy rõ. Da mặt bà nhăn nhúm thêm nhiều. Qua lớp

vải áo bạc màu, hai cái xương vai của bà nhô cao hơn. Thân gầy của bà run rẩy nhiều hơn dưới sức nặng của hai thùng nước. Người ta thương hại bà. Nhưng giúp ngật chứ ai giúp nghèo cho được. Bà con lối xóm tay làm hàm nhai, đâu có đủ sức nuôi nấng bà Tư Cua cho đến ngày bà chết.

THẾ rồi, đột nhiên bà Tư Cua lập ra cái quán cà phê ngay đầu hẻm. Thực ra, chẳng phải quán xá gì cả. Chỉ một cái bàn gỗ cũ, một cái ghế dài cũng cũ, một ít ly tách loại rẻ tiền. Từ ngày đó, mỗi sáng tinh sương, bóng đêm chưa đi hẳn, người đã thấy một ngọn lửa nhỏ cháy lên, soi sáng một khuôn mặt già nua và thân hình bà Tư gầy yếu. Đó là dấu hiệu báo trước đêm sắp tàn và mặt trời sắp thức dậy.

Bà Tư Cua chỉ bán độc nhất một thứ cà phê đen. Sau này, bà bán thêm một ít bánh mì nhân thịt. Khách hàng của bà hầu hết là những phu xích lô và một số ít những người lao động sống trong mấy ngõ hẻm kề cận.

Bà Tư Cua bán từ mờ sáng cho đến lúc mặt trời lên. Sáng tỏ mặt người thì bà Tư dẹp hàng, trở về với mái lều cuối ngõ. Sức bà đã sút kém quá nhiều. Bà không còn gánh nước thuê được nữa. Thì giờ còn lại trong ngày, bà làm thêm những việc vặt như giặt giũ năm ba cái áo, lau cái nền gạch hoa, rửa chén bát cho một vài gia đình tương đối khá giả trong xóm. Bà Tư Cua nghèo vẫn hoàn nghèo. Gần đất xa trời rồi, cổ ngọc cái đầu lên tìm chút ánh sáng mặt trời, ngọc lên cũng không nổi. Mái lều của bà Tư thấp quá, nhỏ quá, cái vách tường đồ sộ án ngữ hết nắng vàng buổi sáng. Còn nắng chiều tạt đến chỉ làm bốc cháy những mái tôn, đem đến sự oi bức

gay gắt ngọt thở, vĩa mồ hôi. Nguy hại nhất là những lúc đang nắng lớn, trời bỗng đổ mưa rào. Cái đồng rác cạnh nhà bà Tư Cua bốc lên mùi tanh cống rãnh, tỏa đầy cả xóm quồn vào nhà cửa, luồn vào buồn tim, thở phòi mọi người. Đồng rác cứ nằm đó, vơi đi một ít rồi đầy lại ngay, đầy lên gấp hai, gấp ba lần, lù lù như một tên khổng lồ rách rưới nằm vạ vì buồn lây cuộc đời.

KHÁCH hàng của bà Tư Cua, quanh đi quẩn lại, cũng chỉ mấy người phu xích lô, vài ba người lao động quen thuộc.

Những người lao động gồm thợ nề, thợ mộc, thợ sơn làm việc cho một công sở ngoại quốc xa tít đến mười, mười lăm cây số. Họ ăn uống vội vàng, không mấy khi nói chuyện kể cà. May lắm họ hỏi thăm bà Tư về sức khỏe, bán buôn. Họ đi từ mờ sáng và tối mịt mới về. Quảng đường xê dịch của họ là quảng đường đầy bóng tối, đời họ đúng là một nắng hai sương.

Hạng khách hàng thứ hai của bà Tư Cua — những người phu xích lô — hầu hết đã lớn tuổi. Có thể nói là những ông già ít nhất cũng đã sống qua nửa thế kỷ. Duy có một người trẻ hơn hết, tên gì không biết, nhưng mọi người quen gọi là ông Tám. Ông Tám chừng bốn mươi, bốn lăm tuổi gì đó. Chính ông thú nhận: «Tôi cũng chẳng biết chắc tuổi tôi là tuổi con gì. Nhưng tôi cứ tin là tôi tuổi Sửu. Tuổi con trâu.» Bà Tư hỏi: «Sao biết chắc là tuổi con trâu? Ăn không nhai, nói không nghĩ, kỳ cục.» Ông Tám cãi lại:

— Nghĩ chớ sao không nghĩ. Kiếp con trâu, trời sinh ra là để kéo cày. Kiếp của tôi đúng là kiếp con trâu. Tôi kéo cày từ ngày tôi còn nhỏ. Lúc còn nhỏ, tôi kéo cày

thật, tôi không nói sai đâu. Bà con trong Nam này làm gì biết cái cảnh đó.

Có người hỏi :

— Sao kỳ vậy ?

Ông Tám cười :

— Có gì mà kỳ. Không đủ trâu, thì sức người phải thay sức trâu mà kéo cày. Làm nghề nông ngoài xứ tôi hầu hết là như thế. Mọi người đều như thế, mình không than thở vào đâu được, không chịu cực khổ từ lúc nhỏ, lớn lên lăn lộn giành cơm áo, ngày nay tôi mới làm được cái nghề này đạp xích lô mà vẫn cứ vui.

Bà Tư Cua hỏi :

— Sao ông bỏ xứ vào đây ?

Ông Tám cười khi khi :

— Cái hồi trẻ nhỏ, thích là cứ làm đại chẳng cần suy đi nghĩ lại. Hồi đó, tôi chừng mười mấy tuổi gì đó, có người trong làng rủ đi Saigon, nghe nói trong này làm ăn dễ dàng, sống sung sướng lắm, tôi liền bỏ nhà đi hoang. Vào đây, tôi làm đủ thứ nghề, phu hồ này, đánh giày này, sửa xe đạp này.

Có người hỏi :

— Rồi gặp bà xã năm nào ?

Ông Tám đưa cánh tay ra trước mặt :

— Khoan. Thong thả. Chuyện ái tình của tôi ly kỳ lắm. Cái giai đoạn tôi vừa kể là lúc tôi mới được mười sáu, mười bảy. Cưới vợ đầu sớm thế. Nuôi cái thân mình chưa xong mà lo đèo thêm bà xã, có nước ôm nhau mà chết à ?

Màu chuyện này, ông Tám đã kể tại quán cà phê lâu lắm rồi. Người ta không biết hay

không muốn tọc mạch biết thêm. Ngày ấy ông Tám mới kể đến đó, có người gọi xe ông vội vàng uống cạn đĩa cà phê đen, bỏ đi. Chủ hàng và khách hàng quay sang chuyện khác.

Sau đó, cũng vào buổi sớm tinh sương cũng với chủ hàng là Bà Tư Cua và mấy người khách hàng đồng nghiệp, ông Tám có dịp kể tiếp :

— Tôi nghĩ sức tôi mạnh, hơi lớn rồi, chừng như đến mười tám, mười chín tuổi gì đó, tôi đi kéo xe. Bà còn biết chớ hồi đó kéo xe chứ đâu có xích lô đạp như bây giờ. Quả tuổi tôi đúng là tuổi con trâu. Hết kéo cày thì lại kéo xe. Kéo xe kiếm khá tiền. Nhưng chẳng lâu, Nhật bôn đảo chánh ban cho dân mình độc lập. Bỏ xe kéo. Bỏ cũng phải. Người thì ngồi cao ngất ngưỡng, kẻ thì còng lưng kéo vãi mồ hôi như con ngựa Đủng là ngựa người. Tội nghiệp cho dân mình, cứ làm thân trâu ngựa.

Bà Tư lại ngắt lời :

— Rồi gặp trâu cái ở đâu ?

Ông Tám đưa bàn tay ra trước mặt.

— Khoan đã. Bà kỳ quá. Thong thả tôi kể cho mà nghe. Tôi hỏi bà : bà có biết Việt Minh cướp chính quyền không ? Bà có biết kháng chiến toàn quốc bùng nổ không ? Tôi xung phong vào Thanh niên tiên phong. Ừ, tôi nhớ rõ lắm, hồi đó hăng lắm. Đánh Tây giành độc lập, làm sao không hăng được. Chuyện phải cứ làm, không sợ chết. Dễ chết năm sáu lần rồi...

Một người phu xích lô già nói tiếp :

— Tôi biết. Hồi đó, thanh niên tiên phong chỉ có tầm vông vót nhọn. Nhưng muôn người như một, thành ra sức mạnh đuổi Tây

chạy như vịt.

Ông Tám vui mừng hẳn lên :

— Hồi đó, Bác cũng ở đây hả ? Bác có vô thanh niên tiền phong không ? Bác có biết bọn tôi đánh Tây thế nào không ?

— Biết hết. Tôi biết hết. Nhưng hồi đó tôi đã lớn tuổi, còn thanh niên đâu mà gia nhập. Thật ra tôi gia nhập cũng được chứ chẳng ai ngăn cản. Nhưng, nói ra thêm xấu hổ, hồi đó tôi chẳng biết mẹ gì hết, chỉ lo ăn chơi, cờ bạc, hút thuốc phiện. Dân ghìen như tôi làm sao mà đánh Tây. Tôi nhớ lại thêm xấu hổ.

Ông Tám nhìn quanh mọi người, rồi nhìn bà Tư :

— Bà con thấy chưa, bà Tư thấy chưa ? Hồi đó người nào mạnh khỏe nhứt định không ngồi yên được. Không súng không đạn cũng cứ đánh. Tám mươi năm nô lệ sống như trâu ngựa đâu phải là ít. Không thể đề những thằng thực dân ngoại quốc đề đầu đề cò mình hoài. Không có ngày đó làm sao có được ngày nay.

Bà Tư Cua hơi bực mình, nhắc lại :

— Hồi gặp bà xã hồi nào, gặp ở đâu không chịu nói, cứ nói chuyện đánh Tây, Kỳ cục.

Ông Tám cười lên hô hô :

— Đúng là đàn bà. Chỉ biết ông táo. Tôi chê... Tôi chê bà hết sức, bà Tư ơi.

Bà Tư Cua tánh vốn hiền lành, dễ dãi, đối với khách hàng quen thuộc như trong vòng bà con, hôm nào không sẵn tiền, ăn uống chịu năm mười đồng cũng được. Ông Tám chê bà, bà cũng cười. Ông Tám cũng chẳng quan tâm, kể tiếp câu chuyện :

— Thực ra, vì xung phong vào thanh

niên tiền phong, tôi mới gặp bà xã tôi bây giờ. Hồi đó, cũng là thanh nữ tiền phong mặc quần đen áo cụt trắng, có khi mặc toàn bộ đồ đen như hắc y hiệp sĩ. Bọn tôi bị tụi Tây đuổi từ chợ Bến Thành đến Bót quận nhì. Bọn tôi rút về Cầu Ông Lãnh. Tụi Tây và mấy thằng mã tà tay sai lấy lại bót quận nhì, cố thủ trong đó. Bọn tôi bao vây tứ phía, nhất định không cho tụi nó ra kiếm bánh mì, nước uống.

Một người hỏi :

— Lấy gì mà bao vây. Bằng gậy tầm vông à ?

Ông Tám đáp :

— Toàn là gậy tầm vông. Hai trăm người bọn tôi chỉ có một khẩu súng. Bán hết đạn lại đi xin, xin của một nhà Nhật Bồn. Bọn tôi bao vây bằng ná bắn chim nữa. Vài ba người leo lên nóc nhà cao ẩn nấp, hễ thằng nào trong bót lộ mặt ra ngoài hay lăm le muốn chạy thoát ra là bắn đá vào sừng mặt u đầu. Ấy chỉ có thế mà bọn tôi bao vây đến một đêm một ngày. Một thằng Tây và một thằng mã tà Việt gian liều lĩnh chạy ra khỏi bót; có lẽ vì đói quá, anh em thanh niên vây bắt được, trói ở cột đèn. Bao nhiêu gậy đập vào đầu chúng nó, chỉ trong nháy mắt cả hai đứm gục xuống, chết không kịp trối.

Bà Tư lên tiếng :

— Ác nhân, ác đức. Giết người mà cũng khoe.

Ông Tám đứng thẳng dậy, nhìn vào mặt bà Tư :

— Này, bà Tư, tôi chê bà hết sức. Bà chẳng biết cái gì hết. Cái tụi thực dân đó đề làm gì mà không giết. Tôi hỏi bà, dân VN

minh đây bị tội thực dân ngoại quốc bắt làm thân trâu ngựa, dè đầu cỡi cồ, bóc lột cả xương cả thịt mình, tội nó giết dân mình áp bức dân mình, bà còn thương tội nó được hả ? Tôi chê bà hết sức.

Mọi người chột sừng sốt vì cơn tức giận bất ngờ của ông Tám và cảm thấy ông Tám hơi bất nhân khi nhắc đến đứa con trai quá cố của bà Tư.

Người phu xích lô già kéo tay áo ông Tám bắt ngồi xuống ghế, nói lớn :

— Nói chuyện đời xưa thì cứ nói chuyện đời xưa, lại xen chuyện đời nay. Hai mươi năm rồi, xa lơ xa lắc.

Ông Tám vẫn không nguôi cơn giận :

— Hai mươi năm đâu phải là chuyện đời xưa. Hồi đó là thế. Ngày nay cũng thế. Dân mình cũng cứ khờ, cũng cứ chết. Tôi chẳng thấy khác chút nào hết. Hồi nào dân mình hoàn toàn độc lập, dân mình muốn là trời muốn, không người xừ nào xen vào được, như thế mới khác thời xưa. Tôi ngu dốt. Tôi nghĩ bậy như vậy.

Người phu xích lô già nhíp bàn chân trên nền đất :

— Nói nghe thì phải lẽ. Nhưng tại sao lại cự nự với bà Tư về chuyện đó ? Thôi chuyện sờ sờ trước mắt, không cần la lối, mọi người đều biết, đều thấy.

Ông Tám ngồi xuống ghế, đồ cà phê vào cái đĩa trệt, ngửa cồ uống một hơi dài. Bóng đêm đã tan hết. Ngày lên xám đục, rồi sáng dần. Sáng tỏ mặt người. Bà Tư bắt đầu dọn hàng, đẩy cái bàn cái ghế vào sát vách tường, gánh ông lò, ly tách trở về mái lều cuối ngõ.

Ngày sau, ngày sau và ngày sau nữa,

không thấy ông Tám đến uống cà phê buổi sáng. Bà Tư hỏi mấy người khách hàng quen :

— Ông Tám có bệnh chi không ?

Người phu xích lô già đáp :

— Lão Tám giận bà rồi.

Mọi người cười rộ lên. Bà Tư Cua trở mắt :

— Bậy nà. Tôi làm gì mà giận ? Hôm trước, tôi biết tôi nói quấy, tôi làm tỉnh rồi.

Người phu xích lô già nói tiếp :

— Tôi nói bậy cho vui. Bọn tôi cũng chẳng biết tại sao lão Tám nghi đập xích lô mấy hôm nay. Đề lát nữa, tôi tới nhà lão thử.

Chủ hàng và khách hàng bỏ qua chuyện ông Tám. Như thường lệ, họ tâm sự với nhau về sinh hoạt hàng ngày, cơm cao gạo kém, vật giá đắt đỏ. Một người phu xích lô kể chuyện :

— Tối hôm qua, tôi hên hết sức. Gần tới giờ giới nghiêm rồi, định đạp xe về ngủ có hai cô ăn mặc thật sang, nước hoa thơm phức, chừng như đón hoài taxi không được năn nỉ tôi đưa về Cầu Kho. Đi một cuộc xe mà tôi được một trăm đồng.

Bà Tư hỏi :

— Dữ vậy trúng số hả ?

— Đúng là trúng số. Hai người đó là hai cô gái bán bar.

Bà Tư lại hỏi :

— Bán bar mà nhiều tiền như vậy hả ?

Người phu xích lô cười hi hi :

— Bà già rồi mà chẳng biết gì hết. Thời bây giờ bán bar là nghề mau làm giàu hơn hết. Tôi nghe hai cô đó nói chuyện tiền bạc mà tôi ớn lạnh. Mỗi cô mỗi tháng làm được ba bốn chục ngàn đồng. Đó là chưa kể những đồ đạc cho chác.

Bà Tư ngừng xắt thịt, mở to hai con mắt lèm nhèm, há miệng rộng ra như vừa nghe chuyện kinh thiên động địa.

Người phu xích lô kể tiếp :

— Bà ngạc nhiên lắm hả ? Bà chẳng biết gì hết. Hồi trước bọn Tây tiêu xài sơ sơ bằng bạc Đông Dương mà thiên hạ đã làm giàu dễ dàng. Ngày nay lính Mỹ qua đây, tiêu xài bằng đô la xanh, đô la đỏ. Bà biết đô la bằng bao nhiêu bạc xứ mình không ? Một đô la ăn một trăm rưỡi, trăm sáu bạc Việt Nam. Tính theo tiền xứ mình, so với đồng đô la bên Mỹ, tiêu xài thả cửa cũng còn rảnh rỗi. Bán bar là bán rượu, bọn lính Mỹ xa vợ xa con, đánh giặc cực khổ ở mặt trận, chết sống không biết ngày giờ nào, về thành phố tội gì không tiêu xài cho sướng cái thân. Không uống rượu, không ngủ với điếm biết làm gì hơn ?

Người phu xích lô già xen vào câu chuyện :

— Bộ chú tưởng bán rượu không mà tiền sông bạc biển à ?

Người xích lô kia đáp :

— Tôi biết. Đâu có phải chỉ bán rượu mà làm giàu. Rượu là của chủ, mấy cô kia chỉ tiếp khách, ăn huê hồng.

Bà Tư càng ngạc nhiên :

— Vậy làm thêm nghề gì mà giàu dữ vậy ?

Người phu xích lô cười lên hô hố :

— Tôi chê bà hết sức bà Tư ơi. Bà chẳng biết cái gì hết. Mấy cô bán bar tiếp khách Mỹ, bắt bồ Mỹ, đi với Mỹ... Mỹ cho đó la cho đủ thứ đồ dùng thượng hạng... Bà hiểu chưa ?

Bà Tư mỉm cười :

— Trời đất quỷ thần chú nói ra tôi mới biết. Chui rút trong ngõ hẻm này, lo chạy gạo từng ngày, tôi đâm ra u mê, chẳng biết gì hết. Bây giờ chú nói tôi mới rõ.

Người phu xích lô già chột đập mặt bàn làm lay động ly tách. Ông nhìn người phu xích lô vừa kể chuyện, nói lớn :

— Thôi, chú đừng nói chuyện đó nữa. Giàu sang tiền sông bạc biển mà làm gì ? Bán thân mình được rồi bán gì mà không được. Như chú, như tôi, như bà Tư, bao nhiêu triệu người khổ khổ, ngóc đầu lên không nổi, chú thấy không ? Tại sao ? Chú biết không ?

Người phu xích lô đáp :

— Tôi biết. Ai ai cũng biết, tôi vui miệng kể chuyện vậy thôi.

Người phu xích lô già vẫn chưa dụ giọng.

— Tôi nói cho chú biết. Con người chỉ có cái nhân cách là đáng trọng, đem bán nhân cách để lấy đồng tiền thì còn gì nữa ? Nhục. Nhục lắm. Tôi biết có người vì hoàn cảnh quá khổ, không tìm ra công ăn việc làm, tạm thời lợi dụng nhan sắc của mình để khỏi chết đói. Nhưng phần đông là vì ham tiền, ham sung sướng bất kể danh giá, nhân phẩm. Người ngoại quốc khinh rẽ dân mình là vì những điều đó.

Mọi người đều yên lặng. Ông già đập

xích lô trở lại giọng ôn tồn :

— Chỉ có một số ít người làm ra tiền của như nước. Còn bà con mình đây đều cực. Làm đồ mồ hôi sôi nước mắt mà chui rúc cũng hoàn chui rúc. Tôi đây này, tôi nói cho bà Tư và các chú biết mỗi ngày tôi thu tiền gấp ba gấp bốn lần hồi trước, mà áo rách vẫn là áo rách. Ngày nào, tôi đọc báo cũng thấy tiền bạc đồ đến xứ mình cả triệu, cả tỷ. Bà con cắt nghĩa tôi nghe thử tại sao ?

Chẳng ai lên tiếng cắt nghĩa cả. Ông già đập xích lô cũng nín thinh luôn. Bóng đêm tan hết. Ánh sáng ngày lên, sáng tỏ mặt người. Ông già đập xích lô đứng dậy, phui bụi ở mông quần, nói một mình :

— Tôi tới nhà lão Tám thử.

SÁNG hôm sau, ông Tám góp mặt với bạn đồng nghiệp như thường lệ, tại quán cà phê bà Tư cua. Bà Tư nói đùa :

— Dữ không, bữa nay mới thấy mặt, tưởng là xanh cò rồi.

Ông Tám đồ cà phê vào lòng đĩa đất, mỉm cười :

— Tôi tự coi như chết đi sống lại. Bà con nên mừng cho tôi.

Ông già đập xích lô cười lớn :

— Chú chết đi sống lại là chuyện mừng của chú. Chú phải đãi bà con mới phải.

Ông tám vui hẳn lên :

— Phải lắm. Tôi xin đãi bà con một chiều cà phê đen. Bà tư rót cà phê đi. Tôi trả tiền hết.

Bà Tư hỏi :

— Chuyện gì mừng dữ vậy ?

Ông Tám khoát tay về phía bà Tư :

— Thong thả. Bà cứ rót cà phê đi, tôi nói cho nghe... Chuyện mừng của tôi là chuyện gia đình. Bà con đã biết thằng Hai con tôi đậu bằng Trung Học, lóm lém được ba tiếng Anh, tiếng Mỹ, đi làm việc được bốn năm ngàn một tháng. Kề ra đỡ cho tôi nhiều lắm. Tôi khỏi lo cho nó. Nhưng tháng trước đây, tự nhiên nó nói với tôi : « Thôi ba đừng đập xích lô nữa. Tiền lương của con đủ sống qua ngày cho cả gia đình. Cha phôi sương, phôi nắng, cực cái thân của cha»

Bà Tư nói :

— Chú thật có phước.

Ông Tám gật đầu :

— Tôi nghe nó nói tôi ứa nước mắt. Con cái biết lo thật đáng quý. Nhưng tôi nghĩ vài ba năm nữa, nó có vợ, có con, nó làm được đồng lương dành dụm ít nhiều lo cho gia đình nó. Lẽ nào mình còn sức khỏe mà bắt con cái nuôi dưỡng, ăn không ngồi rồi. Tôi không chịu.

Bà Tư nói tiếp :

— Sung sướng như vậy còn đòi gì nữa mà không chịu ?

Ông Tám đưa bàn tay ra đếm từng ngón :

— Tôi tính cho bà nghe. Đồng lương của nó vừa đủ lo cho hai đứa em nó ăn học, chợ búa, nhà cửa giữa thời buổi đắt đỏ này, đâu có phải là dư giả. Nói sơ sơ rủi bệnh hoạn là chết cửa tứ rồi. Tôi nhứt định không chịu ở không. Nghề của tôi đập xích lô, thì tôi đập xích lô đến chết. Sau nửa tháng, thằng Hai của tôi nhắc lại một lần nữa. Lần này nó mới nói rõ : dù sao, ngày nay nó cũng là thầy thông, thầy ký, để tôi đập xích lô, bạn bè biết không tiện...

Ông Tám ngừng nói cười rộ cả tràng dài, rồi kể tiếp :

— Thì ra nó muốn giữ danh giá cho nó. Tôi giận quá. Tôi mắng nó một trận kịch liệt. Nó khôn lớn nó học hành tới ngày nay làm thầy thông, thầy ký là nhờ cái nghề đập xích lô này. Bây giờ nó nói cái giọng trịch thượng. Nó nói đang tìm cho tôi một việc làm, lương tháng bốn ngàn mà chỉ làm sơ sơ thôi. Tôi nghĩ kỹ lại cũng thương nó, cũng muốn làm việc an nhàn một chút. Thành ra, tôi chiều ý nó, đi làm được ba ngày nay.

Bà Tư trở mặt, chỉ cái xích lô của ông Tám, hỏi :

— Đi làm việc sao còn đập xích lô ?

Ông Tám cười .

— Làm sơ sơ vài ngày cho biết chuyện đời, làm gì cho lắm. Mười ngàn một tháng cũng chẳng ham.

Bà Tư hỏi :

— Lương nhiều như vậy không ham thì ông ham cái gì ?

Ông Tám chợt trở giọng giận dữ :

— Ừ, bà lú lần rồi hả ? Bà thường nói với bà con lối xóm là trọng nhân nghĩa, hơn tiền tài, sao bây giờ bà nói vậy ? Tôi chê bà hết sức. Bà lo cái cà phê đen chẳng biết gì hết.

Bà Tư đáp :

— Tôi không biết, thì nói cho tôi biết. Nói đi.

Ông Tám dịu giọng :

— Được, tôi nói bà nghe...

Một người lại nói :

— Ông không ưa thì đừng đi làm ai bắt ông đâu.

Ông tám đứng dậy nói lớn :

— Chú nói đúng lắm. Không ưa thì đừng làm. Vì vậy mà tôi không thèm làm nữa. Tôi nghĩ tôi thương thằng Hai nhà tôi. Tôi muốn giữ danh giá cho nó là thầy thông, thầy ký. Nhưng, danh giá làm gì mà mình sống mất hết tự do, bị khinh khi, coi rẻ như quân gian lận, như thằng nó lệ. Không. Nhất định không. Tôi khỏe, tôi đập xích lô. Tôi mệt tôi nằm ngửa nghe hát cải lương trong máy ra đi ô. Chẳng xin phép xin tắc ai hết. Tôi đem sức lực tôi ra đòi đồng tiền. Ai lảng cháng khinh khi tôi, tôi đánh vỡ mặt. Bà con nhớ thằng này đã là thanh niên tiên phong đánh thực dân Tây. Đuổi Tây đi rồi, không làm nô lệ cho ai hết.

Người phu xích lô già không nói một lời, cứ nhịp bàn chân trên nền đất. Ông hút thuốc phi phà, thỉnh thoảng bưng đĩa cà phê húp từng ngụm nhỏ. Lúc bảy giờ ông mới lên tiếng :

— Chú cứ nói phức là chú muốn làm chủ đời sống của chú, cho bà con hiểu.

Ông Tám cười lên hô hố, rồi yên lặng đột ngột :

— Ừ. Tôi sắp nói như vậy đó. Cái thân tôi không đáng kể. Nhưng một người không làm chủ được đời sống của mình, trăm người, ngàn người cũng như vậy, thì dân mình không tự làm chủ được nước mình. Tức là mất nước, làm nô lệ. Như tám mươi năm trước đây.

Người phu xích lô già vẫn nhịp bàn chân trên nền đất. Nền đất sần sùi sỏi rác. Vũng nước còn lại của trận mưa đêm hôm phản chiếu một mảnh trời xanh. Ngày lên xám đục..Bà Tư Cua thu dọn ly tách, ông lò, sửa soạn trở về mái lều cuối ngõ.

SƠN NAM

Đình ông Nguyễn, Chùa ông Đồng

NĂM trên duyên hải Vịnh Xiêm La, có hai tỉnh lỵ : Hà Tiên và Kiên Giang. Phần thềm nhứt là Kiên Giang, gọi nôm na là chợ Rạch Giá — một con rạch nhỏ, đổ ra biển, ngay vàm có nhiều cây giá, loại cây tạp dùng làm củi, bông không thơm nhưng chứa đựng mật ngon, được loài ong mật ham thích.

Làng sở tại chợ Rạch Giá là Vĩnh Thanh Vân. Thời đang cựa, đó là ba thôn nhỏ bé (Vĩnh Huệ, Thanh Lương và Vân Tập). Khi người Pháp đến, họ lấy mấy chữ đầu : Vĩnh-Thanh-Vân, đặt tên cho một làng mới, gồm cả ba.

Tại Vĩnh Huệ, Thanh Lương, Vân Tập đều có ngôi đình ngôi chùa khiêm tốn.

Thực dân Pháp đã dày công nghiên cứu cò tục thôn xã và quyết định duy trì đình chùa, biến thành nơi xói thịt với một số người háo danh, muốn ăn trên ngồi trước. Thỉnh thoảng (và có thể thường xuyên) các quan tham biện, chủ lĩnh viếng đình chùa, chụp ảnh,

ban bố chút ít tiền để tu bổ hình thức cho tráng lệ, gọi là tô điểm « màu sắc dân tộc ». Nhiều ông Tây đồn điền sẵn sàng tham gia vào ban hương chức đình, mặc áo rộng, đội khăn be, qui lạy linh thần theo hiệu lệnh « cúc cung bái ». Hoặc các ông chiêu cố đến một buổi tiệc chay nào đó, tại chùa hơn ngày rằm tháng bảy, để thay đổi thực đơn « bánh mì ra gu ».

Tại Vĩnh Thanh Vân, các bậc kỳ lão và dân chúng thờ liệt sĩ Nguyễn trung Trực, sau khi ông thọ hình vào khoảng 1868. Liệt sĩ Nguyễn trung Trực kháng Pháp tại Tân An, đốt cháy tàu Espérance rồi đem binh về Rạch giá, đánh chiếm tỉnh lỵ, giết trọn binh sĩ Pháp trong đồn. Giặc Pháp đem giết ông tại Rạch giá, để khủng bố những người yêu nước ở địa phương. Nhưng dân làng cương quyết gọi đình làng Vĩnh Thanh Vân là nơi thờ ông Nguyễn — tức là Nguyễn trung Trực. Hằng năm, hơn lễ kỳ yên, dân chúng đến đình tấp nập, trước thái độ không bằng lòng của thực dân Pháp. Cuộc lễ

cử hành công khai, suy tôn người liệt sĩ chưa đầy 30 tuổi đã thốt ra lời bất hủ, trước khi lia khỏi cõi đời: «Chừng nào đất này hết cỏ thì mới hết người chống bọn cướp nước».

Một ngôi đình mới, chưa đầy trăm năm, thờ một vị thần có thật, một người dân chài chưa từng học ở trường võ, trường văn nào. Dân làng Vĩnh Thanh Vân thờ một người dám làm và dám nói. Lời nói vẫn tắt nhưng đầy đủ hào khí của hịch Trần Hưng Đạo, của Binh Ngô đại cáo.

VÙNG chợ Rạch giá không có chùa xưa; nói đúng hơn, từ đời Gia Long, Tự Đức... các ngôi chùa ở vùng này không gây được tiếng vang nào đáng kể về mặt kiến trúc, cảnh trí hoặc về các danh tăng trụ trì.

« Đại Nam Nhất Thống Chí » do triều Nguyễn cho biên soạn cách đây 60 năm không ghi tên chùa nào ở vùng Rạch giá. Bấy giờ, tỉnh lỵ đặt ở Hà Tiên. Các nhà chép lịch sử địa lý đã bỏ sót các ngôi chùa ở huyện lỵ Rạch giá.

Từ trước, người chợ Rạch giá thờ Phật ở các chùa nhỏ, lợp lá do các cư sĩ quyền tiền xây cất. Ai muốn tầm sư học đạo thì đến vùng Hà Tiên hoặc trên dãy Thất Sơn. Qua thời Pháp thuộc, chùa chiền dựng thêm với nguyên liệu mới: tường vôi, mái ngói. Tuy nhiên, du khách đến Rạch giá chẳng bao giờ chú ý đến chùa vì như trên đã nói: thiếu thắng cảnh, thiếu danh tăng. Nếu khéo tìm tòi, người ta chỉ biết: chùa Tam Bảo ở ngoại ô Rạch

giá, có thể là chùa xưa nhất trong vùng. Các bô lão bảo rằng: xưa kia vua Gia Long lúc tâu quốc, đã viếng chùa này. Sau khi phục nghiệp, ngài ban sắc cho chùa Tam Bảo (đó là lời truyền khẩu, có lẽ hơi gượng gạo để bù trừ vào cái mặc cảm tự ty: người ở vùng đất mới khai hoang thường tìm tài liệu chứng minh rằng họ có căn cội, có lịch sử, có truyền thống riêng từ xa xưa).

Ông hòa thượng Đồng đến trụ trì tại chùa Tam Bảo đánh dấu một giai đoạn mới, vô cùng sôi nổi. Đời ông xứng đáng được viết thành tiểu sử. Vì chưa ai viết nên chúng tôi mạo muội ghi chép những nét chánh. Những ai hiểu rành về đời ông hòa thượng Đồng thì đã già nua, hoặc đã chết vì bị tra tấn, bị thực dân Pháp lưu đày ngoài Côn Đảo. Kể còn sống thì không muốn nói nhiều.

Nếu không chết ngoài Côn Đảo thì đến năm nay, ông hòa thượng Đồng sống được khoảng 70 tuổi. Ông có hai anh em. Anh ông là Nồi, ông là Đồng. quê quán ông ở tại Cột Giày Thép, thuộc ngoại ô chợ Rạch giá. Hai anh em Nồi và Đồng sống... ngoài vòng pháp luật thời ấy, làm ăn trộm, ăn cướp theo kiểu nghĩa sĩ. Hai anh em sống chết với đồng bọn và xứng đáng là đàn anh. Tiếng Pháp có chữ « võ trang tới rặng ». Như vậy còn thua anh em Nồi và Đồng! Họ được võ trang tới tóc, tới đỉnh đầu. Ban đêm, khi hành nghề, họ khoét vách tường, bẻ khóa sắt, chui vào nhà khổ chủ. Hai tay họ không mang theo một tấc thép nào nhưng giữa hai hàm răng thì cắn một con dao nhỏ — kiểu dao xếp

hiều con chó — và trên đầu tóc, có giắt một cây lông nhím cứng hơn thép. Ai tri hô lên, xáp lại để bắt thì cứ lảnh cây dao và cây lông nhím đó!

Bỗng nhiên, ông Đồng được giác ngộ. Ông đến chùa, cạo đầu, xin quy y. Ông chịu khổ làm công quả và trở nên hiền lành như cục đất. Ban đầu, nhiều người đàm tiếu, cho rằng ông Đồng cao hứng đi tu trong một giai đoạn nào đó vì lương tâm cắn rứt thối. Thời gian dần hồi đã trả lời. Ông Đồng tu thiết tình, trước sự ngạc nhiên của bao nhiêu bạn bè và khổ chủ lúc trước. Ai có xem qua phim Địa Ngục Mòn thì hiểu trường hợp tu hành này. Trong lịch sử Phật giáo Á Đông, đã có nhiều người đang làm ác, đang sát nham nhưng đột nhiên thay đổi hẳn.

Có người hỏi lý do. Ông Đồng không trả lời hoặc trả lời vắn tắt:

— Bây giờ là khác rồi. Bây giờ tôi hiểu rồi. Trước kia, tôi liều mạng để giúp đỡ anh em bạn, để bố thí cho người nghèo nhưng chẳng giúp ích được ai. Vì tôi bố thí bằng của cải của người khác chứ đâu phải do tôi làm ra.

Nhờ công tu hành, ông Đồng được chứng hòa thượng. Thiện Nam tín Nữ tới lui chùa Tam Bảo để nghe ông hòa thượng Đồng thuyết pháp. Ông nói rất trôi chảy, sẵn sàng cho cử tọa chất vấn. Thực dân Pháp theo dõi các buổi thuyết pháp và không thấy, không nghe những cử chỉ lời nói nào dính dáng tới « quốc sự ». Toàn là chuyện giác nhi, giác tha, chuyện bố thí, từ bi hỉ xả.

Thiện Nam tín Nữ ở Sóc Xoài (cách chợ Rạch giá 15 cây số ngàn) mời ông hòa thượng Đồng đến thuyết pháp. Ông sẵn sàng nhận lời. Ngôi chùa nền đất, vách là được dựng lên nhanh chóng cũng mang hiệu là Tam Bảo Từ Tôn Tự. Mỗi khi ông Đồng đến thì dân chúng bỏ công ăn việc làm, yêu cầu ông ở lại chùa một ngày, hai ngày. Ông Đồng cho biết:

— Thiện Nam tín Nữ cứ làm được một phần nhỏ trong lời Phật dạy là quý báu lắm rồi. Tôi nói tới nói lui cũng có bấy nhiêu tiếng. Nếu bố thí đem sức mình ra mà bố thí vì, xír mình là thuộc địa của người khác.

Rồi ông lập thêm một ngôi chùa ở Hòn Quéo, khỏi xóm Sóc Xoài, sát ven biển vịnh Xiêm La. Hòn Quéo là một đảo bé nhỏ, đẹp như tranh. Muốn đến đó, phải xuất phát từ Hòn Me (hòn này dính trong đất liền). Từ Hòn Me, ra một đảo nhỏ. Từ đảo ấy ra Hòn Quéo. Ông Đồng yêu cầu thiện Nam tín Nữ đốn cây, bắt một cây cầu đúng 100 nhịp, qua eo biển.

Đích thân ông Đồng đốc xuất việc bắt cầu. Ông nói:

— Bắt cầu qua biển khổ. Bà con nên tập tành lợi xuống biển, bắt từng nhịp cầu, đóng từng cây cột cho quen.

Có người hỏi:

— Chắc hòa thượng muốn ra ngoài Hòn Quéo mà tu cho yên tịnh?

Ông Đồng trả lời:

— Ngôi chùa Hòn Quéo dành cho bà con tu. Muốn tu thì phải bắt cầu.

Một ngày nào, đất bồi eo biển này. Chúng nó, không cần dùng đến cầu nữa.

Nhiều người cho rằng: Ông Đồng muốn dưỡng nhàn, lựa thắng cảnh để cất chùa, ngôi chùa Hòn Quẹo và cây cầu 100 nhịp bằng gỗ là món tiêu khiển theo kiểu mấy ông già chơi kiềng, chơi hòn non bộ!

MỘT ngày vào năm 1937-1938, vài người bạn đến chùa Tam Bảo để thăm ông Đồng. Họ giới thiệu vài người khác từ Sa Đéc mới tới.

Bon người lạ, từ Sa Đéc tới chính là đồng chí của ông cũ Vũ ngọc Hoàn, một nho sĩ theo phong trào Đông Kịch Nghĩa Thục, bị thực dân Pháp bắt buộc cư trú tại Sa Đéc.

Các bạn này bàn bạc khá lâu với ông Hòa thượng Đồng. Họ nói đến chuyện các nhà sư bên Trung Hoa «bỏ áo cà sa, khoác chiến bào» để kháng Nhật. Ông Hòa thượng Đồng tán đồng ý kiến của họ:

— Vậy thì tôi vui lòng. Anh em cần chuyện gì cứ nói.

Từ đó, ông Đồng vui vẻ thêm lên. Bảy giờ, khoảng 1936-1939, bọn thực dân Pháp ở Nam Kỳ chịu nhượng bộ, ban bố chút ít tự do dân chủ. Ông Đồng khởi xướng việc thành lập «Rạch Giá Phật Học Kiêm Tế Hội». Các nhơn sĩ tham gia nhiệt liệt, góp tiền góp công để làm việc từ thiện. Hội có trường dạy chữ cho trẻ em nghèo. Hội ra một tờ báo, tờ «Tiến Hóa» với nội dung đề cao việc chấn hưng

đạo Phật, theo gương Thái Hư Pháp Sư bên Trung Hoa.

Rạch Giá Phật Học Kiêm Tế Hội phát triển mạnh thu hút từ ông đốc phủ sứ, tri huyện, đốc học... đến anh cu li vác lúa nhà máy xay lúa gạo. Gặp lúc nạn lụt xảy ra khiến một số đồng bào ở Sóc Xoài, Mỹ Lâm đói kém, các hội viên giúp đỡ nào gạo, nào vải vóc...

Nhưng, ai nấy đều giữ mình, vào một buổi sáng lịch sử. Các ông đốc phủ sứ các công chức run lẩy bẩy như từ cung trăng té xuống.

Ông Đồng bị bắt với tất cả mấy ông thầy trong chùa. Mấy ông thầy này thường ngày làm giáo viên trong trường nghĩa thục của chùa Tam Bảo.

Nhơn viên mật thám Sa đéc đến Rạch giá bắt thần, bao vây chùa ông Đồng. Quan chánh sở mật thám Rạch giá chỉ hay biết sau khi bắt bớ xong. Quan chánh tham biện chủ tỉnh càng ngạc nhiên hơn vì bấy lâu, ông Đồng là người «tốt» với nhà nước Lang Sa!

Cuộc vây bắt diễn ra trong đêm. Các thầy bị bắt trời, tra tấn tại chùa, Nhân viên mật thám của Pháp đã tịch thâu hàng chục quả tạc đạn nội hóa, dấu trong cái lục bình Khang Hi để trên bàn của ông Đồng. Ngoài ra, còn nhiều tài liệu được chôn dấu dưới gầm giường mà ông Đồng nằm ngủ. Đạo trước, nhiều người xấu miệng, cho rằng ông Đồng khó tánh, ngăn cấm không cho bất cứ người nào vào phòng riêng, Chắc là ông lên ăn phó mách, trứng gà hoặc ăn thịt trong đó!

Thầy Thiện Ân — người ở Sa đéc tới trú ngụ trong chùa — bị bắt, trói tay, treo lủng lẳng từ nóc chùa. Bọn mật thám lục soát bàn Phật, đào nền, cạy gạch, đem mớ tạc đạn nội hóa sắp trên cái bàn nhỏ để đếm và lập biên bản. Cái bàn ấy đặt ngay dưới chân thầy Thiện Ân. Thầy vói chân xuống, đập mạnh. Hai trái tạc đạn từ trên bàn rơi xuống nền gạch, nổ tung khiến vài nhơn viên mật thám bị thương.

Lẽ dĩ nhiên, ông hòa thượng Đồng bị bắt, bị tra tấn.

Ông không cung khai một lời!

Chùa Tam Bảo bị đóng cửa luôn.

Các hội viên Rạch Giá Phật Học Kiêm Tế Hội lại một phen « lên ruột » Họ đốt các giấy chứng nhận hội viên. Các độc giả báo Tiến Hóa cũng ăn ngũ không yên vì danh sách « các vị hảo tâm » mua báo với giá ủng hộ, đóng tiền trước được dăng rành rành trên giấy trắng mực đen, ở trang chót tờ báo, mỗi kỳ.

Năm 1945, chùa Tam Bảo lại mở cửa. Những người đi Côn Đảo về cho biết : ông hòa thượng Đồng đã chết tại Côn Đảo vì bệnh. Lúc ở Côn Đảo, ông thường nói rằng chùa Tam Bảo thờ quá nhiều tượng Phật nhưng đó là của người trước để lại nhưng ông không dám cải cách. Nếu được về, ông cất một kiếng chùa khác, chỉ thờ một

tượng Phật thôi. Thờ một tượng Phật để cho thiện Nam tín Nữ chỉ nhớ tới tổ quốc Việt Nam.

Phong trào Thanh Niên, Tiền Phong nổi lên tại chợ Rạch giá. Lễ cầu siêu cho ông hòa thượng Đồng được tổ chức trọng thể. Ai nấy đều lạy Phật, ai nấy đều khóc. Bảy giờ, thiện Nam tín Nữ hiểu ông Đồng hơn bao giờ hết, hiểu Phật pháp hơn bao giờ hết.

Đình Nguyễn Trung Trực.

Chùa Ông Đồng.

Hai chiến thắng tinh thần người Việt ở miền duyên hải Vịnh Xiêm La, ngôi chùa và ngôi đình thành hình trong thời Pháp thuộc. Ý nghĩa của ngôi chùa, ngôi đình thật trong sáng, không ai xuyên tạc được, Nó quý báu vô cùng. Không ai bán được. Không ai mua được. Như truyện Kiều, như ca dao. Vì phải là người Việt Nam đau khổ mới hiểu thấu ý nghĩa. Nhờ di sản ấy mà người Việt đủ sức chịu đựng gian khổ, sẵn sàng bố thí vô biên vô lượng cho đồng loại, cho con cháu ở thế hệ sau.

Đức Phật dạy về sự bố thí. Người Việt Nam rất giàu lòng bố thí. Nhiều người ngoại quốc vẫn chưa hiểu điều đó. Sự bố thí là động lực vô địch giúp cho một dân tộc nhược tiểu tiến lên, vững chắc. Ở trình độ thấp, sự bố thí đã khiến cho người Việt Nam trở nên hiếu khách lạ thường, không kỳ thị

chúng tộc, sẵn sàng tha thứ, « nhin miệng đãi khách đường xa ». Ở trình độ trung bình, sự bố thí thúc đẩy việc cứu trợ đồng bào về cái ăn, cái mặc, chỗ ở. Nhà ở chật chội, thức ăn thiếu chất dinh dưỡng nhưng vẫn sẵn sàng thương người như thể thương thân, ngủ dưới đất để cho khách ngủ trên giường. Ở trình độ cao, sự bố thí dạy nên vui vẻ chết thay cho đồng bào

đồng loại. Mười năm kháng chiến chống Pháp chứng minh rõ rệt : bao nhiêu bà mẹ chiến sĩ nghèo nàn, tóc bạc như bông, bao nhiêu thanh niên tràn đầy sinh đã bố thí cho dân tộc.

Những người chép sử dầu ở trường phái nào cũng không thể quên sự cống hiến lớn lao, then chốt ấy của Phật giáo cho dân tộc Việt Nam, về mặt văn hóa.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI

NHẤT HẠNH

Bản thường 50\$

Bản đặc biệt với chữ ký của tác giả 120\$

NHỚ CẢNH NHỚ NGƯỜI

PEARL S. BUCK, Nguyễn thế Vinh dịch

Bản thường 60\$

Bản đặc biệt với chữ ký của dịch giả 150\$

do LÁ BỐI XUẤT - BẢN

(Xin gửi bưu phiếu đề tên cô Cao Ngọc Thanh Chợ lớn sẽ nhận được sách)



phong sơn

VIỆC GIẢI PHẪU CON NGƯỜI

qua các lương y : Khổng, Lão, Mặc,
Vương Dương Minh và Phật Thích Ca

THỜI đại nhiều nhưng, nhân tâm ly tán, nhân nghĩa tàn rụi, phong hóa suy đồi... tất cả sự kiện này dưới con mắt mỗi một triết gia, mang một sắc thái khác nhau, sắc thái đó là quan điểm nhân sinh mà kẻ sĩ mỗi thời «bắt mạch» thời đại họ sống để cho những «toa thuốc» chữa chạy cho cuộc đời.

Nhìn chung diễn tiến học thuật Á đông, đặc biệt là nền học thuật, triết lý Ấn Độ và Trung Hoa xưa, ta thấy con người chưa có đầy đủ sinh khí được đặt lên trên giường bệnh để các «lương y» ra tay điều trị. Có người cho rằng căn bệnh ở nơi cá nhân con người, có người lại cho căn bệnh phát xuất từ xã hội, quốc gia, tập thể đã chi phối những cá nhân người!

LÃO TỬ nhìn xã hội chính trị lúc bấy giờ bằng con mắt hết sức bị quan. Ông chán ghét đến ghê tởm những thứ mà người ta trang trọng gọi là công lý, nhân đạo, luân lý, công bằng, bác ái... mà trên thực tế thì đầy dẫy những trò giả dối, điều ngoa, lường gạt chém giết nhau như cơm bữa. Ông khinh ghét, căm hờn đến tột độ nhưng không có một ý niệm gì về sự điều chỉnh xã hội. Ông phủ nhận và chối bỏ tất cả, kể cả ông Trời mà hầu hết mọi người đều tôn trọng, cho là đấng tạo hóa công bằng, nhân đức và vô tư. Lão-Tử nói «Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi xô cầu» (trời đất bất nhân, lấy muôn vật làm con chó bằng cổ). Ông không còn tôn tưởng một thứ gì trên thế gian này nữa. Đối với những điều mà các nhà

nhỏ thường mở miệng ra là « nhân nghĩa, lễ, trí, tin... » thì Lão-Tử nổi xung lên mà hét : « Nay, này ! làm loạn thiên hạ chính là những cái quý quái, giả dối ấy cả. Đem mà quăng sạch các thứ đó đi ! »

Cụ Khổng cũng sinh đồng thời với cụ Lão nhưng nhìn thế sự đảo điên bằng con mắt của người thầy thuốc có thiện chí tìm cho ra căn bệnh. Ông không bi quan đến trốn chạy trước cuộc sống như cụ Lão. Ông cũng nhận những sự giả dối, điều ngoa, lừa gạt, những cảnh chém giết bất nhân... nhưng ông cố tìm cho ra nguyên nhân của mọi sự việc. Ông đã điều chỉnh cuộc đời, điều chỉnh xã hội chính trị lúc bấy giờ bằng thuyết « chính danh ». KHÔNG TỬ đã chú trọng đến cái nghĩa bản lai của mọi danh từ và mong muốn rằng mọi người phải hiểu rõ và đặt đúng vị thế và thực hiện đúng ý nghĩa nó trong mọi trường hợp.

Cho đến Mặc Tử thì triết gia xã hội hiện thực này lại phủ nhận luôn quan điểm của hai cụ trên và cho rằng cả LÃO và KHÔNG đều không thực tế, đều ngã về một phía cực đoan, một bên phủ nhận cái Danh và một bên quá chú trọng cái Danh mà không thực dụng. Họ Mặc không chịu đề cao cái Danh trống rỗng, chỉ nói hão huyền ở cửa miệng, đầu lưỡi mà điều quan trọng là phải ứng dụng cái danh đó. Nhìn cảnh lễ dâm đồ thân trong họa đao binh liên tiếp, ông đã xướng lên thuyết Hòa Bình Kiềm ái, ông lại thân hành đi nước này nước khác, bày tỏ những điều phải trái, giảng hòa những mối tranh chấp. Suốt đời, ông không thêm

công danh phú quý, không chịu ra làm quan một nước chư hầu nào, chứng tỏ rằng tư tưởng ông cốt ở điều thực dụng, không vụ hư danh. Mặc Tử đã nêu cao tinh thần vị tha và phá đổ những tư tưởng vị kỷ trong câu nói « đừng lo cho riêng con mình dốt mà lo chung cho con thiên hạ dốt ». Đáng tiếc thay, tham vọng của con người quá cao, tiếng gọi Hòa Bình, Kiềm Ái của Mặc-Tử đối với thời đại loạn ly lúc bây giờ chỉ là tiếng kêu giữa sa mạc !

Một người thứ ba của nền học thuật Trung Quốc, cũng tha thiết với nhân sinh và tiến thêm một bước có tinh cách « khoa học thực nghiệm » hơn, đó là VƯƠNG DƯƠNG MINH. Ông ra đời vào năm Hiến Tôn nhà Minh, ngang với triều vua Lê thánh Tôn nước ta. Cái đặc điểm của học thuyết Vương dương Minh là tìm cho đến căn nguyên cái đạo học của Thánh Hiền để đem bộc bạch, phân tách ra để thực hành, chứng nghiệm một cách rõ ràng cụ thể để mọi người theo và mọi người đều hiểu. Ông chủ trương thuyết « tri hành hợp nhất » mà biết bao danh nho đời trước đều cho rằng « Tri và Hành » là hai cái khác nhau. Theo Vương dương Minh thì « Tri » là biết « Hành » là làm đều do « Tâm » mà ra. Vì « Tâm » vốn đã có cái bản thể « minh giác » (sáng láng hiểu biết) để tự biết mọi sự hay, dở, nên, hư, lợi, hại... Bởi cái « minh giác » ấy mà người ta biết ăn, biết mặc, biết hành động, biết vinh nhục, sướng khổ, biết phấn đấu để bảo tồn sự sống ở đời, biết đau lòng trước những cảnh tang thương. Tóm lại, mọi sự « biết » (tri) cũng đều do « tâm », do sự « minh giác » mà ra. Nhưng « tâm » có được

sáng hay không là do tư dục của mỗi người. Người bị những vật dục, tham vọng quá nhiều thì « tâm » bị mây mờ che khuất, không còn cái minh giác để nhận định và hành động có ích cho nhân quần được.

Phần « Hành » (làm) thiết thực và quan hệ nhưng cũng đã có sẵn trong « Tâm » rồi. Vương dương Minh cho rằng một ý nghĩ phát động ngấm ngấm trong Tâm, ấy là « hành » rồi. Chỗ cốt yếu là ta phải biết kích thích hay hạn chế cái « hành » ấy ngay trong Tâm khi cái « tri » đã cho ta biết điều đó, việc đó tốt hay xấu, hay hay dở, thiện hay ác. Xác nhận ý tưởng này, Vương dương Minh nói « tri chi chân thiết đốc thực xứ tức thị hành, hành chi minh giác tinh sát xứ tức thị tri » (cái chỗ ngay thật rõ ràng của sự biết tức là làm, cái chỗ thông suốt kỹ lưỡng của sự làm tức là biết). Ở đây chúng ta thấy nổi bật lên vai trò của chữ « Tâm », tức sự « minh giác ».

Nhìn chung, ta thấy từ Khổng, Lão, Mặc, đến Vương Dương Minh, vấn đề CON NGƯỜI sống giữa xã hội, quốc gia đã được đặt ra và được giải quyết nhiều cách. Cho đến Vương dương Minh thì con người đã tự tìm thấy mình, tìm cách « tự lực » để tự kiểm soát cái « Tâm », một sự minh giác để tự hoàn thiện bản thân để góp công cải tạo xã hội.

Sự tự lực trong thuyết « tri hành hợp nhất » và cái « tâm » của Vương dương Minh đã bắt chúng ta phải xếp Ông gần với một đấng hiền triết chói lọi của nền văn hóa Á đông : ĐỨC PHẬT THÍCH CA.

Đối với cuộc đời, đối với quốc gia xã hội, con người đang sống ngụp lặn trong đó và có nhiều bồn phân phải làm, nhiều quyền lợi được hưởng. Phật giáo công nhận đời là bể khổ trăm luân nhưng không trốn chạy, than van hoặc cầu xin một sức mạnh thiêng liêng nào giúp mình thoát ra bể khổ đó. Có thể nói tất cả giáo lý của đức Phật đại từ bi đều hướng về trung tâm điểm là sự « tự lực », sự cố gắng của chính mình, của riêng từng cá nhân. Theo Kinh của SUTTARIPATA có câu : « Con ạ, chính con phải tự ráng sức » và Kinh DHAMMAPADA cũng có câu : « Chính con, con phải tự gắng sức, ta chỉ vạch đường mà thôi ». Hoặc một câu khác, rõ ràng hơn « Hồi các người, hãy tự mình thấp xuống mà đi ! ». Giáo lý đức Phật đã đề cao tuyệt đối giá trị nhân bản. Con người phải công nhận thân phận của mình, không tin tưởng và ỷ lại vào một ơn huệ thiêng liêng, một thánh sứ (grâce divine) nào cả. Con người cũng không chịu thua cái gọi là « định mệnh » mà trái lại phải phấn đấu trường kỳ để « làm cuộc đời » của mình.

Ý thức tự làm lấy cuộc đời mình cũng như sự vạch lối con đường giải thoát cho tha nhân trong giáo lý đức Phật bắt nguồn từ sự nhận chân những đau khổ của cuộc đời : thực trạng sinh, lão, bệnh, tử và những cảnh khổ của sinh linh ngay ở bên ngoài bốn cánh cửa hoàng cung (chuyện « từ môn xuất du » của Thái Tử Tất Đạt Đa).

Cuộc đời như thế, con người như thế. Vậy phải làm gì. Đức Phật không

muốn môn đệ của Ngài thắc mắc, suy luận lời thối về những gì siêu hình diệu vợi, lý thuyết khô khan, không có giá trị thực tiễn. Đức Phật không muốn Phật giáo đồ của mình suy tôn mình là Thần, Thánh, là một chủ thể cao cả thiêng liêng để trông chờ ban ơn, ban phước. Ngài nói « ta cũng chỉ là người như các con. Chính ta, ta đã phải tự giải thoát », và Ngài cũng xác nhận rằng mọi người đều có thể là Phật nếu biết theo con đường tu tập đã vạch : « ta là Phật đã thành, các con là Phật sẽ thành ». Thật là giản dị, khiêm tốn và thực tiễn.

Con đường tự giải thoát là gì ? Là nhìn thẳng vào cái « Tâm » của mình. Giáo lý nguyên thủy của Phật giáo cũng nằm gọn trong (Tứ thánh đế », 4 lời dạy, 4 chân lý, vi diệu, cao cả nhưng rất cụ thể, rất gần với chúng ta :

Thứ nhất : đời là khổ

Thứ hai : nguồn gốc của khổ

Thứ ba : sự diệt khổ.

Thứ tư : con đường dẫn đến sự diệt khổ.

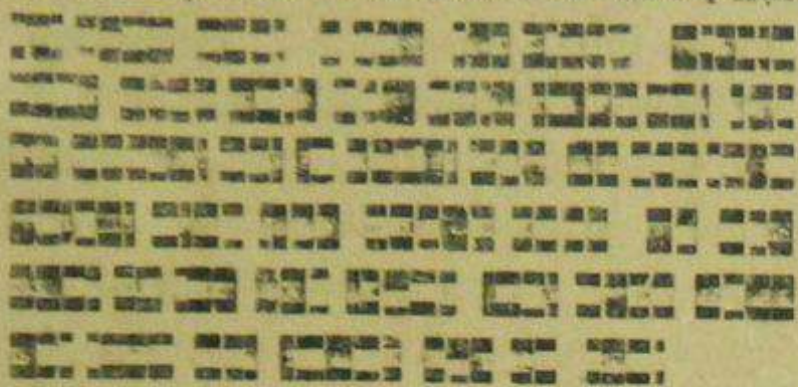
Và cố nhiên khi nắm vững bốn chân lý đó, con người phải tự « võ trang » cho mình một thứ khí giới gì để chiến đấu diệt khổ. Khi giới đó lạ thay lại là tình thương yêu và sự sáng suốt. « Từ-bi và trí-tuệ ». Sáng suốt để nhìn vào cái « Tâm », để « minh giác » diệt Dục, diệt Khổ, diệt Tham, Sân, Si... Đối với xã hội nhân quần, từ bi mang ý nghĩa tôn trọng sự sống, một sự sống đầy đủ của con người, của mọi sinh vật trên quả đất...

Bây giờ, thời đại văn minh, con người nhờ những tiến bộ khoa học, đã tiến rất xa trong việc phục vụ cho những tiện nghi của đời sống, làm cho đời sống thêm lạc thú nhưng đồng thời cũng làm phá sản, khánh tán những đức hạnh, những thuần phong, mỹ tục, những « nhân phẩm » và những « dân tộc tính » cần thiết cho người dân mỗi nước. Con người đang biến thành dã thú man rợ. Tham vọng về lợi lộc, uy quyền quá cao làm mờ mắt chúng sinh để chúng sinh lăn xả vào cảnh đao binh giết chóc. Tham vọng đã làm đổ ngẫu những đời mắt hiếu chiến, chỉ biết nhìn lên một ảo ảnh vàng son là sự tóm thâu thiên hạ, chinh phục hoàn cầu, dù sự chinh phục đó đã được minh chứng nhiều lần bằng sự điêu tàn đồ nát của mọi cảnh vật, của mọi sinh linh như một Thành cát Tư Hãn, một Tần thủ Hoàng, một Nã phá Luân, một Hitler...

Ở những bối cảnh bi thảm đó, nhất là trong vòng chật hẹp của đất nước Việt-Nam, dưới những chinh thế của bạo chúa, bạo quyền, con người Việt-Nam nói chung và Phật giáo đồ nói riêng, bị hoạn nạn đau đớn nhưng cũng vì hoạn nạn đau đớn đó mà tinh thần Bi, Trí, Dũng chỗi dậy, chói sáng và tỏa ánh hào quang cùng khắp. Hình ảnh những đoàn tăng ni Phật Tử chấp tay cầu nguyện, thẳng tiến vào rừng grom biển súng dưới thời Nhu, Diệm đã chứng minh tiềm lực vạn năng của Phật giáo, một Tôn giáo thực nghiệm nhất của con người.

Ma vương, quý sừ, dã thú phải chồn chân, lui bước trước đôi mắt lim dim,

trước nụ cười hiền hòa của đức Phật



Tóm lại, qua bao nhiêu trào lưu tư tưởng, qua nhiều lương y tinh thần chữa trị, con người vẫn chưa tìm thấy

sinh khí, chưa tìm thấy hạnh phúc. Nhưng hy vọng rằng, với vị bác sĩ đầy tình thương yêu rộng lớn, đầy phương pháp thực nghiệm để chữa trị như đức Phật Thích Ca, chắc chắn rằng bệnh nhân sẽ tìm thấy sinh khí của mình đã mất, cố gắng theo phương thuốc Bi-Tri, Dũng đó để điều trị thì trong một ngày gần đây, thế giới sẽ bình phục toàn diện trong niềm hoan ca rộng lớn của tình thương.

Phật-dẫn 2510

ĐÃ PHÁT HÀNH:

LÒNG ĐẤT

truyện dài KIÊM THÊM

truyện viết về những bi thảm của đất nước

chinh văn

RÂU TRÊN CẨM

KHI tôi đến thăm, căn phòng hẳn hoàn toàn chìm trong bóng tối. Gõ cửa mấy lần, bên trong vẫn im vắng. Cô bé hàng xóm cho tôi biết « ông họa sĩ có ở trong á ! Ông móc cửa lại, ông ngủ kỹ từ hôm qua đến giờ ! » Cánh cửa sổ để ngỏ nằm kế bên cửa chính ra vào, tôi thử thò tay vào bên trong. Không mấy khó khăn, tôi bắt được chiếc móc sắt, cánh cửa lớn xịch mở.

Ánh điện đường từng luồng lớn tạt vào một thân người đang vắt ngang trên giường. Hẳn mê hay tỉnh. Không biết nữa. Áo trong quần, giày trong chân, râu trên cằm, tua tủa, đen kịt. Tất cả, ngoài lẫn áo trên ngực, bất động. Một con ruồi, bỗng cất mình khỏi khoe miệng hẳn, vẽ một vòng thoảng nhanh rồi đáp xuống một trứng mắt, chìm hút vào đó.

— Vinh ơi ! Thức hay ngủ ? Minh về thăm đây này !

— Nằm xuống đây chơi, đi !

Hẳn nói như một thứ đồng bóng. Quả tình tôi không hề chờ đợi một thứ tiếng bình thản đến lạnh người và, quá sớm như vậy.

« Nằm xuống đây chơi », trò chơi nghĩ cũng hơi lạ. Nằm như một thứ thây ma kia mà là một trò giải trí sao ? Hẳn vẫn nằm đó. Yên lặng.

Muỗi từng đàn lượn vo ve trên vòng tóc, nửa khuôn mặt hẳn chia ra ánh sáng, bầy một hàng lông mày xanh sẫm. Đôi mắt khép chặc trong một quầng đen thẫm. Lưỡng quyền nhô xương, đôi môi như muốn nói một thứ tiếng của im lặng. Con ruồi đứng mãi đôi chân một cách chăm chỉ nơi đó.

— Nằm xuống đây chơi, đi !

Hẳn lặp lại một lần nữa. Hay hẳn mới vừa chợt nói lần đầu ? Giọng điệu vẫn thế, đứng đưng như một thứ hòn

sôi ròi trong lòng thung lũng, như một thứ gió thoảng trong cây lá. Cái miệng vẫn há hốc đầy ngạc nhiên, đầy tra vấn. Tiếng nói thoát ra từ những khe hở nào trên thân xác kia? Tôi đứng đó. Lặng người. Như bức vách. Như những tấm tranh úp mặt trên tường. Như mảnh vải bố trên chiếc giá vẽ mốc meo giữa nhà. Như chiếc gạt tàn thuốc ăm ắp chất xám tro. Như chiếc chén tách đen quánh màu trà. Như chiếc bình không hoa trên bàn. Như chiếc bếp dầu không khói lửa dưới nền gạch lỗ đồ hang chuột.

— Lâu nay làm việc ra sao, Vinh?

— Không.

— Có sáng tác được tranh nào khá không?

Vừa hỏi, tôi vừa bước đến sát vách tường.

— Đứng! Đứng! Minh biểu đừng. Đừng lật ra.

Giọng Vinh bỗng trở nên quyết liệt. Chưa bao giờ tôi thấy Vinh quyết liệt với ai như vậy.

— Gì vậy, Vinh?

— Đứng. Đứng hỏi nữa.

— ?...

Im lặng trở về. Hình như có một người nào đó vừa nói thay bạn tôi. Hẳn ngủ hay thức. Tỉnh hay mê. Hẳn có còn đó?

Tôi nhìn lại giá vẽ. Khuôn vải nín cảm không biết bao lâu rồi. Mạng nhện giăng ngang ngửa trên những lớp bụi dày. Có cái gì đang chờ đợi.

Trơ đá. Bao nhiêu kiên nhẫn.

— Hết. Hết sạch rồi! Bây giờ thực sự là cạn.

Hắn lắc đầu trong khi nói.

— Nghĩa là sao? Tôi hỏi trong ái ngại.

Hắn đưa cái nhìn về phía những bức tranh, thở dài náo nuột, rồi tiếp tục nhắm nghiền mắt lại.

— Công trình trong bao lâu nay đó hả? Tôi hỏi.

— Nhưng không phải hoàn toàn của mình.

— Thôi, kiểu cách với nhau làm gì. Cho coi đi, Vinh.

— Không. Đừng. Minh biểu không là không. Không phải của mình. Đã nói không phải của mình là không phải của mình mà.

Hắn nói với một bàn tay chơi với về phía trước.

Giá vẽ mốc meo. Khuôn vải đợi chờ. Những ống màu, những cây cọ, ngủ yên, buồn thảm.

— Vinh quảng bút thực sự rồi sao?

— Không. Có lẽ mình chưa thực sự bắt đầu.

Ở Saigon, vào giờ tan sở, chiếc ô-tô-buýt có hình dáng của một con nhím. Và người đi xe dễ tưởng mình là một thứ cá mòi đóng hộp hay một thứ bánh mì trong một chiếc lò tốt lửa.

— Trời đất ơi! Coi chừng rách hết của người ta. Dang ra. Biều dang ra là dang ra chớ. Sao kỳ cục vậy?

Tôi biết ngay là giọng của Vinh. Hẳn đang gặp khốn khó. Dưới những chiếc rách, những chiếc vai và những lần áo, hẳn đang bị chôn vùi. Cặp mắt thẳng thốt của hắn cố nheo khỏi vành nón của một cái đầu hay lắc phía trước. Đứng là cặp mắt kẻ sắp chết đuối. Tôi cố trườn lấn về phía hắn. Ngay lúc đó hắn cũng vừa nhận ra tôi:

— Cứu mình một tay đi. Ủa. Lấn cách đó hư hết của người ta cho mà coi. Quân giết người. Độc ác. Độc ác!

Bụng tôi bỗng đau nhói. Cái gì như một thanh gỗ vừa thúc vào đó. Tôi đưa tay giữ lấy. Hắn nói như reo:

— Nàng cao lên khỏi đầu cho mình đi. Mau lên! Mau lên!

— Chớ mang đi đâu mà cực khổ vậy?

— Thì mang về chừ mang đi đâu?

— Sao lại mang về? Không gặp kẻ « mắt xanh » sao?

— Có chớ. Nhưng mình chỉ gởi đề triển lãm thôi.

— Dư luận ra sao?

— Đáng lẽ cậu phải có mặt ở đó với mình. Cứ nhìn ánh mắt người xem dừng lại trước tranh của mình, và khiến được họ nhiti mà suy nghĩ, mình thấy đã đủ lắm rồi.

— Điều quan trọng là có ai chịu mua không?

— Dĩ nhiên là nhiều người muốn có

nó để treo trong nhà. Đặc biệt về phía những người ngoại quốc, họ có vẻ sẵn sàng xĩa đủ tiền để mang nó đi ngay. Nhưng...

Hắn dừng lại, nhìn tôi bằng tia mắt vô cùng kiêu hãnh, nói trong nụ cười:

— Mình đã nghèo lỡ rồi, cho nó nghèo luôn. Bức tranh này, cậu coi, đâu phải mình vẽ ra để bán cho họ.

« Toạt », hắn vói tay xé toang lần giấy nhật trình gói bên ngoài bức tranh. Cái tit tám cột « vấn đề chủ quyền quốc gia » xuống. Ánh sáng một lưới gương tuốt trần nổi bật giữa bức tranh. Bên cạnh là màu hồng của chiếc khăn nhiều điệu phủ choàng trên một tấm gương mang những giòng mực tàu, nội dung một bài linh vị. Về phía bên trái tấm gương là một giá bút với những chiếc bút lông nửa như sẵn sàng nhá mực, nửa như chờ đợi, như tự thu mình vào yên nghĩ. Về phía trước là một cái chén, với một chất nước thuốc đặc quánh đen sẫm. Tất cả đặt trên nền một chiếc chiếu cặp điều, vàng nhạt như màu da Việt Nam.

Xe ngừng ở một trạm gần nhà, Vinh kéo tôi xuống theo. Tay kia vẫn ôm khư khư bức tranh vào lòng. Khi xuống xe, hắn bỏ tay tôi ra một cách đột ngột để choàng thêm một nâng niu lên công trình kia.

— Cậu phải ở lại chia vui với mình mới được. Nè, ghé đây, mình xách xi để về nhậu một bữa cho đả chơi.

Tối hôm đó, tôi liền tiếp được ba điều ngạc nhiên ở Vinh : tử lượng của hắn rất cao ; cái anh chàng làm lì ít nói hôm nào, nay bỗng nhiên trở thành một nhà hùng biện ; và, ần sau cái vẻ tài tử phóng khoáng, rất tài tình, rất lãng mạn kia, tôi thấy thêm ở Vinh tất cả vẻ ngạo nghễ hiên ngang của một chiến sĩ, khi hắn ngửa cổ nốc cạn ly rượu, dẫn mạnh ly xuống bàn, nhìn bức tranh, thao thao bất tuyệt :

— Đã mang danh là kẻ sĩ thì trước nạn ngoại xâm, một là phải đem ba thước gươm diệt tan lũ ác. Hai là phải dùng chất thép của ngọn bút lời văn mà ngăn cản quân thù. Trẻ già trai gái yêu thương đùm bọc lấy nhau mới hồng tồn tại. Kẻ sĩ mà không làm được những điều căn bản kia thì chén thuốc độc đó, mảnh lụa điều kia và lưỡi gươm tuốt trần sẵn rồi, hãy tự kết liễu lấy tâm thân vô dụng của mình để tránh cái nhục muôn đời về sau. Có phải như vậy không ?

Vinh hát hàm về phía tôi, câu hỏi trong mắt.

Tôi thấy không cần phải nói thêm lời gì. Trong khi lơ đãng cầm xoay trái bức tranh, tôi đọc được trên một tấm thiệp nhỏ, đậm nét những hàng giản dị : « HỒN NƯỚC. Dành riêng cho tác giả. Không bán ».

CUỘC sống ít khi đem đến cho mình nhiều cơ hội để thực hiện những điều hoài bão. Cái mộng lấp bề vá trời của tuổi thanh xuân, đôi khi nhờ sự trở trêu của định mệnh, của hoàn

cảnh lại du người vào những không gian nhỏ hẹp của áo cơm và buồn năn.

Sau hai năm xa cách, khi trở về tìm thăm Vinh, hắn vẫn giam thân trong căn phòng tối tăm, chật hẹp đó. Giờ giới nghiêm đã không cho phép tôi dành giây phút đầu tiên khi trở về để thăm viếng anh em. Buổi sớm có đầy đủ nắng vàng và tiếng chim trên mái lá, tôi bước vào nhà Vinh. Cánh cửa vẫn khép chặt. Trên giường, hắn vẫn còn nằm đó. Vắt xéo như một vết chém lên sự xót đau. Bóng tối vẫn đầy trong trung mắt, phủ chụp lên hình hai, trên những tranh ảnh, đầy ắp trong không khí đang thở của hắn. Chiếc giá vẽ vẫn nằm trơ bày một khoảng trống vuông vức, bằng phẳng như giòng thời gian vẫn rot đều trong sinh hoạt lao tù của hắn. Hắn nằm đó. Áo trong quần. Giày trong chân. Hàm râu vẫn trên cằm, trở màu đỏ tía, cứng nhắc.

— Nằm xuống đây ngủ chơi !

Hắn vẫn chỉ có một lối giải trí duy nhất đó. Những bức tranh trên tường vẫn úp mặt, ngủ yên như cái dự định thể hiện một tác phẩm vĩ đại của hắn. Qua tia nắng dọi, từng lớp bụi trên mái lá bay lơ đãng xuống người hắn như một đồng lữa.

Bỗng có tiếng sũa ong ồng nghe gần, phát ra từ dưới chỗ Vinh nằm. Tôi lắng nghe, ngạc nhiên. Vinh vẫn chìm trong lạng lẽ. Con chó vẫn sũa

cái thứ liếng chó con của nó từ dưới gầm giường. Và vì là còn nhỏ nên nó chỉ sủa suông, vừa sủa vừa thụt lùi sát góc tường.

Tôi nghĩ chắc con chó rồi cũng sẽ lây tính của chủ : ngủ, nhin đói và rất buồn.

Con chó lại tiếp tục sủa, hai con mắt tròn như hai hòn bi. Tôi hỏi để biết Vinh còn đó :

— Mới tha được ở đâu về vậy? Một thân một mình lo đã yên chưa mà còn làm tội làm tình thêm cho nó?

— Không biết ai đã bỏ nó ngoài đường, đi ngang thấy, mới lượm về hôm qua. Kệ, để nuôi chơi cho vui.

Vinh lại tiếp, như nói với chính mình :

— Những lúc đi về có tiếng chó sủa nó cũng bớt vắng vẻ.

Châm một miếng thuốc gấn lên môi hẳn, tôi chợt có cảm tưởng như vừa cảm một nén hương lên năm mộ.

Nên đọc nhật báo :

CHÁNH ĐẠO

— ĐỌC CHÁNH ĐẠO

ĐỂ BIẾT NHỮNG TIN TỨC CHÍNH XÁC

— ĐỌC CHÁNH ĐẠO

ĐỂ GIỮ VỮNG CHÁNH TÍN

— ĐỌC CHÁNH ĐẠO

ĐỂ THẮNG TÀ ĐẠO

hồ hữu tường

QUỈ ÁM

CHA mẹ tôi là nông dân ở miền Tây. Khi sanh tôi ra, thì xóm bên cạnh của xóm nhà tôi hãy còn là một cái sóc của người Miên, với những nhà cao cảng, với một ngôi chùa kiến trúc theo lối Khờ me, chung quanh trồng lâm vồ và bồ đề um tùm. Mỗi lần sãi cả có việc ra tỉnh, thì ông ngồi giữa một cái ghe hầu, nhập thiền, lim dim, và lúc lắc theo nhịp chèo của sáu ông sãi con chèo nhẹ nhẹ để dừnng động giấc thiền của thầy. Lũ trẻ nhỏ chúng tôi, năm tuổi có, ba tuổi có, mỗi lượt thấy ghe của các ông sãi Miên qua như vậy cảm thấy các ông chèo chậm quá, dọc theo mé, theo hướng của ghe hầu, để giục cho các ông sãi chèo mạnh mái hơn. Chúng tôi hò khoan :

*Hạ bồ đề, thượng lâm vồ,
hồ khoan!*

*Thượng lâm vồ, hạ bồ đề,
hồ khoan!*

Các ông sãi Miên chẳng chịu chèo

mạnh và nhanh theo nhịp hồ khoan, hồ khoan của chúng tôi, nhe răng cười để tỏ cảm tình với chúng tôi, nhưng lại ngó ông sãi cả ngồi lim dim ở giữa ghe. Tôi tuy còn nhỏ, song sớm hiểu rằng họ không chèo nhanh, vì sợ động giấc thiền của ông sãi cả.

Gần nhà tôi là nhà của chủ đất, làm chức Hội đồng, giàu có rất lớn. Sau nhà cậu Hội đồng, có một cái sân rộng minh mông, chỗ phơi thóc, chỗ làm việc cho mấy chục nhân công khi có việc, hay làm cái sân chơi cho lũ nhỏ chúng tôi khi chúng tôi có một cái trò nghịch ngợm nào đó. Nên nhắc rằng thuở ấy dưới mười tuổi, thì con gái chừa vá, còn lũ con trai của chúng tôi đầu cạo trợn tru, bóng láng cho nó mát mẻ. Một hôm sau một hồi hò khoan, hồ khoan mà chiếc ghe hầu của các vị sãi Miên chẳng chịu đi nhanh, chúng tôi rủ nhau ra sân sau nhà cậu Hội đồng mà nghịch. Chúng tôi lên lấy chần tam mà quẩn minh, giống như

các ông sãi, lấy lá chuối trái trên đất
trọng trung cho chiếc ghe hầu. Tôi
giành làm sãi cả, ngồi nơi giữa. Sáu
anh lực lưỡng đứng bày trước sau,
như là mấy người chèo. Thay vì nhập
thiền, ngồi lim dim, chính tôi lại giành
hò khoan, hổ khoan để lấy nhịp mà
chỉ huy :

*Hạ bồ đề thương làm vồ,
hò khoan !
Thượng làm vồ, hạ bồ đề,
hổ khoan !*

Đó theo lệnh hò khoan, hổ khoan
của tôi mà sáu anh chèo. Ban đầu, tôi
còn nói chậm rãi. Song tôi thấy chiếc
ghé lá chuối của chúng tôi nằm lỳ trên
mặt đất chẳng nhúc nhích cục cựa mà
tiến được một tấc, một phân nào, tôi
lại nói nhanh lên, càng phút càng
nhật. Nói nhật quá không được, tiếng
này chông lên tiếng kia, nghe không
ra tiếng nào cả, tôi bèn bỏ phút bồ
đề và làm vồ đi, mà chỉ ra lệnh :

*Hạ, thượng... hò khoan !
Thượng, hạ... hổ khoan !*

Chiếc ghe lá chuối vẫn không tiến
tới. Tôi hăng tiết, bỏ luôn cả thượng
và hạ, chỉ còn hò khoan, càng phút
càng nhật... Anh em chèo nghe theo
lệnh chèo tháo mồ hôi hột, mà ghe vẫn
nằm lì. Công chúng (thật ra là đám con
gái đầu chừa vá, và con trai đầu nhẵn
nhụi) cũng hưởng ứng mà hò khoan,
hổ khoan, làm náo động một góc. Chẳng
làm vồ, bồ đề, chẳng thượng, hạ, loạn
xà bì như thế kia, mà ghe cũng vẫn
không tiến chút nào.

Chẳng những ghe không tiến, mà
mợ sáu Hội đồng ngủ trưa ở nhà trên

bị mất giấc, ra sau coi có gì mà ồm tôi
đến thế. Mấy anh chị khác, cũng là con
tá điền, sợ tội đổ trút cho tôi, vì biết
tôi là cháu, dầu có bị đòn, thì cũng ít
ít thôi. Mà dầu không đổ tội, thì rõ
như ban ngày, tôi làm sãi cả, ngồi xếp
bằng, lắc lư mà ra lệnh hò khoan, hổ
khoan kia. « Công chúng » mỗi đứa bị
một nhịp roi nhẹ nhẹ nơi mông. Sáu
anh sãi chèo mỗi anh lãnh một roi
thẳng thẳng. Còn tôi là chủ mưu, thì tôi
lãnh năm roi và cái chức là « sãi mằm »
Còn cậu Hội đồng đưa ra trường hợp
giảm khinh, nói rằng sớ dĩ mà tôi bày
trò chế nhạo sãi Miên, chẳng kính tăng
bởi vì tôi bị « quỷ ám ».

Tôi học được danh từ « quỷ ám » lúc
tôi năm tuổi gì đó, sau khi lãnh năm
roi lên mông, lãnh chức « sãi mằm »,
vì đã chẳng làm vồ, bồ đề, chẳng
thượng hạ, loạn xà bì, mà chiếc ghe lá
chuối chẳng tiến tới một ly.

VIỆC đã xảy ra hơn năm mươi
năm về trước. Nay xét nét lại
tôi không rõ lúc ấy, tôi đã bị quỷ ám,
hay đã bị một cái gì khác « ám ». Có
lúc, đọc một tiểu thuyết trứ danh của
một văn hào Nga, nhan đề là *Những
kẻ bị ám*, tôi đã một lần nghĩ lại
khoảng đời đã qua của mình.

Lúc tôi năm tuổi, ở cả vùng tôi, trẻ
con sống trong cái nếp « người ta vác
giạ đi vay thóc, chớ không ai vác giạ
đi vai chũ », mà tôi đã bị « ám » chèo
chèo đời đi học để thoát cái thân phận
nông dân... Tôi đã thoát được thân
nông dân... Nhưng không biết đó là

cái phúc hay cái họa. Nhiều lúc thất bại trong cuộc đời, khổ sở quá, tôi đã nghĩ, nếu không bị «ám», mà hóa thành một thằng trí thức lỡ mùa, lại an phận làm một nông dân nghèo ngao giữa đám lúa vàng, dưới vòm trời xanh gió phe phẩy thổi đưa hương lúa chín bát ngát, thì có lẽ được cái phước củ^a kẻ an bần lạc đạo...

Lúc tôi mười hai tuổi, có người rủ tôi lên núi tu luyện, cầu thuật trường sanh, tập cho tâm nhập đạo. Tôi lại bị «ám», thích tranh đua cho hơn đám con nhà giàu cùng làng, mà lách sang nẻo khác. Nếu không bị «ám» biết đâu ngày nay, tôi đã là một đạo sĩ mà ai cũng yêu, chớ chẳng phải lãnh cái thân phận của một nhà văn chánh trị mà quá nhiều kẻ ghét.

Mà sở dĩ có nhiều người ghét như vậy, vì thật tình, không chối cãi được, tôi đã bị «quí ám». Quí ở đây, đó là chủ nghĩa Marx. Tôi đã bị nó «ám» trong chín năm, không khác nào Cao Hoài Đức đã bị Dư Hồng giắt bùa lên mái tóc. Tôi đã hăng say, hơn hăng say nữa, tôi đã mê tranh đấu. Trong cuộc tranh đấu, tôi đã chọn hình thức mà những vết thương tuy không thấy mà đau đớn và không sao lành được: đó là vết thương lòng. Kẻ bại trận không bao giờ dung tha ai đã đưa ra lập luận bẻ gãy lý thuyết của mình. Chín năm bị ám, coi được sự mê mải, nhưng mà tôi lại mang cái họa to, là sau chín năm là nhà bút chiến của phái Đệ tứ, tôi đã làm cái giọng của Nễ Hoàn, sau mấy chục năm làm con một sách, tôi lại tập cái hào nhoáng của Dương Tu. Một Nễ Hoàn, một Dương Tu, cũng thừa làm

cho người ghét rồi, huống chi kiêm cả hai, bảo người ta thương sao được?

Nhưng mà những cái ấy chỉ là phó hiện tượng (épiphénomène) của một sự «bị ám» vĩ đại. Năm 1924, tôi được đọc bài diễn thuyết của Nguyễn An Ninh về *Cao vọng thanh niên ngày nay*. Nhưng lập luận của Nguyễn An Ninh có lẽ không có màu sắc của thời thương. Nhưng điều cốt yếu là nó gài được trong lòng của thanh niên một hứng thú, một say mê, một ám áp lần lần được hâm nóng lên phụt cháy thành ngọn lửa thiêng, ngọn lửa mà quay vào nội tâm mà nhìn, ta đọc lâu lâu hai chữ *cao vọng*.

Có lẽ lúc bốn năm tuổi, mình quán cái khăn tắm mà hô linh hô khoan, hô khoan, tôi đã bị quỷ nó ám. Song từ khi đọc xong *Cao vọng thanh niên ngày nay* tôi đã bị «cao vọng ám». Chắc hẳn là như vậy. Làm con nhà nghèo, nếu không bị cao vọng ám, làm sao dám vượt trùng dương, sang Âu Châu để ngốn những tư tưởng đã làm cho Tây phương mạnh, và bởi mình thiếu, nên mình yếu? Làm một sanh viên chỉ thông minh vừa vừa, nếu không bị cao vọng ám, làm sao dám ngốn chương trình toán học của Đại học dạy trong năm năm mà ngốn trong một năm, để có thể làm một thứ, nói đúng hơn là nuôi mộng làm một thứ Ricci và Lévi-Civita, sáng chế một thứ toán vi phân tuyệt đối, khả dĩ giúp cho một học thuyết như của Einstein xuất hiện?

Rồi, lúc hai mươi tuổi, vào chủ nghĩa Marx, phần lớn là do cao vọng nó ám. Năm 1930, ảo mộng của quốc tế chủ

nghĩa rất mãnh liệt. Ai cũng tin rằng cái thế giới đại đồng có cơ thành hình được. Nếu chủ nghĩa quốc tế là sự thật thì sự «thoát thân phận» mở rộng cho những ai nuôi cao vọng. Sẽ chẳng còn việc «con vua thì đừng làm vua, con sãi ở chùa thì quét lá đa». Con nhà nông sẽ thoát thân phận nhà nông của mình. Trên nấc thang xã hội, ai muốn trèo lên cao bao nhiêu tùy mình. Trên bàn cờ quốc tế, dầu làm người Rhadé ở Việt Nam, hay làm cá rặng căng ta, ở Phi châu, một thanh niên lập đủ chín cái lập đầu (lập tâm, lập chí, lập đức, lập tài, lập ngôn, lập danh, lập công, lập thế, lập quyền,...) tất có thể lập thân mà làm kẻ lãnh đạo thế giới...

Tôi vào chủ nghĩa Marx chánh yếu là do cao vọng nó ám. Mà tôi thoát ra khỏi chủ nghĩa Mars, chánh yếu cũng là nhờ cao vọng nó ám. Năm 1939, khi tôi thấy rằng, ngay trong hàng ngũ Cộng sản, dầu là Đệ Tam dầu là Đệ Tứ quốc tế chủ nghĩa chỉ là một danh từ trống rỗng, khi tôi thấy rằng ở đó nguyên tắc «con vua thì đừng làm vua, con sãi ở chùa thì quét lá đa», con cán bộ sẽ làm cán bộ, con của Việt Nam chỉ có nước làm thứ Cộng sản vàng vàng vằng vặc mà thôi, nguyên tắc ấy áp dụng khít khao hơn nữa, thì tôi thấy rằng tôi ở trong chủ nghĩa Marx là một sự tối phi lý. Mà thấy được vậy ấy là nhờ cơ cao vọng nó ám.

Nhờ cao vọng ám, mà tôi thấy tôi là người tự do, ngay khi ở trong cảnh nô lệ nhất, tù túng nhất, bị đát nhất. Bị tù trong tù, tâm hồn tôi trầm tư mà vượt bao nhiêu ngăn cách của phòng, của lao, của nước biển mênh mông mà

tung khắp phương trời. Nhờ cao vọng ám mà tôi hăng say, tôi sung sướng làm việc như một trai hai mươi tuổi, đều đều viết vài chục trang mỗi ngày, hoạt động ở nơi nào chen vào hoạt động được. Nhờ cao vọng ám, mà tôi không bao giờ có giọng chán nản, é chề, hết muốn làm, gởi thân xác và tâm hồn vào hộp đêm và phòng trà...

Bị cao vọng ám có chỗ hay mà cũng có chỗ dở của nó. Là ta xây một cái «tháp ngà» mà sông trong đó, chẳng hiểu đời càng ngày càng truy lạc, người càng ngày càng bẻ tha. Như vậy là tách rời với đại chúng. Các bạn phê bình :

— Anh muốn làm thứ «văn chương đáng giá», mà tách rời đại chúng như vậy thì công dụng ở văn chương ấy ở chỗ nào ?

Tôi cũng nhận như vậy. Tôi cũng nhận rằng muốn cảm hóa độc giả đang say mê ma túy, thì cũng cần độc giả cũng thứ văn chương ma túy, mà nhiều vào đó những giọt «sáng giá» càng ngày càng nhiều hơn. Nghe đồn tiểu huyết Chu Tử ăn khách, tôi học đòi viết thứ tiểu thuyết «hiện sinh» đề pha «sáng giá» vào, làm những bìa hấp dẫn và kêu gọi, với nhan đề một chữ 1. Tình. 2. Tiền. 3. Tài. 4. Trà. 5. Thắng. 6. Thảm. 7. Thu. 8. Tội. 9. Tù. 10. Tử. Một chữ mà chữ nào cũng khởi đầu bằng chữ T, chữ đang làm tê tái thế hệ tuổi trẻ.

Nhưng khốn nỗi, có sống mới có viết. Chẳng biết phòng trà, hộp đêm,

canh bạc, mùi thuốc phiện, ma túy của cô cò, chẳng trác táng, chẳng tếu, chẳng truy lạc, chẳng say sưa chất men của rượu, của các gái, của trận cười, làm sao cho sôi động, cho mê li, cho hấp dẫn, cho rùng rợn, cho thác loạn được?

Có người rĩ tai :

— Anh cho « quỷ » nó ám đi! Anh van vái cho một Méphistophélès hiện đến mà cho anh « sống » đầy đủ đi! Khốn nỗi trọn đời sống như một nhà

nhỏ, cốt đề « giữ thơm quê mẹ », bây giờ vì muốn ăn khách mà sanh sừa dầu vôi cái dụng tâm nhiều ít giọt « sáng giá » vào cái văn chương « hiện sinh » nọ, phỏng có ai là tri kỷ, nghĩ rằng làm như vậy, vẫn là hành cái hạnh « giữ thơm quê mẹ » chẳng? Hay là thật sự đã sanh sừa rồi?

Nhân đọc tập *tiếng nói* của một số nhà văn trẻ đứng trước hiện tình của đất nước, tôi cảm thấy một nhà văn già cần góp « tiếng nói » của mình về vấn đề : nhà văn và thời đại. ●

hãy đọc: LIÊN HOA NGUYỆT SAN

Cơ quan phát huy văn hóa Phật giáo

Chủ nhiệm : THÍCH ĐÔN HẬU
Tổng thư ký : THÍCH ĐỨC TÂM
Quản lý : THÍCH NỮ DIỆU KHÔNG
66, CHI LĂNG hộp thư 24, HUẾ

yên hi ba

VÕ' TỒ

TÔI biết đôi chim ấy vào một trưa hè êm ả.

Tôi trèo lên cây mận trước hiên nhà thì gặp chúng : hai đôi mắt tròn ngơ ngác nhìn tôi, rồi hai đôi chân nhỏ nhảy chuyền ra đầu cành xanh nắng. Ở đó, chim ngoảnh lại, lo lắng, nghi ngờ. Một tiếng kêu, hai tiếng kêu... rồi nhún mình vút bông đi, đỗ trên ngọn ổi ngoài kia ngõ. Tôi đứng yên, mắt tôi ngang tầm mắt chim, cách nhau một khoảng nắng hẹp.

Đó là một đôi chim sâu. Chúng bé như hạt mít. Màu xanh nhạt trên lưng cánh và phơn phớt vàng bên dưới ngực. Chiếc đuôi dài, thẳng và mỏng như miếng thép. Đôi chân nhỏ quá, như hai chiếc tăm vót, mỗi lúc chuyền tưởng sẽ cong đi dưới chiếc thân nhún nhảy.

Không biết chim về đây từ hôm nào. Và đã mất bao nhiêu ngày để làm nên

chiếc tổ xinh xắn này. Nó — chiếc tổ — nguyên là một chùm lá mận, cuốn^g còn dính vào cành ; chim đã khâu khít các cạnh lá vào nhau bằng những vàng nhện, những chùm bông, thành một chiếc tổ xanh nhiều cạnh như một trái khế lớn. Một lớp cỏ vùi lòng chim đan dày bên trong đã làm kín đáo và êm ấm lòng tổ.

Một làn gió thoảng qua, cành lá rung rinh, xào xạc. Chiếc tổ dong đưa, dong đưa, nhẹ nhàng. Tôi nghĩ đến những đêm trăng tròn, ánh sáng đọng đầy hoa lá, đôi chim ấy nằm bên nhau trong chiếc võng gió đưa này, giấc ngủ chúng sẽ êm ái biết bao nhiêu ! Và khi ngày lên. Chim đứng ở đây, kề bên miệng tổ, tiếng hót gọi nắng về hẳn sẽ rộn rã không cùng.

Nhưng rồi tôi bỗng nghĩ đến những đêm mưa gió bão bùng. Chiếc tổ sẽ

lắc lẻo như một trái chín và dập dờn như chiếc xuồng con trên sóng cuốn. Chim sẽ không ngủ được. Sẽ hãi hùng lo một tan tác lạc loài.

Tự dưng tôi thấy thương quá đôi cuộc đời nhỏ bé ấy. Tôi phải làm sao đây để giúp chim?

Bên kia ngọn ôi, chim chọt cất lên những tiếng kêu buồn. Tôi nhìn chim, tôi nhìn chiếc tổ, rồi quên cả những trái mận ngọt mát, tôi vội trở xuống.

Lòng tôi muốn nói với chim:

— Về đi chim. Tôi không phá tổ của chim đâu, đừng sợ.

VÀ từ hôm đó tôi mến chim như mến bạn. Ngày hai buổi đi học về là tôi lại ra với chim. Tôi ngồi hắng giờ dưới gốc mận để ngắm chim chuyền cảnh, để nghe chim hát nhạc.

Mấy bạn tôi đưa nào cũng thích chơi chim lồng. Tôi thì khác. Cái đẹp của chim là khi chim bay, chim nhảy trong nắng, bên hoa, và đút mồi cho nhau bên tổ. Đem chim vào lồng, khó có cách nào làm chim vui được. Mà chim không vui, mình còn vui gì! Tôi nghĩ vậy và cứ để yên cho chim đi đi về về.

Mỗi sớm tôi mỗi thăm chừng. Những chiếc lá làm tổ ngày càng xanh thêm, dày thêm; tổ chim càng thêm kín đáo. Tôi đi lượm về những lông chim mềm nõn, những sợi cỏ mứt khô, để chim làm cho thêm êm ấm chỗ nằm. Tôi đi bắt sâu bắt bọ về bỏ vào tổ cho chim trong những lúc vợ chồng chim đi vắng. Tôi muốn được nhìn sự ngạc nhiên

mừng rỡ khi chim về. Nghe chim tíu tít gọi nhau ùa vào tổ, mồi lấy mồi để những con mồi ngon béo, tôi nghe sung sướng như mỗi khi thấy đứa em bé xiu nhìn tôi nhoẻn miệng cười.

Người ta bảo chim rất sợ người. Sờ vào tổ là sẽ làm hoi tổ chim, chim sẽ bỏ tổ, đi tìm nơi khác, xây một tổ khác. Tôi không muốn điều đó, tôi không muốn chim nghĩ tôi cố ý phá tổ của chim, nên chưa bao giờ tôi đụng vào chiếc tổ xanh xinh ấy. Bỏ mồi cho chim tôi cũng khéo tay để chim khỏi nghi ngờ...

Đến hôm nay thì chim không còn e sợ tôi nữa. Chim đã quen quá cái hình ảnh câu học trò ngày ngày ngồi dưới gốc mận nhìn chim triu mến.

Chim đã có thể đậu rĩa lông cho nhau gần ngang bên trên đầu tôi. Chim đã có thể sà xuống cách tôi một với tay. Để nhất những con sâu tôi đang tặng. Và tôi đã có thể hiểu được trong tiếng kêu chích chích ấy có những tiếng gọi chào.

Tôi với chim, chúng tôi, đã âm thầm kết nghĩa.

oOo

SUỐT nửa buổi học sáng nay tôi không thể nào ngồi yên được. Tôi phấp phồng lo. Thầy giảng bài tôi không nhớ được tí gì. Trống vừa bãi, và vừa ra khỏi cổng trường là tôi chạy nhanh về nhà.

Ban nãy ngồi trong lớp tôi đã thấy rõ toán quân Pháp ấy. Chúng đi từng nhà, bắt phải đốn đi những cây cối um tùm mát mẻ. Để làm gì? để làm gì?

Trời ạ, đó là việc làm của kẻ ác. Chúng quả là giặc. Chúng sợ bóng tối. Chúng sợ những cái hủ chùng đang chui rúc đó sẽ vùi chôn luôn chúng nó. Chúng sợ từ những góc này, những lùm bụi này, sét sẽ nổ xuống đầu man rợ.

Bây giờ, còn gì nữa? Giàn nho của bà Hương, cây nhãn của ông Hai già bán kẹo, những cây dứa của bác Quảng trợn đám chuối của anh Thọ và cả những hàng điệp hoa đỏ đang nở rộ trong sân làng... tất cả đều gãy gục, tro những gốc trụi bơ vơ. Đường xóm trống trải, khô cằn, chói chang nắng lửa.

Bà Hương đã khóc bên giàn nho của bà. Tôi nghĩ đến ngoại tôi, lúc này hẳn cũng đang khóc bên bụi lá thơm ngát.

Và tôi, chưa gì tôi cũng đã muốn khóc. Cây mận của tôi, đôi chim sâu của tôi, còn không?

Tôi chạy nhanh, uất ức cũng lên nhanh. Cho đến khi về đứng khựng trước cổng nhà là cảm tức đã đầy nặng lòng ngực nhỏ. Trước mắt tôi, điều tôi lo đang hiển hiện. Đòng đầy những bộ mặt hung ác. Cây ổi đã ngã. Cây mận đang run rẩy, kinh hoàng.

Anh tôi chống rựa nhìn cây mận rồi nhìn tôi, dẫn đo. Cả nhà đều biết tôi quý cây mận, biết tôi yêu đôi chim chắt đi tôi khổ lắm.

Bên kia đường và xa trên kia, tiếng quát tháo, tiếng giày đinh, tiếng lưỡi bèn phập vào cây nghe rõ lồng lộng. Tôi nghe tôi cũng run rẩy như tàng mận đang run rẩy. Chiếc cặp rớt khỏi tay tôi, tôi cũng không buồn lượm lấy.

Trên mái tranh đôi chim sâu kêu mãi những tiếng kêu buồn thảm thiết. Tôi hết nhìn chim lại nhìn những đôi mắt đục ngầu ghè gớm, mong chúng sẽ hiểu được cái thảm thiết đó của chim.

Ngày hôm kia chim đã đẻ. Hai chiếc trứng bé xiu, mỏng manh, có những đường vân nhỏ rứt, dễ thương đến muốn cắn. Hôm nay chim bắt đầu ấp. Tôi đã nghĩ đến ngày trứng nở. Tôi đã nghĩ đến ngày tôi có thêm một đôi bạn nhỏ, chấp chững chuyền bay theo cha mẹ. Tôi đã định, ngày ngày sẽ bắt sâu nhiều thật nhiều, cho chim ăn chóng lớn, cho tiếng hót mau hay. Rồi gia đình chim sẽ giúp tôi: mỗi sáng sẽ gọi tôi thức dậy trước mặt trời để học những bài toán khó. Vui biết bao nhiêu!

Nhưng bây giờ...

Chúng sắp bắt chính anh tôi đi chặt đứt niềm vui nhỏ bé ấy của chúng tôi. Chúng sắp làm thêm một tội ác.

Một thằng hét đục. Một thằng nữa đẩy đạn lên nòng. Anh tôi bước tôi gần cây mận thêm một chút và ngoảnh lại: tôi. Tôi rớt nước mắt:

— Đứng chặt, anh!

Và quên cả sợ, tôi quay sang kẻ thù

— Mận của tôi! Chim của tôi!..

Tôi chạy ả đến định nứ lấy tay rựa của anh tôi. Nhưng một mũi tiêu liên đã ngăn tôi lại. Cái nòng thép đặt mạnh lên vai tôi:

— Ờ, của mày... của mày...

Một loạt đạn nổ rền giữ dội, lấp mất những tiếng nói gằn. Tai tôi bùng như

muốn bẻ. Tôi khiếp hãi khụy xuống và ngã nằm trong vòng tay má tôi. Tôi không còn nghe tiếng chặt của anh tôi. Cũng không còn nghe tiếng chim kêu thảm thiết.

Lâu lắm tôi mới nghe được tiếng má tôi đồ đánh. Rồi những tiếng rựa chặt... tiếng cây gậy rặng rặc... và cuối cùng, tiếng ngã nhào nặng nề của cành lá. Tôi mở mắt. Chiếc tổ xanh nằm sóng soài bên một chùm hoa trắng. Tôi vùng ngay dậy. Nhưng trề rồi. Hai tên linh đã ùa tới, tranh nhau hái mạn; một chiếc giày đinh hấp tấp xéo bừa lên chiếc tổ bé bỏng. Và tôi nghe rõ ngay, phải rồi, tôi cảm nghe rõ ràng, dưới sức nghiêng của bàn chân giặc, có một tiếng bẻ vỡ, thật khê, thật buồn, của một vật bé xiu, mỏng manh.

Trên kia, đôi chim sâu bông sà bay xuống thật ngang qua, rồi rút về chỗ cũ, cất tiếng kêu ai oán lạ kỳ.

Hai chiếc trứng! Hai chiếc trứng! Đó là máu thịt của vợ chồng chim. Đó là đôi bạn nhỏ mai sau của tôi. Hết rồi Hết cả rồi.

— Chim ơi! Chúng ác biết chừng nào

Chim nức nở khóc.

Tôi cũng bệt xuống bực thêm, òa lên khóc...

oOo

MƯỜI lăm năm qua...
Tôi đã trưởng thành.

Mười lăm năm, trên bao nẻo đường đất nước tôi qua, tôi đã gặp thêm nhiều lắm những tội ác của quân thù. Ghê gớm hơn, man rợ hơn muôn lần.

Cùng với những rơi rụng và gãy đổ của hoa trái và bóng mát, là sự tan nát và đứt đoạn của cơm áo và sum vầy. Cùng với những chiếc tổ, những chiếc trứng bị xéo giày là những mái nhà bốc cháy, những hài nhi quại quẩn trong lửa đỏ.

Nhưng tôi không còn bệt xuống mà khóc như ngày xưa. Tôi đã đứng dậy và lao tới, hừng hực giận hờn. Mấy mươi triệu người đã trao thép cho yêu thương.

Và quê hương tôi đã nở được cười...

Mùa mưa năm kia tôi lại trồng ngay ở gốc mạn ngày xưa đã mọc một cây mạn khác. Đến hôm nay mạn đã xum xuê, ngọn xanh vượt cả mái tranh nhà. Mùa tới, mạn sẽ đơm bông và kết lứa trái đầu. Chắc rồi sẽ có một đôi chim sâu về đây làm tổ ấm. Đêm đêm chim sẽ an lòng bên nhau, êm ái giấc ngủ trong chiếc vồng gió đưa. Và mỗi bình minh tôi sẽ lại nghe rộn rã những tiếng hót gọi nắng về.

Sẽ không còn ai đốn đi được bóng mát và hoa trái của tôi! Sẽ không còn ai chặt đứt đi được niềm vui nhỏ bé của chúng tôi!

Dân tộc này đã đứng dậy.

Và lớp trẻ biết uất ức ngày xưa đã trưởng thành.

đông tùng

TÌM HIỂU « ĐỆ TAM TUYỆT »

trong thời Tam Quốc

A.— KHÁI LUẬN

X U A nay những người đọc Tam-Quốc-Chí cũng như các nhà phê bình sách này, mỗi khi nói tới Tào Tháo là người ta nói : Đa nghi như Tào Tháo, tàn nhẫn như Tào Tháo, gian hùng quỷ quyệt như Tào Tháo. Có kẻ cực đoan hơn lại còn cho rằng Tào Tháo là một nhân vật « di xú vạn niên » (đề tiếng xấu muôn đời).

Họ Tào có phải là một người xấu xa như vậy không ? Tại sao người ta lại cứ chê bai mạt sát họ Tào đến như vậy ?

Nay ta thử đặt lại vấn đề, để tìm hiểu giá trị đích thực của con người đã từng được xem là « đệ tam tuyệt » của thời Tam Quốc.

TR Ư Ớ C khi thảo luận tới nội dung, điểm quan trọng nhất mà chúng ta phải nêu lên như một điều kiện tiên quyết là *vấn đề sử quan*.

Tất cả các tác giả Tam Quốc Chí từ Trần Thừa-Tô tới Phạm-Quần, Bùi-Tùng-Chu, Đào-Tôn-Cương, Lã-Quan-Trung cho cả đại phê bình gia Kim-Thánh-Thán đều đứng trên lập trường sử quan phong kiến mà ghi chép lại sự việc cũng như nhận xét vấn đề.

Ví dụ : Trong bài « Nguyên tắc nhận định về truyện tam quốc » của Mao-Tôn-Cương là Thánh Thán đã khẳng định rằng :

— Nhà Thục-Hán tức Lưu-Bị là chính thống.

— Nhà Ngụy, nhà Ngô đều là tiếm quốc.

Khẳng định dứt khoát như vậy, rõ ràng là sử-quan phong-kiến đã bóp méo sự kiện lịch sử một cách vụng về. Vì khi ba anh em Lưu-Bị tự cho mình là con cháu của Lưu-Cảnh-Thăng giòng dõi nhà Hậu Hán, thì đó cũng chỉ là một thủ đoạn bám víu lấy di tích cũ, để hợp pháp hóa cuộc khởi nghĩa của mình, cũng chỉ là một đòn chính trị vì : lúc Tào-Tháo đang sống, mặc dầu

Quốc Chính trị Tư Tưởng Sử » thì cho rằng :

«..... Mặc dù là một người dám nghĩ dám làm như Tào Tháo, nhưng ông ta vẫn chưa đủ can đảm để bắt chấp tất cả ý thức hệ phong kiến, khi chữ trung quân đang được đề cao, nghĩa là ông ta còn bị lệ thuộc vào thanh nghị lịch sử sẽ cho là một người tội soán đoạt...»

Nhưng theo Quách Mat Nhược trong cuốn « Trung Quốc Nhân Vật Sử Khảo » thì lại cho rằng :

« Tào Tháo là một người gan dạ, dám làm tất cả những gì để đi tới thành công kể cả việc thẳng tay lật đổ ngai vàng nhà Lưu Hán đã đến lúc cực kỳ suy vi. Nhưng việc đó đời ông chưa dám làm, chỉ vì chính trị giai đoạn. Uy thế nhà Lưu Hán chưa tới lúc sụp đổ hoàn toàn, nếu bây giờ công việc đó, tức là điều kiện cho hai đối thủ là Lưu Bị Tôn Quyền tuyên truyền để lôi kéo quần chúng theo họ, rất bất lợi cho ông. Nói một cách cụ thể là lịch sử chưa tới giai đoạn chín muồi, nên ông còn gác lại để cho con là Tào Phi »...

D.— TÌM HIỂU CON NGƯỜI TÀO THÁO

TRƯỚC khi tìm hiểu con người Tào Tháo, điều trước tiên là chúng ta phải xét lại giá trị của cái sử quan thiên lệch biểu hiện nơi những lời lẽ chê bai nguyên rủa Tào Tháo (cũng như ca ngợi các nhân vật « chính thống ») mà các sử gia phong kiến đã viết cho chúng ta đọc ; mà

hiện nay có thể còn ghi đậm nét trong đầu óc chúng ta.

NHƯ đã nói ở trên, tất cả các tác giả Tam-Quốc-Chí phê bình gia cũng như tác giả các vở tuồng chèo cò, đều đã bị ý thức hệ phong kiến lung lạc, khi họ công nhân sai lạc rằng : Chỉ có Lưu Bị mới là chính thống, còn Ngưu (Tào-Tháo), Ngô (Tôn Ouyên), đều là tiếm quốc cả. Từ chỗ nhận thức sai lầm đó, dẫn tới sự sai lầm khi ghi chép sự việc cũng như phê bình, nhất là khi vận dụng quyền uy tư pháp trong việc viết và phê bình Tam Quốc Chí.

Nói rõ hơn, khi ghi chép về Lưu Bị và Khổng Minh những tác giả trên cố vận dụng những từ ngữ rất hay rất đẹp, trong khi chép về Tào Tháo người ta lại cố kiếm những chữ những lời lẽ xấu xa để bôi lọ Tào Tháo.

Có người cãi lại chúng tôi rằng : Người viết lịch sử là kẻ dùng văn tự để ghi chép sự việc, tốt hay xấu là do sự việc tự nói lên, người viết đâu có chịu trách nhiệm ?

Nói vậy còn có gì sai lầm hơn. Chúng ta thử lấy một thí dụ : Hai chị em bà Trưng khởi nghĩa đánh Tàu cứu nước, có phải là chính nghĩa không ? Ấy thế mà sử gia Tàu viết :

«*Rợ phương Nam Trưng Trắc làm phản loạn; vua sai Đại Tướng Mã Viện dẹp yên*» (Nam man Trưng Trắc bạo, đế sử Mã Viện bình chi).

Thử hỏi mấy ông viết sử người Tàu, ai là phản loạn ? Rõ ràng là sử quan của quân cướp nước !

Đề tả hình dung một Nguyễn-Thái-Học, ông Nhượng-Tống viết :

«*Mặt rộng trán võ, đôi mắt sáng quắt đầy cương nghị, biểu dương cho tinh thần anh dũng bất khuất cố hữu truyền thống của giống nòi Lạc Việt*».

Còn Marty trong cuốn «*Biện Pháp Chính Trị Đông Dương*» thì lại viết :

«*...Nét mặt lầm lỳ, trán gồ nhiều vết nhăn tiêu biểu một mẫu người cứng đầu và phạm thượng...*»

Ở đây ta chẳng cần nói là ai đúng ai sai mà chỉ cần nên biết rằng lập trường sử quan của người cầm bút viết sử nó chi phối rất nhiều vào các tác phẩm.

Thực phá được vấn đề rồi thì sẽ không quá tin vào những từ ngữ như là đa nghi xảo trá, quỷ qnyệt, gian hùng mà các tác giả Tam-Quốc-Chí đã gán cho họ Tào. Đồng thời cũng không quá tin những danh từ quá tốt đẹp như là văn võ toàn tài, tận thiện tận mỹ, tuyệt luân v.v... mà người ta đã dành cho Khòng-Minh, Luru-Bị và Quan-Công

Và sau đây đến lượt chúng ta tìm hiểu con người họ Tào, những ưu khuyết điểm của ông.

1. — ƯU ĐIỂM

CÒN nhớ vào khoảng năm 1926, hồi chúng tôi còn hoạt động chính trị ở hải ngoại (Tàu), một nhà tiền bối cách mạng Việt-Nam có nói :

«*Chúng ta hoạt động cách mạng chống Pháp, chỉ học lấy một bộ Tam Quốc chí cũng đã đủ rồi, và trong Tam Quốc cũng chỉ*

cần học kỹ hai nhân-vật là Khòng Minh và Tào Tháo ».

Lại trong bài đại luận nhan đề «*Độc Tam Chí Pháp*» của Mao Tôn Cương và Thánh Thán, hai ông cho rằng : Tam Quốc Chí là một trong bảy bộ sách hay nhất ở Trung Hoa. Đã chứng minh cho sự nhận định của mình, hai ông nêu lên rằng : vì Tam Quốc Chí có ba nhân vật là «*tam kỳ*», cũng gọi là «*tam tuyệt*» là :

Khòng Minh

Quan Vân Trường

Tào Tháo

Nêu lên như vậy rồi, hai tác giả đều dẫn chứng bằng việc làm cụ thể của 3 nhân vật

Nhưng tiếc rằng có lẽ đã vì sử quan phong kiến nên đã đem hai tác giả nhận thức sai lầm về Quan Vân Trường. Thiệt ra Quan Vân Trường chỉ là một nhân vật tầm thường về tài cũng như về đức, nhất là tác phong xử thế, không có gì đáng gọi là kỳ và tuyệt cả. (Vấn đề này chúng tôi đã trình bày trong bài «*Quan Vân Trường có xứng đáng là một vị thần đứng đầu võ miếu Việt Nam không?*») (1) Chúng tôi chỉ đồng ý với hai ông khi cho Khòng Minh và Tào Tháo là hai nhân vật kỳ và tuyệt.

VỀ Tào Tháo hai ông viết :

«*Tìm trong sử sách, thấy gian thần, quyền tướng cũng đầy như chông gai. Nhưng túc trí đa mưu để thu lấy nhân tài mà che mắt thiên hạ, thì không ai bằng Tào Tháo*».

Câu nhận xét trên đây của hai họ Mao, Kim vừa cũng là đúng mà vừa cũng là sai,

(1) Độc GTQM số 10

đúng ở chỗ hai ông nhận xét họ Tào là một người túc trí đa mưu, sai ở chỗ là hai ông lại nói «đề thu lấy nhân tài mà che mắt thiên hạ». Thu dụng được nhân tài, phải là người tri nhân. Tào Tháo quả có khả năng ấy. Nhưng bảo rằng thu dụng nhân tài để che mắt thiên hạ là nghĩa lý gì, vì việc thu dụng nhân tài có liên quan gì tới vấn đề che mắt thiên hạ đâu. Nhận xét như vậy là phản «luận lý».

Và hai ông nhận xét tiếp:

« Nghe lời Tuân Húc, khởi binh cần vương mà tự ví như Chu Văn Vương, thì «có vẻ» như Trung. Đánh phá Viên Thuật về tội tiếm đế hiệu, mà ngộ lời chỉ muốn làm Tào Hầu thì nghe «có vẻ thuận».

Theo ý kiến hai ông không thể tự ví được với Chu Văn Vương, và họ Tào là người bất trung bất thuận, cho nên hai ông mới dùng hai tiếng «có vẻ» đề lên trên (có vẻ trung, có vẻ thuận). Nhưng thực ra Chu Văn Vương là gì, nếu không phải là thần tử nhà Ân-Thương, bắt đầu từ đất Mân, đất Cảo tiến tới lập lên triều quốc «Chu»; sau khi thế lực mạnh rồi, mới dùng vũ lực quật ngã thiên tử nhà Ân để cướp giành thiên hạ, cũng như bao nhiêu vua chúa phong kiến khác đã quật ngã nhau trong lịch sử. Như vậy có gì mà họ Tào không thể so sánh được?

Biết nghe lời Tuân Húc, khởi nghĩa cần vương, tiêu trừ giặc Hoàng Cân và thanh toán Đông Trác. Biết gán cho Viên Thuật về tội tiếm đế hiệu, cũng như khi sự thành rồi chỉ xin làm một Tào Hầu, đều là những việc làm của một người biết làm chính trị, biết nghe lời, biết lợi dụng thời cơ, biết tranh thủ chính nghĩa về cho mình, đó là những việc làm đáng khen của họ Tào.

Hai ông lại viết:

« Không giết Trần Lâm vì yêu cái tài, thì tựa như có đức «Khoan»...

Tào Tháo không nở đang tay giết Trần Lâm là một nhân tài, vì tri nhân nên biết Trần Lâm là một nhân tài, vì có lòng khoan hồng cho nên mới tha thứ cho kẻ có tài đức ấy, đó là một thực trạng cụ thể, tại sao họ Mao và họ Kim lại dùng hai tiếng «tựa như» vào đó. Đã gọi là «tựa như» tức là không có thực chất rồi. Phải chăng đây là vì thành kiến đối với họ Tào, nên cố tình bẻ bai, xuyên tạc?

Khi đề cập tới vấn đề họ Tào đối xử với Quan Vân Trường, họ Mao và họ Kim viết:

« Tào Tháo không đuổi bắt Quan Công, để cho ông được toại ý nguyện, thì ra ve người biết trọng nghĩa»...

Đề cho vấn đề được sáng tỏ, chúng ta hãy ôn lại sự việc này.

Khi Quan Vân Trường bại trận, bị vây ở Thỏ Sơn, vấn đề mà họ Tào đặt ra lúc này là không bao giờ giết Quan Công, mà phải tìm đủ mọi cách đề dụ hàng và sau đó sẽ dùng hết cách để mua chuộc. Bèn sai Trương Liêu đóng vai thuyết khách Quan Công đưa ra 3 điều kiện:

1) Đầu hàng nhà Hán, chứ không phải đầu hàng Tào Tháo.

2) Khi nghe Lưu Bị ở đâu thì sẽ có quyền bỏ đi theo ngay.

3) Hai bà chị phải được cấp dưỡng bằng lộc và chỉ một mình ông có quyền săn sóc hầu hạ.

Ba điều kiện ấy được họ Tào chấp thuận hết, vì ông tin ở sự đối xử tài tình, khéo léo của ông sẽ mua chuộc được Quan Công

Và sau đó, ông đã thực hiện bằng những biện pháp, nào là biếu xích thố mã, nào là lên ngựa tặng một nén vàng, xuống ngựa đưa một nén bạc, ba ngày thiết một tiệc nhỏ, năm ngày thiết một tiệc lớn, nào dùng cách cho chị em ở chung đưng để đây Quan Công xuống bề sâu tình ái ; trong khi đó họ Tào cũng không quên đề cao cảnh giác, đặt 5 cửa quan 5 vị tướng canh chừng để đón bắt Quan Công trở lại nên ông này bỏ trốn đi.

Không ngờ kế hoạch của họ Tào bị Quan Công phá vỡ hoàn toàn, nghĩa là mua chuộc không được, cảm bấy tình ái không sa, dò được tin Lưu Bị lập tức bỏ chạy theo, phá vỡ cả 5 vọng gác (ngũ quan) chém đầu 6 người tướng gác cửa quan (phá ngũ quan trăm lỵ tướng).

Khi họ Tào được tin cấp báo như vậy, biết rằng toàn bộ kế hoạch của mình đã bị đối thủ phá vỡ hết. Cho nên việc cho người cỡi ngựa chạy theo đem giấy thông hành và tiền lộ phí, chỉ là một thủ đoạn vớt vát lại một phần nào về danh dự, để tỏ cho Quan Công cũng như thiên hạ biết mình là một người tín nghĩa giữ trọn lời hứa. Những việc làm của họ Tào như vậy vẫn không vô ích, vì sau đó Quan Công đã nghị lại ơn cũ mà tha chết cho ông ở Hoa Dung Tiều lộ.

Nói tóm lại, đây là một việc làm hoàn toàn có tính chất chính trị, chứ không có tính chất luân lý, như ý kiến họ Mao và họ Kim, khi dùng tiếng trọng nghĩa để nhận xét họ Tào.

QUA vài điểm vừa thán phục, nhưng cũng vừa chê bai họ Tào, đến đoạn hai ông Mao, Kim cũng phải khen

ngợi họ Tào như sau :

«Vương Đôn không dùng nổi Quách Phác, mà họ Tào dùng được kẻ sĩ này là họ Tào đã hơn».

«Hoàn Ôn không biết nổi Vương Mạnh mà họ Tào lại biết hơn, như vậy họ Tào là tri nhân».

«Lý Lâm Phủ tuy chế ngự được An Lộc Sơn, nhưng vẫn chưa bằng công họ Tào đánh rợ Ô Hoàn ở ngoài Viễn Ái».

«Hàn Tháo Trụ hủy biếm Tần Cối sau khi Cối đã chết, thiệt là thua xa họ Tào dám lập kế thanh toán Đồng Trác lúc sinh tiền.»

«Năm hết quyền bính quốc gia, nhưng vẫn giữ vua Hán trên ngôi thiên tử, để việc cải cách lại cho con là Tào Phi, như vậy là họ Tào đã hơn hẳn bọn Vương Mãng và Lưu Dự».

Chúng tôi rất lấy làm lạ rằng, tại sao hai ông đã bết công nhận và thán phục họ Tào, như vậy mà cuối cùng lại cứ gán ép cho họ Tào là một kẻ gian hùng. Có lẽ cũng không ngoài lý do quá lệ thuộc vào sự quan phong kiến.

a) Họ Tào quả là một chính trị gia lỗi lạc.

NÓI tới vấn đề chính trị, các nho gia thời xưa, cũng như mãi tới bây giờ người ta thường chia ra hai đường lối :

1. Vương đạo.
2. Bá đạo.

Wương đạo là gì ?

Theo nguyên nghĩa, vương tức là đạo

của tam vương, là Vũ-Vương nhà Hạ, Thang-Vương nhà Ân, Văn-Vương nhà Chu. Theo quan niệm của Nho giáo, thì đường lối chính trị của những ông vua này là đường lối chính, lấy nhân nghĩa đạo đức làm căn bản trị nước yên dân, không dùng quyền mưu kế thuật.

Bá đạo là gì ?

Bá đạo là đường lối chính trị của những ông vua làm bá chủ chư hầu, như các ông Tề-Hoàn-Công, Tấn-Văn-Công, Sở-Trang-Vương, Tần-Mục-Công v.v.. vào những triều đại xuân thu và chiến quốc. Đường lối chính trị lúc bấy giờ, người ta đã áp dụng rất nhiều về quyền mưu kế thuật.

Xuất phát từ điểm căn bản khác nhau giữa vương và bá đạo như vậy, những người nho giáo kết luận :

Vương đạo là tốt hơn hết, vì chỉ đi theo con đường chính đường thẳng, còn bá đạo thì lại hay dùng mưu kế, hay thủ đoạn chính trị, cho nên bá đạo là xấu hơn vương đạo.

Nhận định như vậy là các nho gia đã đem lịch sử tiến hóa nhân loại quay trở lại.

Thiệt ra thời đại tam vương lúc bấy giờ loài người đang còn cồ lậu, vương đạo chỉ là những hình thức trị nước còn thô sơ cồ lậu.

Tới thời xuân thu chiến quốc loài người đã tiến bộ lên nhiều, cho nên đường lối chính trị của ngũ bá không thể thực hiện như tam vương được. Đó là trạng thái tiến bộ chứ không phải giạt lùi.

Vì nhận định sai lầm như trên, cho nên người ta đã gán cho bá đạo một ý nghĩa rất xấu xa.

TỪ đó mà khi bàn tới việc đấu tranh chính trị và quân sự của họ Tào người ta đều gán cho tất cả là bá đạo, là mưu gian quỷ kế. Chứ thực ra họ Tào là một chính trị gia rất lỗi lạc của thời đại, thời đại cam go, nhiều đối thủ lợi hại trong 97 năm tam quốc.

b) Họ Tào là một người tri nhân.

TRONG cuộc sống con người, nhất là con người chính trị, vấn đề « tri nhân » (biết người) là tối quan trọng và cần thiết hơn hết. Lưu Bang Hán Cao Tổ nhờ tri nhân mà dùng được Trương Lương, Hàn Tín, Tiêu Hà, Trần Bình để đem đại sự tới thành công. Lưu Huyền Đức nhờ tri nhân mới dùng được Khổng Minh, Bàng Thống, Triệu Tử Long, Hoàng Trung để kháng hành với Ngô, Ngụy.

Nhưng tri nhân đâu phải là một việc dễ : Kinh Thương Thư nói : « Kẻ tri nhân là người minh triết » (Tri nhân viết minh triết). Lại nói : « Biết người tức là kẻ khôn ngoan tuyệt đời, nhưng ông thánh cũng phải nhận là khó » (Tri nhân tác triết, duy thánh kỳ nan).

Vậy họ Tào có phải là một người tri nhân không ? Xin thưa : Họ Tào quả là một người tri nhân. Vì có tri nhân, mới biết được Quan Vân Trường là người tốt, cho nên mới dụ hàng rồi cố công mua chuộc cho bằng được. Vì có tri nhân mới biết được Từ Thù là một mưu sĩ, nên đã dùng trăm phương, ngàn kế, dùng bà mẹ họ Từ làm con tin để kêu gọi họ Từ về giúp việc cho mình, cuối cùng tuy việc không thành như ý muốn của ông, nhưng ít ra cũng là cho đối phương Lưu Bị bớt đi một tay mưu sĩ lỗi lạc. Vì có tri nhân, cho

nên lúc Luru Bị đại bại, ba anh em chạy tan tác, phải về ở nhờ với ông, trong bữa tiệc ông hỏi họ Luru :

— « Theo ý ngài trong thiên hạ này ai là anh hùng nhất ? ».

Luru Bị đề xuất ra nhiều nhân vật, đều bị ông cho là không phải, cuối cùng ông chỉ vào Luru Bị rồi lại chỉ vào mình mà nói :

— « Anh hùng trong thiên hạ này chỉ có hai người, ấy là ngài và Tháo tôi ».

Mặc dù là một tay chính trị đại bợm kiêm lý cả công tác gián điệp là Luru-Huyền Đức khi đang ăn giả vờ làm rơi đĩa đồ đánh lạc hướng họ Tào, nhưng vẫn không đánh lừa nổi đâu.

Như vậy có phải là họ Tào đã biết rằng : Họ Luru không phải là một tay vừa, sẽ kháng hành giành thiên hạ với mình. Biết như vậy mà vẫn không tìm cách giết hại họ Luru một cách hèn nhát, cũng như khi biết Quan-Vân-Trường nhất định không chịu bỏ Luru-Bị theo mình mà cũng không tìm kế sát hại, điều ấy chứng tỏ rằng họ Tào quả là một người có phong độ quân tử, và các tác giả Tam Quốc cho ông là hẹp hòi tàn nhẫn thì quả là không đúng.

c) Họ Tào biết áp dụng chính trị giai đoạn

HIỆN nay người ta đang hiểu « chính trị giai đoạn » với một ý nghĩa sâu xa. Nhưng xét cho cùng, nhất là đối chiếu trong lịch sử chính trị cổ kim đông tây, những nhà chính trị lỗi lạc không ai là không áp dụng chính trị giai đoạn.

Ví dụ phe đồng minh, giữa giai đoạn hung hãn của Phát-Xít Hitler, đã tạm thời liên hiệp với Nga Sô để đánh Đức, sau đó lại trở lại lập trường chống Cộng.

Cũng chỉ để gây áp lực với phe đồng minh, cho nên Staline đã có giai đoạn ký hòa ước với Hitler. Và cũng vì không biết áp dụng chính trị giai đoạn cho nên Hitler trong lúc danh với Anh Mỹ đã vội xé hiệp ước với Nga rồi tấn công luôn cả Nga Sô cho nên đế quốc của nhà độc tài mới lâm cảnh sụp đổ tan tành.

Người biết áp dụng chính trị giai đoạn là người biết tùy cơ ứng biến, áp dụng công tác đúng với hoàn cảnh trong thời gian. Vì chính sách và đường lối của giai đoạn này không phải là chính sách và đường lối của một giai đoạn khác, dĩ vãng cũng như tương lai.

Vì biết áp dụng đúng giai đoạn, mà Trương Tử Phòng khuyên Luru Bang hãy vâng lệnh Hạng Võ cúi đầu vào Ba Thục, trong giai đoạn Sở Bá Vương đang mạnh Luru Bang đang yếu.

Vì biết áp dụng giai đoạn mà Khổng Minh mới dận Quan Vân Trường, Đông hòa Tôn Quyền, Bắc cự Tào Tháo. Và cũng vì không biết áp dụng chính trị giai đoạn, mà Quan Vân Trường trong khi phía Bắc đang phải đương đầu với Tào Tháo, mà phía Đông lại khai chiến với Đông Ngô (làm trái kế hoạch Khổng Minh đã dận) mới thất bại mà chết.

Vì biết áp dụng chính trị giai đoạn, mà Khổng Minh tạm dùng Ngụy Diên, một kẻ mà họ Khổng biết thế nào rồi cũng phản bội cho nên đã dự bị được kế trừ khử trước.

Nói tóm lại chính trị giai đoạn, là một việc tối cần thiết cho nên các chính trị và quân sự gia, trong đó có Tào Tháo đã triệt để áp dụng.

E. — Họ Tào là một nhà thơ

XU A nay mỗi khi viết về Tào Tháo, người ta thường chỉ nêu lên hai điểm :

- a) Chính nghiệp (Sự nghiệp chính trị).
- b) Quân nghiệp (Sự nghiệp quân sự).

Ít người bàn tới văn nghiệp (sự nghiệp văn chương) của ông ta.

Đây không phải là một bài tìm hiểu về văn chương của họ Tào. Chúng tôi nêu lên tiết mục « họ Tào là một nhà thơ » chỉ để chứng minh rằng tất cả những nhận xét xưa nay cho rằng họ Tào là một kẻ vũ phu, thô bạo, láo xược là những tính chất hoàn toàn trái ngược với một văn nghệ sĩ là không đúng.

Văn học sử Trung Hoa ghi nhận : thời đại Kiến An tức là niên hiệu Hán Hiến Đế (196-220) là một thời đại hỗn loạn tới cực độ, nhân dân chịu muôn phần cay đắng với bọn hôn quân cùng bè lũ tham quan ô lại. Sống trong tình trạng điêu linh ấy, văn nhân không còn đủ phương tiện để tạo tác văn chương. Tuy nhiên cũng không phải vì vậy mà thời đại Kiến An không có những tác giả và tác phẩm đáng kể. Đứng đầu văn trào ấy, theo văn học sử Trung Hoa, thì chính là ba cha con Tào Tháo (Tào phi, Tào thực).

Sau đây là hai kiệt tác của Tào Tháo, và cũng là hai kiệt tác trong văn học sử Trung Hoa.

Đoản Ca Hành :

- « Đối tửu dương ca
- « Nhân sinh kỷ hà
- « Thí như tiêu lộ
- « Khứ nhật khờ đa.

Tạm dịch

Một mình rót chén ngâm nga
Đời người hỏi được bao la tháng ngày
Khác gì mấy giọt sương mai
Hỏi ai, ai biết đắng cay nỗi lòng.

Bài Khổ Hàn Hành

Bắc thượng thái hành sơn
Nan tai hà nguy nguy
Dương trường ban khúc chuyết
Xa luân vị chi tồi
Thụ mộc hà tiêu sắt
Bắc phong thanh chính bi
Hùng bi đối ngạ tôn
Hồ báo hiệp lộ đề
Khê cốc thiều nhân dân
Tuyết lạc hà phi phi
Diêu canh trường thán tức
Viện hành đa sơ hoài
Ngã tâm hà phận uất
Ta dục nhất Đông quy
Thủy thâm kiêu lương tuyệt
Trường lộ chính bồi hồi.
Mê hoặc thất cố lộ
Mạc mô, vô túc lâu
Hành nhật dị viên
Nhân mạ đồng thời cơ
Đảm nang thành thủ tân
Phủ băng trì tác mế
Bi bi đông sơn thi
Du du linh nga ai

Tạm dịch

Phía bắc Thái hành sơn
Vòi vọi lên gian nan
Đường ruột dê uốn khúc
Làm bánh xe vỡ tan
Cây cối sao hiu hắt
Gió bắc rít trên ngàn
Gấu ngồi xồm ngó khách
Hồ bên đường gầm vang
Tuyết rơi sao phơi phơi
Hang hốc ít nhân dân
Đi xa dạ bụi ngùi
Lòng ta sao buồn bực
Về Đông mong tới ngày
Nước sâu cầu lại gầy
Giữa đường đã bồi hồi
Mê hoặc quên đường cũ
Tối mịt trọ nhà ai
Đi ngoài bao ngày tháng
Đói cả ngựa lẫn người
Quả giỏ đi kiếm củi
Lấy giá đề thời còm
Dặng dặc một nỗi buồn.

Theo Bác Sĩ Hồ Thích trong Trung Quốc Văn Học Sử khảo, họ Tào không những là một nhà thơ tả chân mà còn là một nhà thơ lãng mạn. Một nhà thơ có tâm hồn như thế, không thể đồng thời là một người cục xúc như trong Tam Quốc Chí.

2. — NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM CỦA HỌ TÀO

a) Từ cảnh giác tới đa nghi.

HỌ Tào thường bị người ta chê bai là một người đa nghi, điều đó

không phải không đúng. Nhưng nếu đào sâu vào vấn đề thì ta sẽ thấy rằng: trong một thời đại hết sức phức tạp, phải đương đầu với bao nhiêu đối thủ cao tay lỗi lạc như Khổng Minh, Chu Du, Mã Siêu và còn nhiều kẻ khác, nếu muốn khỏi sa vào cạm bẫy đối phương, tất nhiên họ Tào — cũng như mọi chính trị gia khác trong trường hợp đó phải triệt để đề cao cảnh giác.

Mà cảnh giác tính với đa nghi tính thì lại là một cảnh giác tính áp dụng không đúng mức, nó biến thành đa nghi. Điểm khác không phải ở bản chất, mà chỉ ở trình độ: nếu đối thủ biết lợi dụng, khai thác đa nghi tính của mình, thì lại càng nguy hiểm lắm.

Cho nên đối với họ Tào ta không nên chê trách ông ta là đa nghi, không đa nghi sao được, mà chỉ nên cười ông ta là đã sử dụng cảnh giác tính không đúng lúc, đúng nơi, cho nên đời chính trị quân sự của ông ta xảy ra bao nhiêu điều sai lầm tai hại

Ví dụ: Vì áp dụng cảnh giác tính không đúng mức mà họ Tào đã giết oan cả nhà Lã Bá Xa, người có hảo ý đối với mình. Vì cảnh giác tính áp dụng không đúng chỗ mà ông đã bị Chu Du khai thác, dễ rồi ông đã giết mất Thái Mạo và Trương Doãn, hai thủy sư Đô Đốc, dẫn tới trận thủy chiến đại bại tại Xích Bích.

B. — VÌ QUÁ NÓNG NÀY NÊN DÃ DẪN TỚI NHỮNG HÀNH ĐỘNG TÀN NHÂN

TA không nên quá nghiêm khắc lên án họ Tào về những hành động giết Phục Hoàng Hậu, Đổng Thừa, Y sĩ Cát Bình và bao nhiêu người khác, khi bọn này bày

muu thiết kế thanh toán ông song rui là cơ muu bại lộ. Vì đó âu chỉ là một lẽ tất nhiên của trường tranh đấu : kiến ăn cá thì cá ăn kiến. Đó là quy luật đấu tranh. Và khi những đối thủ của họ Tào — cũng như tất cả những người khác — dẫn bước vào vòng tranh đấu, là họ đã mặc nhiên chấp nhận quy luật nọ rồi.

Vậy, trong trường hợp này, chỉ đáng trách là họ Tào đã thiếu phần nào lượng khoan dung, chứ không thể lên án hành động của ông là phản đạo lý chẳng hạn.

KẾT LUẬN

Qua những sự việc như đã trình bày

trên, ta thấy rằng : Tào Tháo là một người túc trí đa mưu, lại có những nét đặc biệt hơn những nhân vật khác ; nếu có một vài khuyết điểm, thì cũng chỉ là một điều đương nhiên của luật tương đối : nhân vô thập toàn

VÀ cũng chính vì «vô thập toàn» như thế, cho nên, trước mắt chúng ta, họ Tào mới hiện ra như một nhân vật «người» hơn cả trong lòng Tam Tuyệt, bởi vì nhị Tuyệt kia — Khổng Minh và Quan Công — thì, do sự tô sòn thép vàng quá mức của những sử gia phong kiến, đã mất đi khá nhiều chất người rồi.

Những giáo chức, phụ huynh hằng tha thiết với chuyên hướng mới của nền giáo dục, không thể không đọc :

GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG

của VƯƠNG PÈN LIÊM

Do LÁ BỐI phát hành vào cuối tháng 6-1966.

trần nhật nguyệt

TRONG ĐÊM TỐI

CÓ một truyện ngắn nước ngoài, chỉ đọc một lần và đọc đã lâu nhưng tôi nhớ mãi nội dung.

Chuyện xảy ra trên một chuyến xe lửa chạy trong cảnh tối đen vì không có điện. Hành khách vì thế lên tiếng phàn nàn, tỏ thái độ bức bối. Thái độ bức bối của hành khách được bày tỏ một cách bình thường cho đến khi xuất hiện vai trò một người mù thì bắt đầu bùng lên sôi nổi dữ dội.

Người hành khách mù khi nghe những lời chung quanh nói «chuyến tàu tối đen, không có đèn điện» thì lên tiếng hỏi: «Thật vậy sao? Không có ánh sáng à? Tối lắm sao?»

Người hành khách mù lên tiếng hỏi như thế bằng tất cả nỗi giận, và tiếp đó la lên rằng: «Thật là người ta coi thường dân chúng, dân chúng đóng thuế đều mà! Điện không có quyền tắt như thế này.»

Kể từ phút này, chuyến tàu chạy trong sự phẫn nộ lớn lao của hành khách, sự phẫn nộ tưởng như có thể làm cho chuyến tàu bay ra khỏi đường sắt.

TẤT cả dân chúng trong vùng khi hay biết về chuyến tàu nổi loạn này đều

xúc động và thấy rõ sự lên tiếng của người hành khách mù thật cao quý, lớn lao.

Ánh sáng người hành khách mù đâu cần dùng, nhưng người hành khách mù quá rõ là mọi người cần ánh sáng. Đây mới thật là một trường hợp vì quyền lợi chung mà đòi hỏi, vì lẽ phải mà kêu đòi.

Mọi người đều biết rằng dù đèn điện có sáng choang trên chuyến tàu thì người hành khách mù vẫn chỉ thấy toàn một màu đen, nhưng chẳng phải vì thế mà ông ta không phản kháng trước sự tối tăm.

Bởi vì ông ta đã hiểu rằng cảnh tối tăm là không thể chấp nhận. Hơn ai cả ông đã hiểu cảnh tối tăm rùng rợn như thế nào, và ông không muốn những người chung quanh phải chịu cảnh tối tăm.

Dân chúng đóng thuế đều, và như vậy, nếu xe lửa tối om, nếu đường sá chẳng ra gì, nếu trường học thiếu ghế thiếu bàn, nếu công viên đầy rác rưởi... thì dân chúng có quyền nói lớn lên là mình bị thiệt thòi, mình bị mất cấp.

Trở lại với người hành khách mù trên chuyến xe lửa phẫn nộ.

Thật vô cùng xúc động sự đòi hỏi ánh sáng của người hành khách mù. Đó là một

Sự đòi hỏi rất đẹp đẽ, rất lớn lao. Đó là một sự đòi hỏi một sự đấu tranh cho quyền lợi chung, cho tập thể xã hội.

Nếu là một người ích kỷ, chỉ biết lo nghĩ cho thân mình thì người hành khách mù này sẽ chẳng mấy may bán khoán khi biết là chuyến tàu hoàn toàn tối đen. Nếu là một người ích kỷ chỉ biết lo nghĩ cho riêng thân mình, người hành khách mù sẽ chẳng nói lên một lời nào trong trường hợp này, và có lẽ ông ta sẽ nghĩ: « Như thế càng hay, đèn có hay không có thì cũng vậy thôi. Có, thì ta cũng vẫn chẳng thấy gì. »

Nếu ông ta ích kỷ nặng nề hơn nữa, có thể là ông ta sẽ lên tiếng, không phải để phản nộ về chuyện « người ta xem thường dân chúng » mà là lên tiếng để phàn nàn về sự náo động mà những kẻ chung quanh đã gây nên khi đòi hỏi ánh sáng.

TÔI nghĩ là lịch sử loài người, hay nói hẹp hơn, lịch sử một dân tộc sẽ chẳng có gì lớn lao nếu như mọi người đều sống vị kỷ, chỉ có biết đòi hỏi những điều cho riêng rẽ cá nhân mình.

Thật là một điều đầy phẫn khởi là: những người như người hành khách mù đòi hỏi ánh sáng trên chuyến xe lửa tối đen không phải là hiếm có trong đời sống chúng ta.

Ánh sáng, người hành khách mù không cần dùng, nhưng sự cần dùng ánh sáng của những người chung quanh là cấp thiết và sự phản nộ của những lũ chung quanh trước những cảnh tối đen là hữu lý, do đó sự đòi hỏi ánh sáng là sự đòi hỏi của lẽ phải, rất nhân sinh, và người hành khách mù đi tiếp sức tham gia vào sự đòi hỏi đó sẽ mang một tình yêu lớn đối với đời sống của mọi người.

Một con người xứng đáng mang danh nghĩa con người không thể quay mặt lại và thờ ơ lãnh đạm đối với những đòi hỏi của lẽ phải, những đòi hỏi rất nhân sinh mà chung quanh cho. Vang lên.

Tôi nghĩ rằng người hành khách mù trên chuyến xe lửa phẫn nộ khi tiếp sức tham gia vào sự đòi hỏi ánh sáng đã đưa mình ra khỏi sự cô độc để hòa mình vào trong đám đông tung bừng ấm áp. Và như thế, không có gì dễ chịu, sung sướng hơn.

CÂU chuyện chuyến tàu phẫn nộ còn mang một ý nghĩa lớn khác nữa.

Người hành khách mù đã giận dữ mạnh mẽ hơn ai hết trước cảnh tối tăm là vì ông là người chịu đau khổ bởi cảnh tối tăm hơn ai hết.

Chịu đau khổ vì cảnh tối tăm thường trực, ông đã cho bùng lên một cách dữ dội ngọn lửa phẫn nộ thường vẫn cháy âm thầm trong tấm lòng khao khát ánh sáng.

Điều đó cắt nghĩa một cách rất sâu sắc tinh thần cách mạng của những dân tộc bị áp bức đến tận cùng, điều đó cắt nghĩa sự giác ngộ quyền lợi của những người mà đời sống vật chất và tinh thần bị xem thường và chà đạp đến một mức kinh khủng không thể nào chịu đựng được hơn nữa.

Chuyến tàu phẫn nộ và người hành khách mù lớn tiếng phản kháng bóng tối, tôi nghĩ trước hết đây là hình ảnh đất nước và con người Việt Nam chúng ta..

Chuyến tàu phẫn nộ đã chạy trong sự náo động, sự phản kháng của tất cả hành khách đòi hỏi ánh sáng — nghĩa là đòi hỏi mọi quyền lợi, mọi giá trị, nhất là nhân phẩm — làm cho đêm đen phải lùi.

TU HỒNG

trên đường vào Ba Thục

TRÊN con đường vào Ba Thục, từ Kim Lăng nối liền Phở Tử là một con đường núi, với một độ dài chừng 150 cây số. Hai bên đường không một cây lớn, chỉ toàn cây nhỏ lơ thơ, có đoạn lại là núi trọi, rải rác một vài tùm cây múa, mọc hay cỏ may hoang dại. Đứng giữa đường mà kêu to lên một tiếng, thì trong chốc lát người kêu to chỉ có thể nhận được tiếng dội vì âm thanh bị ngăn chặn lại giữa các ngọn đồi. Nếu người ta còn ở trên đồi hay còn đi trên đoạn đường phẳng thì chỉ cảm thấy một sự rùng mình ghè rợn vì tiếng kêu của họ tan trong hơi gió, chạy dài rồi mất tăm vào khoảng không gian mênh mông bát ngát..., nhất là những buổi hoàng hôn mặt trời vừa khuất sau các ngọn đồi, hay những hôm trời mưa phùn, gió lạnh. Cảm giác này đã được nhiều người có dịp đi qua đoạn đường này ghi lại bằng câu «Chỉ có trời, đất

và mình ».

Vì nếu ai có cảm thấy đơn độc, một thứ đơn độc rùng rợn vì nguy hiểm mà nhìn quanh đó đây để mong tìm thấy một bóng người..... cứu viện, nếu có khi tai biến xảy ra, thì quả là vô vọng, vì trên đầu họ, xung quanh họ, chỉ có bức màn xanh khổng lồ bao phủ lên một vùng đồi núi.

MỘT đại thương gia ở Thị trấn Kim Lăng tên là Trần Kiều Phong, đã làm giàu được bằng sự mạo hiểm dám chở hàng hóa từ Kim Lăng tới bán tại Phở Tử bằng xe song mã. Người bạn có xe mà ông thường mượn tên là Trầm thương Phúc, đã làm nghề vận tải với chủ thương Phong trong bao nhiêu năm cả khứ lẫn hồi. Nghĩa là cất hàng từ Kim Lăng chở tới bán tại Phở Tử, rồi lại cất hàng từ Phở Tử chở về bán tại Kim Lăng.

Bao năm qua, với sự mạo hiểm của chủ thợ Phong và Phúc đã đem thương gia Phong từ một lái buôn xách tâm thường lên tới địa vị một đại thương gia ở thị trấn Kim Lăng. Riêng Phúc chỉ là một gia đình lao động bần hàn, anh và vợ con chỉ sống bằng mồ hôi nước mắt của anh và hai con ngựa, lắm khi anh vẫn tự đặt ra những câu hỏi để rồi không sao trả lời được.

Tại sao anh và Phong cả hai đưa chịu xông pha nguy hiểm, nếu có bị kẻ cướp chặn đường, thì Phong chết đã đành mà anh cũng có thoát được đâu? Thế thì tại sao hậu quả Phong như thế, mà anh lại như kia? Chờ chi anh có một số vốn thì anh có kém gì Phong.

Từ ý niệm uất ức bất bình đối với chủ dẫn Phúc tới một ác ý là nhè vào một chuyến hàng quý giá nào đó, Phúc sẽ giết chủ giữa đường để sanh đoạt cả một xe hàng.

THÌ nay cơ hội đã đến. Lần ấy, từ Kim Lăng đi, Phong chở cả một chuyến hàng đầy gấm vóc, tơ lụa.

Khi xe song mã vừa tới đoạn đường hẻo lánh nói trên, thì Phúc nhảy xuống xe rút dao găm ra. Nhà đại thương Trần Kiều Phong rất đỗi ngạc nhiên về thái độ của người xa phu tin cậy :

— Anh làm gì vậy ? Anh Phúc ?

Phúc đôi mắt lăm lăm, nhìn vào chủ hàn học, nói :

— Bao năm tôi chở thuê hàng cho ông, sự xông pha, mạo hiểm như nhau nếu có bị kẻ cướp giết thì đều chết cả tại sao bây giờ thì ông như thế, mà

tôi lại như vậy ? Phải chăng là số tiền vốn đầu tiên, đã làm công cụ cho ông bóc lột tôi, mới nên nông nổi.

Tôi nói để ông biết, giờ phút này tôi sẽ giết ông, để cướp lại chuyến hàng quý giá này, trong đó có cả nước mắt mồ hôi của tôi nữa, bao năm qua đã bị ông bóc lột. Dứt lời, Phúc giơ dao lên, thi hành thủ đoạn giết người.

Lanh trí, Phong nói :

— Thì anh giết tôi cũng được, không sao, vợ con tôi cũng đã có nhiều tài sản để nuôi sống được rồi. Nhưng có một điều là bây giờ tôi khát nước lắm anh hãy chịu khó xuống dưới chân núi tìm có con khe nào múc hộ cho tôi một bát nước để uống, để dù có chết đi cũng khỏi làm con ma chết khát, tội nghiệp.

Phong dụng ý làm giầy đưa cái chết ra như vậy, họa may gặp được một bọn người qua đường nào cứu thoát chẳng, mặc dù Phong thừa biết, hy vọng của mình rất mong manh.

Riêng Phúc, anh cũng tin chắc rằng trên con đường này, chưa dễ gì gặp được người qua lại. Hơn thế, anh đang tay giết Phong, chỉ vì lương tâm đồng tiền làm đen tối, chứ đứng trước cái chết thảm bại của người chủ cũ, anh không khỏi mũi lòng thương hại. Nghĩ vậy, cho nên sau khi lấy giầy thừng chới chặt Phong vào cang xe, anh xách gầu chạy xuống.

KHÌ Phúc vừa khuất dạng thì một vị Hòa Thượng chống « pháp,

trượng » đi tới. Phong trông thấy hết sức mừng rồi la lên kêu cứu. Vị Hòa Thượng thủng thỉnh tới gần.

Sau khi nghe Phong trình bày hết câu chuyện đầu đuôi, Hòa Thượng bằng một giọng trầm trầm :

— Mô phật ! Nhưng không thể cứu được anh ! Vì anh đã phạm tội giết người.

Phong cãi lại :

— Tôi có giết người bao giờ đâu ! Tôi chỉ là một người buôn bán làm ăn lương thiện.

— Mô Phật ! Không phải kiếp này anh đã giết người, mà anh đã giết từ kiếp trước, và con người sắp giết bây giờ lại cũng là con người mà kiếp trước anh đã giết họ nơi này.

Nếu không tin anh trông lấy đây.

Nói xong, vị Hòa Thượng thọc cây « pháp trượng » xuống đất sâu, nạy hẳn lên một con dao găm đã cũ nhưng vẫn còn rỉ máu, rồi nói :

— Mô Phật ! cây dao mà kiếp trước anh đã giết người là đây !

Vừa lúc đó thì Phúc cũng từ dưới khe bung nước lên, anh rất đỗi ngạc nhiên ngơ ngác.

Sau khi nghe rõ câu chuyện đầu đuôi, anh liền cởi trời cho Phong. Cả hai người cùng cúi đầu lạy :

— Nam mô a di đà Phật. Lạy đức Hòa Thượng, vậy Ngài có thể tìm cho cả hai chúng con một con đường thoát chăng ?

Vị Hòa Thượng hiền từ đáp : Được chứ !

Đoạn, sau khi cho cả hai tội nhân, một dĩ vãng một hiện tại hiểu những nét đại cương về Phật Pháp, Ngài kết luận :

— Mặc dù có nguyên lý « luân hồi » và « nhân quả » nhưng trong phép nhà Phật cũng còn có con đường « ác báo mà thiện giải » được.

Cả hai kẻ có tội hấp tấp hỏi :

— Vậy ngài có thể cứu độ được hai chúng tôi chăng ?

— Được lắm. Chủ trương của nhà Phật là tôn trọng công bình, thương yêu nhau mà sống, không bao giờ cạnh tranh nhau để sống; cộng đồng để sinh tồn, chớ không cạnh tranh để sinh tồn.

Nghĩ một phút, Ngài lại tiếp :

— Hai anh, bao nhiêu năm sống bên nhau, kẻ có công đồng người có của, nếu là một xã hội công bình, thì sự hưởng thụ phải được ngang nhau.

Ngài Hòa Thượng nói tới đó, thì Phong đưa tay lên xin nói :

— Vậy bây giờ con xin về nhà đưa gia tài chia càn lại cho anh Phúc có được chăng ?

Phúc vội vàng cướp lời :

— Chia hay không tùy ý anh, còn tôi, tôi không thể nhúng tay vào tội ác, để rồi mang cái nghiệp chướng như anh đã làm ở kiếp trước.

Thế rồi một cuộc suy nhượng giữa

hai người đã diễn ra trước mặt Hòa Thượng. Cuối cùng, Ngài mới nói :

— Ý nguyện của anh Phong rất đúng nếu hai anh trở về nhà thực hiện được thế, thì cái nghiệp chướng của cả hai người đã được «ác báo mà thiện giải» rồi.

Trong khi cả hai người cúi đầu lạy tạ đức Hòa Thượng thì một trận cuồng phong từ phía trời tây thổi tới, lời cuốn cả vị Hòa Thượng lên cao, rồi

biến mất trên không gian. Cả hai người chỉ biết phục đầu bái tạ.

SAU khi bán hết chuyển hàng ấy trở về nhà, việc làm đầu tiên của Trần Kiều Phong là bỏ tiền ra xây dựng một ngôi chùa, gọi là «Thiện Giải Tự», và đem gia tài sản nghiệp chia càn lại cho vợ con gia đình Trầm Thường Phúc để sinh sống. Rồi cả hai cùng thế phát đi tu, quyết chí vượt ra ngoài «guồng máy» ác nghiệt của cuộc đời.

— NGƯỜI MIỀN NAM ĐỌC NHẬT BÁO

MIỀN NAM

— Ở MIỀN NAM ĐỌC NHẬT BÁO

MIỀN NAM

— YÊU MIỀN NAM ĐỌC NHẬT BÁO

MIỀN NAM

chín

CÔNG QUẢ

CHƯA bao giờ tôi thấy nét mặt Ân sáng sủa như chiều nay. Trong bữa cơm, sau khi đã đào hố ủ phân cho một nhà nông dân trong xóm về, cậu con trai mười chín tuổi ấy ngồi thõ thễ với tôi như là một cô em gái : « Cô bác thắc mắc nhiều chuyện lắm chị, nếu không trả lời cho xong thì họ chẳng chịu cho mình làm chi cả ». Tôi hỏi : « Họ thắc mắc sao em ? ». Ân ngồi duỗi chân trên thảm cỏ xanh ri, mình em cúi từ từ ra trước rồi nghiêng nhẹ về phía sau, đong đưa, đều đặn. Em vừa nhai cơm trong chiếc đĩa có đủ phần thức ăn của mỗi trại sinh vừa thuật rất tự nhiên : « Bác đó hỏi em vậy chớ làm việc như em thì lương bao nhiêu một tháng ? Em thưa là chúng em làm công không chẳng có tiền. Giải thích thế nào bác cũng không hiểu được vì sao có người lại bỏ công đi làm việc cho thiên hạ mà chẳng có lương. Em mới hỏi bác như thế này : « Thưa bác, bác có nghe nói về những người đến chùa công quả chưa ? Bác gục gặc đầu

tỏ vẻ hiểu biết : « Biết rồi, sao nữa cháu » Ân ngược lên nghiêng nghiêng gương mặt mười chín tuổi rần rỏ nhưng dịu dàng của em, nói với tôi mà như nói với bác Ba : « Em trả lời là, thì tui con cũng đi công quả đó thưa bác. Ngày xưa ai cúng Phật thì vào chùa quét tước dọn dẹp nấu nướng cho các sư. Ngày nay chúng con nghĩ rằng trong khi đất nước mình điêu đứng, thì Phật không ngồi trong chùa nữa. Đức Phật đến những nơi nào tôi lắm khổ cực nhất. Hôm nay chúng con đèn đậy học tập quét tước dọn dẹp, ban bạc và làm giúp bác ít công việc để sau này có thể về những nơi xa xôi cơ cực hơn để làm công quả cho đồng bào. Mỗi nhà cô bác chúng con xem như một ngôi chùa và con muốn thương Phật thì con phải thương cô bác của con cực khổ nơi làng mạc xa xôi trước đã ».

ÁNH nắng chiều nghiêng nghiêng trên tóc, trên áo em. Chưa bao giờ tôi thấy ánh mắt Ân ngời sáng và trong trẻo như vậy. Có cái gì không bé nhỏ trong câu nói của cậu con trai ấy. Đi về làm việc với cô bác trong làng hai năm nay chưa lần nào tôi biết nghĩ như Ân nghĩ. « Mỗi nhà người dân nghèo khổ là một ngôi chùa mà mình cần đến công quả và hãy thương những đồng bào cơ hàn như là thương đức Phật ». Ý nghĩ thật tầm thường nhưng nó làm tôi rung động vì tôi đã ghép câu nói ấy vào cùng với hình ảnh các em, trai cũng như gái, lăn xả xuống bùn, vét ao xây một hồ nuôi cá theo phương pháp khoa học mà em đã học được ở trường, hình ảnh những người tăng ni hy sinh đi đào hố ủ phân chuồng cho đồng bào trong xóm, vừa trồng vừa chỉ cho dân làng cách trồng cây ăn trái, dạy dỗ cho con em họ học hành.

Hôm qua tôi về làng làm mô bó rơm

ủ nấm theo phương pháp mới. Trời trưa nắng chang chang. Thấy chúng tôi dang nắng suốt mấy tiếng đồng hồ bác Tư gọi vào nhà cho uống nước và hỏi: « Cháu làm như vậy thì được bao nhiêu lương? » Tôi lễ phép thưa: « Thưa bác vì chúng con chưa ra trường nên mỗi ngày chúng con được trường cho năm đồng uống nước. Cơm thì trường cũng lo tiền ăn. Những thứ tiền cơm nước này do cô bác khắp nơi về tặng cho trường. Bởi vì cô bác biết rằng chúng con đang đi làm công quả nơi nhà đồng bào miền quê cơ cực.

BÁC Tư bâng khuâng nói với chúng tôi mà như tự nói cho chính mình: « Cha! (tiếng này bác nói thật nhỏ như tiếng than) Hôm trước chú Trí về có mấy ngày rồi nay chú bị đòi đi làng khác mà tôi còn nhớ và nhắc chú nhiều. Rồi đây mấy cháu ở lại lâu làm việc như vậy lỡ khi đi làng khác thì tui nhớ tui biết đề đâu cho hết! »

GIỮ' THO'M QUÊ ME

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ  LÁ BỐI XUẤT BẢN

Thư từ, bài vở,

ấn phẩm gửi về:

TRỤ VŨ

Bưu phiếu xin đề:

Cô CAO NGỌC THANH

702178, Phan thanh Giản — Saigon

vương pên liêm

GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG

và

xã hội giáo dục

HÌNH như gần đây có một số người tỏ vẻ nghi ngờ việc đem áp dụng đường lối Giáo dục Cộng đồng vào học đường tiểu học. Họ cho rằng Giáo dục Cộng đồng có khuynh hướng xã hội tính hơn là cá nhân tính mà đúng ra là phải cá tính hóa nền học.

Chúng tôi đã từng xác định nhiều lần quan niệm về Giáo dục Cộng đồng. Trên lý thuyết, người ta có vô số danh từ theo chiều hướng Giáo dục Cộng đồng: Giáo dục căn bản, Giáo dục tráng niên, Giáo dục xã hội, Giáo dục thường xuyên, Giáo dục bổ túc v.v... Chính *Giáo dục căn bản* là đường lối nguyên thủy làm phát sinh đường lối Giáo dục Cộng đồng tại Việt Nam. Giáo dục căn bản (Education de base) chỉ là một *chương trình hoạt động xã hội* của cơ quan văn hóa Quốc tế UNESCO nhằm chống lại ba

thứ giặc Dốt nát, Nghèo đói và Bệnh tật tại những quốc gia chậm tiến đồng thời giúp các dân tộc kém mở mang cải thiện điều kiện sinh hoạt về vật chất lẫn tinh thần, thích nghi hóa con người với đời sống kim thời, tiến bộ. Nhưng đến khi áp dụng, mỗi chính phủ lại đặt ra nhiều danh từ để ám chỉ chương trình đó hoặc địa phương hóa nó đi tùy theo hoàn cảnh và điều kiện nhân sinh. Cho nên chúng ta không thể đem Giáo dục căn bản để mô tả cho đường lối giáo dục của bất cứ một quốc gia nào, dù là quốc gia hội viên Unesco.

Theo tinh thần vừa nói, Giáo dục cộng đồng không phải là khuôn đúc hay con đẻ của Giáo dục căn bản được mặc dù có người ca tụng và cũng có người chỉ trích quá đáng đường lối sau này. Đối với đường lối Giáo dục Cộng

đồng hiện nay, người ta có thể nhận định tổng quát theo hai khuynh hướng: *Khuynh hướng ngoài học đường (xã hội)* và *khuynh hướng trong học đường (Học đường)*. Dĩ nhiên mỗi khuynh hướng có một đường lối riêng. Tuy nhiên về đường lối thứ nhất người ta có thể áp dụng riêng rẽ được. Còn muốn áp dụng đường lối thứ hai đơn độc trong học đường thì không thích hợp với quan niệm mới về giáo dục nữa. Vì lẽ các nhà giáo dục và sư phạm quan niệm rằng xã hội ngày càng phát triển thì học đường không thể nào ngày càng đứng yên sống cô lập, cách biệt với thế giới bên ngoài được. Đứa trẻ được hưởng dân phát triển toàn diện trong cả hai cộng đồng: cộng đồng lớp học và cộng đồng gia đình. Và lại, cộng đồng trường học nằm trong cộng đồng địa phương, xã hội.

Để có một nhận định đúng đắn thêm về Giáo Dục Cộng Đồng, chúng tôi xin đem nó so sánh với Xã hội giáo dục vì Xã hội giáo dục ngày nay được người ta gắn liền với Giáo dục học đường.

A. — ĐỊNH NGHĨA :

Giáo Dục chỉ một hành động có tính các giáo dưỡng.

Giáo dục tức là phát động, kêu gọi đến cái động lực thiên sinh của con người, để rồi hướng dẫn nó cho thích hợp theo tình thế xã hội. (1)

Cộng Đồng về định nghĩa về phương diện phát triển trẻ con hơn trong lãnh vực xã hội. Một « cộng đồng trẻ con » được xem như là một phần lãnh vực chung quanh của đứa trẻ mà nó có

thể quan sát tìm hiểu tùy ý. Đối với trẻ lên năm, thật ra đây là một vùng trời đất bao bọc nhỏ hẹp như cái nhà hay chỉ là cái sân. Tuy nhiên ngày càng lớn lên, nó có thể sử dụng phương tiện chuyên chở công cộng, vì thế mà « cộng đồng của nó » bành trướng ra một vùng rộng lớn hơn kéo dài tận chân trời. Biên giới của cộng đồng do đó rộng hay hẹp tùy theo sự hiểu biết và kinh nghiệm của trẻ con. Sự thêu dệt về hình thái cộng đồng khi giảng dạy trẻ thơ cũng nguy hiểm không khác gì sự hạn chế vô trách nhiệm khi giảng dạy trẻ con lớn hơn. (theo R.C Preston trong cuốn *Teaching Social Studies in the Elementary School*).

Xa hơn nữa, Cộng đồng là một vùng địa lý gồm những người cùng sống chung trong một liên hoạt xã hội, và có một hay nhiều mối liên hệ chung

Như vậy, về danh từ, Giáo dục cộng đồng là đường lối hay hoạt vụ giáo dục nhằm phát triển và cải tiến con người hay nhóm người trong một lãnh vực địa lý giới hạn nhỏ hẹp như lớp học, trường học; rộng lớn như xã thôn, tỉnh, quốc gia... Nói đúng hơn, Giáo dục cộng đồng là một đường lối giáo dục linh hoạt nhằm mang đến cho mọi người, trẻ con lẫn người lớn, những kiến thức tùy mức độ về giáo dục, xã hội, kinh tế và đồng thời giúp đỡ họ ý thức, giải quyết lấy những nhu cầu hàng ngày của mình để nâng cao điều kiện sinh hoạt và cải tiến địa phương (cộng đồng).

(1) *Sư phạm lý thuyết của ông Trần Văn Quế trang 98.*

Xã hội giáo dục là môn học thực nghiệm nghiên cứu về sự liên quan giữa công cuộc giáo dục với hoàn cảnh xung quanh của lứa trẻ là gia đình, luân lý, phong tục tín ngưỡng và các vấn đề xã hội, giai cấp, thành phần... Xã hội giáo dục còn là phương thức áp dụng công việc giáo dục trong học đường theo khung cảnh xã hội, làm phát triển toàn diện lứa trẻ, tìm cách tạo mọi cơ hội học tập đồng đều cho trẻ con, dù là trẻ con thuộc giai tầng nào ở thành thị hay nông thôn.

Xã hội giáo dục đã đưa công trình giảng dạy ra khỏi bốn bức tường nhỏ hẹp, hòa đồng vào đời sống xã hội, hơn nữa biết lấy hoàn cảnh xã hội lồng vào hoàn cảnh lớp học. Xã hội giáo dục còn cung cấp những hiểu biết thực sự về xã hội cho lứa trẻ. Đó là môn *kiến thức xã hội* (Social Studies) : Đức dục, công dân giáo dục, sử ký, địa lý kết hợp lại mà người ta đã quan trọng hóa tại các học đường mới.

B — MỤC TIÊU :

a) Mục tiêu của giáo dục cộng đồng :

Đối tượng của Giáo dục Cộng đồng là Trẻ con và Quần chúng, đặt trên nền tảng Học đường và Địa phương.

Trong học đường, trẻ con được hướng dẫn học tập tự do và dân chủ bằng những bài học thực tiễn, cụ thể do chúng làm ra hay sưu tầm lấy. Các bài học ấy thuộc đủ bộ môn được diễn đạt liên quan đến nhu cầu bản sinh. Nhu cầu của trẻ con không cố định và giới hạn. Tùy theo hoàn cảnh địa phương, tùy theo biến cố chung quanh xảy ra ảnh hưởng đến lứa trẻ, tự

nhiên chừng ấy chúng có phản ứng vừa nội tại vừa ngoại tại, tạo nên một thứ nhu cầu cấp thời, ngẫu phát. Do đó công việc học tập (giải quyết nhu cầu được chúng chủ động đưa tới làm phát triển óc sáng tạo, tinh thần sinh hoạt tập thể, khả năng hứng thú rất thích hợp với tuổi trẻ. Trước một nhu cầu hứng thú và thích hợp như vậy, trẻ con mới biết làm những gì để đối phó, giải quyết cho mình, cho đồng bạn, hơn nữa cho gia đình, địa phương theo trình độ, khả năng sức lực nhất là ý muốn. Tất cả những động tác đó được diễn tiến theo một trình tự từ trong ra ngoài, từ gần tới xa, từ cụ thể đến trừu tượng (bài học và việc làm). Giáo chức để cho trẻ con sinh hoạt tự do chỉ cần hướng dẫn và giúp đỡ chúng khai thác các đề tài học tập liên quan nhu cầu theo chương trình kiến thức tổng quát được qui định theo trình độ tuổi tác và lớp học.

Nhà trường cũng đặc biệt lưu tâm đến trẻ con cùng lứa tuổi học sinh không có dịp theo học. Nếu không được hướng dẫn những trẻ này sẽ trở nên những phần tử bất hảo hay nạn nhân của « nền văn minh ứ đọng » nhà trường có những tổ chức « bạn học sinh » để lôi kéo trẻ con ở địa phương tới lớp học, có dịp sinh hoạt tập thể với bạn bè như các buổi vui cuối tuần, văn nghệ, trò chơi thể thao. Nhà trường còn có thể mở lớp học trưa hoặc tối dành cho những em bạc phước đó. Các học sinh ở lớp học có thể mời các em ở địa phương tham gia hoạt động công ích khi học tập về nhu cầu hoặc mời các em tham dự các buổi cắm trại, du ngoạn.

Ngoài học đường, dân chúng cũng là phần tử liên hệ chặt chẽ với học sinh và có ảnh hưởng rộng lớn tới đời sống tinh thần lẫn vật chất của chúng, của con em mình. Bất cứ trong hoàn cảnh địa phương nào, thành thị hay thôn quê tiến bộ hay kém mở mang, dân chúng phụ huynh cũng phải được hướng dẫn, giáo dục đồng thời với trẻ con ở trường học. Dân chúng cấp thiết cần thỏa mãn liên quan đến giáo dục, y tế, kinh tế, xã hội. Giáo chức có bổn phận giúp dân chúng phát giác, nhận định các nhu cầu và hướng dẫn họ tìm cách giải quyết theo điều kiện và khả năng địa phương. Giải quyết nhu cầu hay thực hiện các vấn đề địa phương nhằm mục đích cải tiến con người, nâng cao mức sống và phát triển xã hội. Những nhu cầu của dân chúng phụ huynh hay vấn đề trọng đại của địa phương đều có liên hệ tới hay phát sinh từ nhu cầu trẻ con ở học đường. Vì lẽ trẻ con và dân chúng cùng sống chung trong một hoàn cảnh, cộng đồng, địa phương. Tuy nhiên, nhu cầu có giống nhau nhưng mỗi giới (trẻ con và dân chúng) sẽ khác nhau về mức độ lợi ích, ý thức, phương cách giải quyết cũng như thỏa mãn. Tùy cơ hội, tùy phương tiện và trình độ, giáo chức hướng dẫn và giúp đỡ trong học đường và ngoài xã hội. Trong điều kiện có thể được, trẻ con tham dự vào các hoạt động giải quyết vấn đề địa phương. Nhưng chúng không phải là công cụ phục vụ địa phương.

Thí dụ : Địa phương xảy ra bệnh dịch tả. Trẻ con ở lớp học nêu ra nhu cầu phòng ngừa dịch tả. Chúng tìm hiểu, nghiên cứu, sưu tầm các tài liệu, sách báo, hình ảnh liên hệ, đồng thời

thảo luận các biện pháp đối phó nhưng cần phải tiêm ngừa, giữ vệ sinh về nước uống, thức ăn, nhà cửa v. v. . . chẳng những đem ra học tập ở trong lớp mà chúng còn thực hiện ở gia đình hoặc biết khuyến khích và kêu gọi người thân, láng giềng phòng ngừa bệnh dịch tả. Dĩ nhiên, đó cũng là nhu cầu của dân chúng mà giáo chức hợp tác với dân chúng thực hiện mọi công tác liên hệ. . .

b) Mục tiêu của Giáo-dục Xã-hội :

Xã hội giáo dục đặt cá nhân học sinh vào khung cảnh xã hội.

Trước tiên, nhà trường quan niệm học sinh là đứa trẻ toàn diện; gần đủ bốn phần: thể xác, cảm năng, trí năng và xã hội. Nhà trường không thể chỉ khai thác riêng một phần nào được mà phải phát triển cùng một lúc, thật đồng đều. Giáo dục như vậy vừa có khả năng tác động trên mỗi cá nhân vừa toàn thể khối học sinh trong lớp tùy theo kích thước và đặc điểm của cá thể, tình cảm, năng khiếu, và trí năng về đời sống bên ngoài trường học. Kế đó sự phát triển của đứa trẻ kể như liên tục và tùy thuộc từng hạng tuổi. Đứa trẻ lớn lên cũng tùy thuộc vào hoàn cảnh của chúng đang sống.

Theo nhận xét trên, nhà trường chú ý tới sự cấu tạo giai cấp xã hội. Ở lớp học, mọi học sinh đều bình đẳng trong việc học tập, chơi đùa. Giáo chức có trách vụ tìm hiểu đứa trẻ xuất xứ từ gia đình nào, thuộc giai tầng nào nhưng tuyệt nhiên không nên thiên kiến trong công việc dạy dỗ. Nhà trường còn để ý đến những biến chuyển của xã hội.

sinh hoạt chính trị, kinh tế, giáo dục của xã hội ngày nay khác xa với của thời xa xưa. Nhà trường đi theo thời cuộc hay sự tiến hóa của xã hội. Giáo chức không thể nhắm mắt giảng dạy trong bốn bức tường. Nếu học đường mới nhằm chuẩn bị đời sống sau này cho lứa trẻ thì không thể sao lãng những biến chuyển về chính trị, xã hội, giáo dục...

Thứ đến, chương trình học phải liên quan tới nhu cầu địa phương. Xã-hội cần điều gì, nhà trường giảng dạy điều ấy. Dân địa phương sống về nghề chài lưới thì nhà trường không thể nào chỉ giảng dạy thuần về nghề trồng lúa được. Chương trình học phải hướng về ruộng vườn khi một xã hội đang khuếch trương nông nghiệp.

C. — GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG HAY XÃ HỘI GIÁO DỤC ?

Xuyên qua những mục tiêu giản yếu, chúng ta nhận thấy rằng cả hai hệ thống giáo dục đều nhằm cùng một đối tượng là Trẻ con, hiện hữu trong một hoàn cảnh xã hội, một cộng đồng mà nó đang sống và lớn lên. Tuy nhiên, Giáo dục Cộng đồng cùng thời hướng dẫn trẻ con lần dần chúng tự nhận định và giải quyết lấy nhu cầu của mình theo khả năng, điều kiện và hoàn cảnh ; còn xã hội giáo dục chỉ cố gắng làm phát triển toàn diện lứa trẻ thích nghi với mọi biến chuyển xã hội ; nhưng tuyệt nhiên không tìm cách giải quyết cũng như không đá động tới dân chúng.

Dù sao, điều mà chúng ta không phủ

nhận được : cả hai đường hướng giáo dục đều chủ trương cá nhân hóa và xã hội hóa việc dạy học. Sự kiện này biểu lộ chắc chắn tính cách nhân bản và tính cách dân tộc.

Giáo dục học đường đi vào giáo dục xã hội đâu phải là chối bỏ thiên tư, tính chất và nhu cầu trẻ con. Nhà trường đã biết gắn liền hai đường lối trong hai khung cảnh vừa làm phát triển tự nhiên các thứ ấy nơi lứa trẻ vừa thích nghi hóa nó vào hoàn cảnh xã hội cùng với những thể nhân trong cộng đồng. Và lại, học đường mới ngày nay đâu có hẹp hòi chỉ nhằm mục đích cá nhân hóa nền học mà còn đặt nặng phần xã hội hóa, mặc dù theo khoa tâm lý nhi đồng, trẻ con 10-12 mới bắt đầu có ý niệm về xã hội nhưng biết sống chung và sinh hoạt tập thể, còn tuổi từ 6-8 thì kém hơn. Như nhà triết học giáo dục John Dewey thuộc phái chủ trương phương pháp hoạt động căn cứ vào cách cấu tạo cá nhân tư tưởng cũng phát biểu trong một nguyên tắc sư phạm của ông như sau về ý thức xã hội : *Ý thức xã hội là kết quả tự nhiên của khoa sư phạm cơ năng.* (Giáo dục có nghĩa là « học » nhưng học nhờ sự sống và trong sự sống). Như vậy, Giáo dục cộng đồng không sai lạc khi chủ trương Học gắn liền với Hành và theo nhu cầu, hoàn cảnh địa phương, miễn là khi áp dụng đường lối ấy không phản lại tinh thần cá nhân hóa và không chối bỏ khoa tâm lý nhi đồng. Tuy nhiên vài khía cạnh về sư phạm và tâm lý cần được làm sáng tỏ thêm nữa để nó xứng đáng là một đường lối giáo dục.

Sau cùng, người ta cho rằng nhu cầu trẻ con không thể gắn chung với nhu cầu người lớn. Dĩ nhiên nhu cầu trẻ con đơn giản theo tuổi chúng và nhu cầu dân chúng phải phức tạp và cao xa hơn. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là không có chung một nhu cầu khi họ cùng sinh sống trong một cộng đồng, một xã hội địa phương. Cùng một nhu cầu nhưng sẽ giải quyết bằng những phương thế khác nhau. Và với hoàn cảnh biến đổi của xã hội ngày nay sẽ không có nhu cầu vốn vẹn cố định và hẹp hòi như Decroly vạch ra cho lứa trẻ: nhu cầu ăn uống, nhu cầu được che chở đối với thời tiết, nhu cầu cần bảo vệ đối với nguy hiểm, nhu cầu làm việc. Hiểu cách khác, tất cả những nhu cầu

hàng ngày của trẻ con không thể thu hẹp trong nhu cầu ấy mà từ đó phát sinh ra thật nhiều và còn cấp bách, cần giải quyết ngay chớ không chỉ qui định sẵn trước như vậy.

Chương trình của trường tiểu học cộng đồng kết hợp bằng các chủ đề và được giải quyết tuần tự do trẻ con lẫn người lớn mà đích điểm sẽ là cải tiến được điều kiện sinh hoạt và hoàn cảnh địa phương.

Nói tóm lại, Giáo dục cộng đồng quan niệm theo đường hướng mới chẳng những tương đồng với xã hội giáo dục mà còn bao gồm cả cá nhân hóa và xã hội hóa trẻ con lẫn người lớn trong hoàn cảnh cộng đồng.

TUẦN BÁO

THẦN CHUNG

- △ Tờ báo nhiều tuổi nhất ở V.N. hiện nay ;
- ✍ Tập trung những nhà làm báo lão luyện và yêu nghề ;
- ✦ Tuyên hợp những nhà bình luận chính trị già dặn và đứng đắn ;
- △ Tin tức chính xác và nhậm lệ.

võ bằng

BUỔI HỌC ĐẦU XUÂN

THỜI gian nghỉ tết đã hết. Tôi xách hành lý ra xe mà lòng còn luyến tiếc hương vị của mấy ngày xuân tại quê nhà.

Tuy tuổi đời càng tăng theo với tháng năm; tôi vẫn còn là một cô bé, một cô bé Việt Nam phẳng phất qua ý thơ của Nguyễn Nhược Pháp:

«Chân đi hài đỏ tay thu pháo.

Nhộn cả nhà lên tiếng hát vang». Đối với tôi, mùa xuân này là mùa xuân đáng nhớ nhất. Tôi đốt pháo, tôi ca hát vang nhà. Tôi nao nức đón xuân như thuở còn bé.

Trong cái rộn rã của năm tàn, quê hương tôi vẫn còn thanh bình quá. Tiếng pháo giao thừa không làm tôi liên tưởng đến tiếng súng đạn của cuộc chiến tàn khốc đang diễn ra trên đất nước thân yêu.

Cạnh cái thú được thưởng thức mùi vị của bánh chưng, của thịt mỡ, dưa hành hay được nghe những lời chúc tụng mộc mạc, cầu kỳ, tôi còn cảm

thấy một niềm vui đang trưởng thành trong cơ thể.

Chiều 30 Tết trong lúc nằng xuàn của Táo vật sắp về thì mùa Xuân của đời tôi cũng đến. Nhà cửa có vẻ tưng bừng hơn mọi năm vì lễ đình hôn của tôi. Không một đồ vật nào trong nhà là không được lau chùi, sắp đặt lại.

Mấy chậu hoa cúc, hoa lan, thực được trước thềm hàng ngày thật vô duyên nhưng hôm nay trông chúng đáng yêu lạ. Chúng mỉm cười để chào đón Chúa Xuân hay san sẻ niềm vui của tôi ?

Nhìn những đóa hoa xuân tươi thắm ấy, lòng tôi càng rộn lên và tôi khe khẽ hát :

«Xuân vừa về trên bãi cỏ non, gió xuân đưa lá vàng khơi nguồn,...»
Chẳng biết tôi đã hát bao nhiêu lần mà ba má tôi phải mắng yêu :

— Con Hạnh mày điên hả ? Sao hôm nay mày hát luôn mồm thế ? Không sợ thằng Khải nó cười à ? Chốc nữa là

nó đến rồi con ạ!

Và em tôi cũng trêu tôi :

— Chị Hạnh sắp lấy chồng nên sướng quá đó ba ma ạ! Ngày thường con có bao giờ nghe chị ấy hát đâu?

Vâng. Tôi sắp có chồng. Tôi thấy lòng ấm lại nhưng cũng lờm mắt mắng nó :

— Con ranh. Mày biết gì mà nói.

Thế rồi tôi bỏ ra nhà sau trước cái nhìn triu mến của song thân. Từ thuở bé đến giờ, tôi hoàn toàn sống trong hạnh phúc đầm ấm của gia đình. Tôi không bao giờ thiếu thốn về vật chất và tinh thần. Nhà tôi tuy còn giữ nề nếp Nho nhưng cha mẹ tôi không hề nghiêm khắc với các con trên phương diện tình cảm. Các người cho phép tôi chọn người yêu để đi đến hôn nhân miễn là người chồng tương lai của tôi được các người «vừa ý».

Và tôi đã chọn Khải. Khải và tôi cùng học với nhau suốt ban trung học. Tôi yêu Khải vì tính ngang tàng bướng bỉnh của chàng. Người con trai ấy khi đến với tôi đã sắm trọn vai trò của một người hùng trên tinh trường. Nhưng dưới cặp mắt rất Á đông của cha mẹ tôi, Khải tỏ ra lịch sự hào hoa đúng với phong độ một thư sinh của chốn cửa Khổng sân Trình. Chính nhờ sự uyển chuyển ấy Khải chiếm được lòng yêu của tôi và được gia đình tôi vừa ý.

MÁ tôi thường nói về người con rể với vẻ thỏa mãn :

— Con Hạnh nhà ta mà gặp thằng Khải thì hạnh phúc lắm. Hai đứa đều hiền lành như nhau thì lo gì mà vợ chồng không hòa thuận.

Ba tôi thì nhìn Khải theo một chiều hướng khác :

— Thằng thật dễ thương. Ở cái thời đại hỗn loạn này mà tìm được một thanh niên nho nhã như hắn thật cũng kho.

Tôi cười thầm về sự nhận xét của các người. Các người làm sao biết được những lúc tôi và Khải say đắm hôn nhau, những lúc mà chúng tôi biến thành quái vật dưới quan niệm cổ truyền.

Dù vậy tôi vẫn tự hào là chưa lần nào đi vào tội lỗi. Nếu « Chử trình đáng giá ngàn vàng » thì tôi cũng là người đáng hưởng được giá ấy. Và Khải đối với tôi vẫn là một thanh niên chân thành đáng yêu.

Trước song thân, tôi chỉ là con Hạnh bé nhỏ hay nũng nịu. Trước lũ học trò, tôi là một cô giáo, hiền lành thường nhân nại đổ dành chúng hơn là trừng phạt. Có lần tôi đã khóc, giữa lớp học vì sự ngỗ nghịch của chúng. Hình ảnh này làm cho tôi mất đi ít nhiều tự tin nhưng cũng thấy tự ái mình được vượt ve ; lũ trẻ đã xin lỗi cô giáo với những lời lẽ thật thà chất phác.

Tôi vào nghề đã hai nam nay. Thuở còn đi học, tôi đã thích nghề « gỏ đầu trẻ ». Mỗi lần thấy cô giáo đi vào lớp trước cái nhìn sợ sệt của bọn bé, tôi lại ao ước được làm cô giáo. Và khi

thấy cô có vẻ uy nghiêm như một vị tướng soái trước ba quân, tôi lại càng nôn nao với niềm mơ ước ấy. Không ngày nào là cô không phạt học trò. Mà cô phạt là phải. Lớp tôi hồi đó cũng có nhiều trò nghịch ngợm như bây giờ. Có điều là chúng tôi rất chăm học. So với hạng tuổi của tụi nhỏ ngày nay. Tôi thấy ngày trước mình giỏi hơn nhiều.

Trong số nạn nhân trong những cái xách tai, những cái gõ thước đau điếng hay những lần phạt quì ê ằm cả gối, tôi thấy có tôi. Ngày ấy tôi còn hiền và nhút nhác quá. Có đưa nào chọc ghẹo, ừ hiếp, tôi chỉ biết khóc mà thôi. Mỗi lần như thế là cô giáo phải can thiệp. Đến lúc thấy thủ phạm bị trừng phạt, tôi mới hết nước mắt. Lâu dần cô giáo cũng bực tức vì tính «mủ nhè» của «con bé Hạnh». Vì thế trong những lần sau này, hễ thấy tôi khóc là cô phạt quỳ ngay mà không cần biết phải trái. Vừa giận mình, giận bạn, giận cô, tôi còn nghe lời quở trách :

— Cô đã bảo Hạnh là khi nào có chuyện gì thì cứ thưa cô chớ không được khóc. Sao Hạnh vẫn không nghe lần sau thì bị giam ở lớp đấy.

Giọng cô thật êm ái nhưng cũng nghiêm nghị. Dù sao thì cô vẫn thương tôi, nhiều. Chính sự yêu trẻ, mến nghề và tình tình mềm mỏng của cô đã khiến tôi quyết định chọn nghề dạy học.

Tôi hăm hở thi vào sư phạm sau khi học hết ban Trung học. Ba má tôi chiều ý tôi nhưng thâm tâm thì không muốn tôi ra đời sớm. Gia đình tôi còn đủ sức

cho tôi ăn học mà!

Còn bạn bè tôi đa số đều mĩa mai :

-- Con Hạnh đi Sư phạm là ư lấy chồng đó bây ạ.

Tôi bực mình vì sự quan hệ giữa «Sư phạm» và «lấy chồng» mà chúng cố ý móc nối. Tôi cãi lại :

— Cứ gì phải đi Sư phạm mới lấy chồng được. Bộ những người không dạy học thì ở góa hết sao ?

Tụi bạn tôi không coi lời tôi ra gì nên vẫn tiếp tục chế nhạo. Chúng đưa ra một vài ví dụ để chứng minh cho lời chúng nói :

— Tụi tao nói câu ấy là dành riêng cho bọn nữ sinh thôi. Mà không thấy những đứa đi trước mày sao ? Con Ngân này, con Hoa này, con Thảo này.. vừa học Sư phạm ra là có chồng liền. Toàn những đứa «mủ nhè» như mày thế mà tiếp xúc với đời là bạo胆 khôn khéo ngay. Đến lượt mày cũng thế.

Và thấy chưa đủ, chúng tấn công thêm :

— Tụi tao không ngăn cản mày khi biết mày chọn nghề ấy. Tụi tao chỉ tiếc là rồi đây tình bạn giữa chúng mình không còn khẩn khít vì mày sắp vào đời và sắp có chồng. Vả lại mày không nghe người ta nói : «Dạy học là làm bạn với sự nghèo nàn và bội bạc đó sao ?».

HỒI ấy tôi tức cười vì lời bần của chúng nhưng bây giờ tôi thấy

chúng có lý. Tuy vậy, tôi vẫn không đổi ý. Hình ảnh cô giáo tôi ngày trước đã đến với tôi như một hào quang chiến thắng và tôi đã trở thành cô giáo.

Ngày đầu đến trường, tôi vẫn thấy mình bé bỏng như một nữ sinh. Từ trên xe hàng bước chân xuống phố Huyện, tôi bắt đầu gặp cái nhìn soi mói của những thiếu niên cỡ tuổi học trò. Chúng thì thầm bàn tán nhưng tiếng nói cũng vừa đủ để tôi nghe:

— Hôm trước tao nghe ông Hiệu trưởng nói là trường H. T sắp có một cô giáo mới. Có lẽ cô ta đó bây a. Trông cô nàng nhút nhát quá phải không? Nếu dạy lớp lớn thì khổ với học sinh mất. «En» cũng «se xy» đấy chứ Đứa nào dám tán không? Để tao lảng xè cho coi.

Tôi dấm lo, vì cảnh thân gái dấm trường. Nơi đây xa nhà tôi hàng trăm cây số. Tôi lại chẳng có người quen nào. Thế rồi tôi nghĩ nhanh đến Khải. Nếu có Khải chắc chàng sẽ trị bọn mắt dạy này không khó.

Hôm nay tôi cũng lại xách hàng lý tiến vào phố Huyện nhưng không còn ngõ ngàng như mấy năm về trước. Cảnh phố Huyện trong dịp đầu xuân vẫn như thuở nào: mấy chậu hoa vẫn còn trước thềm nhà, con đường đất đầy xác pháo đỏ... nhưng lần này tôi thấy chúng chứa đựng bao niềm vui.

Trên đường tới trường, lòng tôi rộn lên với nhiều nỗi mừng vui pha lẫn luyến tiếc.

Vui mừng, vì tôi đã có vị hôn phu, một người yêu tâm đầu ý hiệp. Lát nữa

đây khi gặp lại các bạn đồng nghiệp tôi sẽ báo cho họ biết tin này. Chắc họ sẽ tặng tôi nhiều câu chúc tụng nồng nàn như nắng ấm của mùa xuân.

Tôi sực nhớ đến Thức, người thầy giáo trẻ nhất trường. Hẳn thường dán vào người tôi những cái nhìn nóng bỏng. Tôi ít cảm tình với Thức vì hẳn hay phê bình không tốt về tôi trước bạn bè. Thức cho rằng cô giáo không hấp dẫn nhưng thật ra thì hàng ngày Thức vẫn nhìn tôi với cặp mắt khác thường, nhất là khi cơ thể tôi phò bầy những đường cong dưới lớp hàng mỏng.

Kề ra thì Thức cũng đẹp trai và ga lăng nữa. Chỉ phải cái vẻ khinh khỉnh của hẳn làm tôi ghét. Người hẳn không được tráng kiện cho lắm. Lần nào đứng trước tôi, Thức cũng hơi gập người một tí. Nhưng dù sao tôi vẫn cảm ơn Thức. Nhờ Thức, tôi vượt qua những khó khăn bở ngỡ lúc mới vào nghề. Tôi biết Thức có ý đeo đuổi tôi nhưng vẫn làm cao. Hẳn cũng biết lời mờ sự quan hệ giữa tôi và Khải. Mấy lần ra thăm tôi, Khải đều chuyện trò với hẳn và công nhận hẳn là người tốt.

Tôi muốn nhân dịp đầu xuân đề tỏ ra vui vẻ với Thức một lần. Tôi sẽ giới thiệu với hẳn về Khải, về tình yêu của chúng tôi. Có lẽ lúc ấy mặt Thức sẽ thộn ra trông tức cười lắm.

Vào nghề đã lâu, Thức vẫn chưa lập gia đình. Học trò hẳn bây giờ đã học đến bậc Trung học nhưng cảm tình đối với thầy cũ cũng lạt phai theo thời gian. Thức thường phàn nàn: Làm nghề thầy bây giờ bạc lắm cô Hạnh ạ. Minh dạy tụi nó học rồi khi lên cao, tụi nó

nhìn xuống lại thấy mình thấp thỏm, và mình sẽ được trả ơn bằng những câu khinh bạc vì chúng còn nhỏ quá. Nghĩ đến chúng, tôi lại thấy vui. Chốc nữa vào lớp, tôi sẽ bắt chúng thuật lại những mẩu chuyện vui vui trong mấy ngày Tết. Chúng ngỡ ngác hết sức nhưng cũng dễ thương. Và đa số đều nghèo.

CHA mẹ chúng làm lưng vất vả suốt năm vẫn không lo cho chúng đủ cái ăn cái mặc. Đến trường, chúng phục sức sơ sài, rách rưới. Nhiều đứa lạnh cúm trong làn gió thổi cắt da. Tôi nhớ mãi thằng Sơn ngồi trong góc trái của lớp học. Vì không mặc đủ ấm, Sơn co ro run rẩy như cụ già khiến cả lớp phì cười.

Thằng Đài thì không được chăm nom về cái ăn nên hay thờ bậy trong lớp. Một lần tôi đang chấm bài, thi tụi học trò nhao nhao lên:

— Thưa cô trò Đài... Tôi nhìn vội xuống cuối lớp. Đứa nào cũng lấy tay bịt mũi ra vẻ khó chịu lắm. Tuy đã đoán được sự việc, tôi cũng gắt:

— Trò Đài làm gì?

— Dạ trò Đài...

Tôi càng bực mình vì sự ấp úng của chúng:

— Trò Đài làm gì? nói mau có được không?

— Dạ trò Đài ỉa bậy trên ghế.

Học trò tôi còn dại quá. Chúng không thể làm nổi công tác vệ sinh ấy. Lẽ tất

nhiên là tôi phải gọi ông phụ trường. Khi nhận lãnh nhiệm vụ, mặt ông cau có một cách buồn cười.

Lần khác, thằng Đài nôn ra một chùm sán xơ mít. Tôi thấy lợm quá nên cũng nôn theo. Sau đó tôi phạt nó mấy roi vì nó không chịu ra khỏi lớp trước khi « làm xấu ».

Trong bọn, thằng Phương nhỏ nhất. Nó chưa có trí khôn nên chưa hề biết sợ kỷ luật là gì. Ngày nào tôi cũng dọa giam nó ở lớp vì nó quá nghịch. Nghe vậy, miệng Phương méo xệch ngay, rồi nó vừa khóc vừa nói lia lịa:

— Dạ không. Em không ở lại. Em về ăn cơm trưa mà.

Thế rồi Phương ôm sách vở vọt ra khỏi lớp dù lúc ấy chưa đến giờ tan học. Cả lớp đã cười vỡ bụng vì nó.

SUY nghĩ miên man tôi đã đến trường lúc nào cũng không biết. Giờ học vừa điểm. Tôi chào hỏi bạn bè rồi bước vào lớp. Những khuôn mặt non nớt hầu như mất hết vẻ nghịch ngợm ngày nào. Đứa nào cũng trang nghiêm yên lặng. Tôi ngạc nhiên trước cái không khí khác thường ấy. Có lý nào chúng đổi tình máu lệ đến thế? Hay chúng được thêm một tuổi nên cố làm ra vẻ « lớn »?

Tôi giở sổ ra điểm danh thì thấy thiếu mất thằng Sơn, thằng Đài, thằng Sinh và con Hảo. Không để tôi kịp hỏi lý do lũ trẻ đã vội vã thưa:

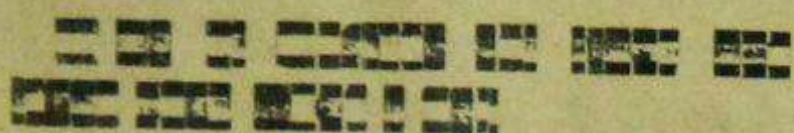
— Thưa cô trò Đài và trò Sơn chết rồi.

Tôi bàng hoàng :

— Trò Sơn và trò Đài chết rồi à ?

— Dạ.

— Làm sao mà chết ?



Tôi nghe một nỗi chua xót trào dâng từ cổ họng. Chiến tranh đã cướp mất của tôi mấy đứa em nhỏ mấy đứa học trò yêu.

Hôm chia tay về ăn Tết, tôi nhớ rõ khuôn mặt thằng Sơn. Nó nhìn cô giáo bằng đôi mắt ướt lệ. Theo ý kiến của giáo ban, năm nay trường sẽ mua một số quần áo để phát cho những em nghèo thay vì cho chúng ăn kẹo. Thằng Sơn có tên trong số ấy.

Tôi trao tặng nó chiếc sơ mi mới và không quên nhắn nhủ :

— Cô thay mặt nhà trường trao tặng em chiếc áo này để làm quà Tết. Sang năm mới em hãy cố gắng hơn nữa để khỏi phụ lòng ông Hiệu Trưởng và quý thầy quý cô nhé.

Nó li nhí cảm ơn cô giáo rồi chạy vụt về. Không ngờ lần tạm biệt giữa tôi và Sơn thành vĩnh biệt. Món quà tết tôi dành cho Sơn chắc giờ này đã khoát vào mình thằng nhỏ xấu số. Thi

thề Sơn có lẽ cũng bắt đầu băng rã trong lòng đất lạnh.

Nước mắt tôi bỗng chảy dài. Tôi hỏi tiếp :

Còn thằng Đài, thằng Sinh, con Hảo thì sao ?

— Dạ trò Đài bị thương nặng, vừa tới bệnh viện thì chết. Trò Sinh bị gãy chân. Trò Hảo bị phỏng nặng vì nhà cháy.

Thôi đủ rồi. Đừng kể nữa. Tôi chua xót nghĩ đến mấy ngày xuân vừa qua. Bao niềm vui ấp ủ trong tôi tan biến hết. Chỉ còn sự tiếc thương hối hận dày vò.

Thi ra học sinh lớp tôi đã nghiêm trang để mắt niệm những người bạn nhỏ bất hạnh. Chúng còn nhỏ dại mà biết tỏ ra thương bằng hữu, xót đồng bào. Còn tôi, tôi đã đắm mình trong những thú vui nhỏ nhen và ích kỷ. Tôi thấy mình hèn quá.

Trước mắt tôi hình ảnh Khải, rồi Sơn rồi Đài, Sinh, Hảo hiện ra nhanh chóng. Đầu tôi choáng váng nặng nề. Tôi gieo mình xuống ghế trong sự mệt mỏi cháng chường.

Dưới lớp, học sinh vẫn cúi đầu yên lặng.

HÃY ĐỌC

Nguyệt san VAN HẠNH
cơ quan phát huy văn hóa Phật giáo

SẮP PHÁT HÀNH

tuyển tập thơ

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

- Một vườn hoa thơ bị vùi dập vì giông bão chiến họa trên lòng đất mẹ Việt Nam nhưng vẫn vươn lên khoe sắc.
- Một tổng hợp tiếng nói về quyền sống về tình yêu thương.
- *Nhật Hạnh, Phong Sơn, Kiên Giang, Minh Trí, Mộc Triệu, Thái Luân, Hoàn Vũ, Hữu Hoàng, Hoài Thị Thanh, Chinh Văn, Nguyễn Văn Phụng, Đan Thanh, Dạ Giao Đằng, Minh Dũng, Ngô thị Sương, Nguyễn Mạnh Song Ka, Nguyễn Nho Nhượn, Trạ Vũ v.v...*

CÁC BẠN YÊU THƠ ĐÓN ĐỌC :

ANH CHỈ CÒN EM

Thi phẩm đầu tay của BÌNH DƯƠNG



Thơ của BÌNH DƯƠNG có những bài ngắn như những bài « CHIỀU », « GÓP LỬA », « CŨNG THỂ THỜI », « MÀU NGHĨA TRANG », « NGHĨA » lời thơ đơn giản nhưng diễn tả được cả tình và ý, cả tâm và cảnh, cũng hòa hợp được cả vũ trụ và nhân sinh, khiến ta nhớ đến loại thơ đơn giản của Nhật là loại thơ Hai Cú (HaiKu). Nghệ thuật diễn tả và bố cục thơ của BÌNH DƯƠNG cũng khá vững vàng, tỏ ra BÌNH DƯƠNG làm thơ đã từ lâu.

Tôi còn nhớ hồi đương chủ trương tờ Điện Báo Văn Nghệ (1951). Nhân dịp kỷ niệm đầy năm tờ báo, chúng tôi có cho ra một tập « TUYÊN TẬP THI CA » lựa in những thi phẩm xuất sắc của các bạn trẻ. Nhưng sau muốn đề cho tập thơ tuyên này có một tính cách đơn thuần và duy nhất, chúng tôi chỉ lựa đăng từ đầu đến cuối tập toàn thơ TRỤ VŨ, ngoại trừ có hai bài ngoài, đó là hai bài thơ của BÌNH DƯƠNG.

Từ bấy đến nay, có trên mười lăm năm.

BÌNH DƯƠNG còn sáng tác nhiều thơ nữa. Và bài nào cũng như bài trên, đều khơi nguồn cảm ở suối yêu thương, một tình yêu thương tỏa rộng bao gồm cả thiên nhiên tạo vật và lúc nào cũng hòa hợp với tình người.

Trích lời giới thiệu của LÊ TRÀNG KIỀU

PHÂN ƯU

Được tin Cụ **NGUYỄN-VĂN-LƯƠNG**, nhạc phụ anh Bình Dương **TRẦN-CHÍ-THIỆN** tạ thế vào ngày 26-5-1966 tại Phú Thọ Hòa,

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng Anh Chỉ và các cháu.

Trụ Vũ, Phong Sơn, Chinh Ba,
Diệp Đình, Lê Tràng Kiều,
Kiêm Minh, Chinh Văn.



HỘP THƯ' TÒA SOẠN

Tòa soạn Giữ Thơm Quê Mẹ vừa nhận được các tác phẩm sau đây của các bạn :

— Bài cho em 1966 thơ M.T — Quê hương ; Loài sâu vũ khí thơ H.C.T — Xương máu tim óc ; Thức đêm ; Giấc mơ ; thơ LLH — Cô Lê ; thơ L3 — Khăn hồng ; Màu mắt trẻ ; thơ M.T.N — Hình ảnh chiến tranh ; thơ T.N.M — Quê hương tôi ; thơ T.L — Viết cho đất nước ; Chờ vợ ; Lời ru quê mẹ ; thơ P.H.Đ — Mặt hán hôm nay truyện M.T.N.

Tòa soạn Giữ Thơm Quê Mẹ trân trọng cảm tạ các bạn và xin các bạn vui lòng đừng gửi các tác phẩm kể trên (trong thời hạn ba tháng) đến các báo khác, để tránh việc đăng trùng phiền phức. Một lần nữa, kính chúc các bạn vui, mạnh và sáng tác thật dồi dào phong phú.

T.V.

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO MỚI

Tòa soạn Giữ Thơm Quê Mẹ vừa nhận được các tác phẩm sau đây do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng :

— *THƠ PHI THI*, của Nguyễn Đức Vinh do tác giả trình bày và xuất bản. Bán đặc biệt không đề giá.

— *THƯƠNG CA BIÊN NHỚ*, thi phẩm của Võ Quê Châu Băng Tâm xuất bản đầu mùa hạ 66. Bản tặng không đề giá.

— *TRONG THÀNH PHỐ NGOÀI MẶT TRẬN*, tập truyện ngắn của Nguyễn Trung Dũng do tác giả xuất bản. Giá 38 đồng.

Xin chân thành cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản kể trên, và trân trọng giới thiệu cùng độc giả Giữ Thơm Quê Mẹ.

G.T.Q.M.

V
I
E
T
N
A
M
H
A
N
G
K
H
O
N
G

A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

TRONG ĐÔNG-NAM Á



**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng *Caravelle*
của
ĐƯỜNG BAY

Hasen VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG: 800 CÂY SỐNG NGÀN MỘT GIỜ
- ★ ỀM-ÁI. MÁT-MỀ. ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN. ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Ngoài ra, trên tàu Quý-vị sẽ thưởng thức những món ăn đặc-biệt do các nữ tiếp-viên xinh-lịch niềm-nở tiếp đãi

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM HANG-KHÔNG



116. NGUYEN-HUE SAIGON. 21.524.625.646



AIP.

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

702/78 Phan-Thanh-Giản SAIGON



ĐÃ PHÁT HÀNH :

NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI
NHỚ CẢNH NHỚ NGƯỜI

NHẤT HẠNH
PEARL S. BUCK, NGUYỄN THẾ VINH dịch

SÁCH ĐANG IN :

ẢO TƯỢNG SƠN NAM, THIỀU CHI, NHẤT HẠNH, HỒ HỮU TƯỜNG,
CHINH BA, VÕ PHIẾN, TUỆ UYÊN
CÁO ĐỤC CỘNG ĐỒNG VƯƠNG PÈN LIÊM

SÁCH SẮP TÁI BẢN :

ĐẠO PHẬT ĐI VÀO CUỘC ĐỜI NHẤT HẠNH
BÔNG HỒNG CÀI ÁO NHẤT HẠNH
CÂU CHUYỆN CỦA DÒNG SÔNG HERMANN HESSE, PHÙNG KHÁNH
và PHÙNG THĂNG dịch

SÁCH SẮP IN :

NHỮNG ĐỨA TRẺ Ở GUERNICA HERMANN KESTEN, TAM ÍCH dịch
BUÔNG XẢ (Tư duy về Zen) HUBERT BENOIT, NGUYỄN MINH TÂM dịch
ĐỜI CỦA PHẬT NHẤT HẠNH
DUY THỨC HỌC THÔNG LUẬN THẠC ĐỨC
ĐỂ HIỂU ĐẠO PHẬT THẠC ĐỨC
CON SUỐI MÙA XUÂN VÕ HỒNG
NHỊP CẦU SÔNG DRINA IVO ANDRITCH (Nobel 1961) TAM ÍCH diễn ra
Việt Văn, đề tựa và giới thiệu
NÉO VỀ CỦA Ý (truyện dài) NHẤT HẠNH

THƯ TỪ VỀ NHÀ XUẤT BẢN XIN GỬI CHO TỬ MẪN
BƯU PHIẾU ĐỀ CÔ CAO NGỌC THANH